

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange
on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
SONADEZI COOPERATION
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH
SONADEZI LONG THANH
SHAREHOLDING CO.,

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Long Thành, ngày 05 tháng 04 năm 2021
Long Thành, day 05 month 04 year 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: **Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành**
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: **SZL**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại/ *Telephone*: 02513.514.494
- Fax: 02513.514.499
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Phạm Anh Tuấn
- Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 gồm:

1. Chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
4. Thẻ lệ bầu cử thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2021-2026).

5. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.
6. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
7. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2021.
8. Tờ trình chỉnh sửa Điều lệ Công ty.
9. Tờ trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Long Phước 1 (75ha).
10. Tờ trình phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.
11. Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của HĐQT.
12. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2020 của Công ty.
13. Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2021.
14. Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
15. Tờ trình thông qua mức thù lao của HĐQT/BKS năm 2020 và mức thù lao năm 2021.
16. Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ IV (2016 - 2020), định hướng hoạt động nhiệm kỳ V (2021 - 2026).
17. Tờ trình thông qua danh sách đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ V (2021-2026).
18. Sơ yếu lý lịch.
19. Thẻ biểu quyết.
20. Dự thảo Biên bản, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành vào ngày 05/04/2021 tại đường dẫn <http://www.szl.com.vn> của công ty.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT /
Documents related to the disclosure

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH



SONADEZI
LONG THANH
MEMBER OF SONADEZI

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



Ngày 27 tháng 04 năm 2021



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành,
 xã Tam An, huyện Long Thành
 tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3514494/96
 Fax: 0251.3514492/99
 Email: longthanhiz@szl.com.vn
 Website: <http://www.szl.com.vn>

DANH MỤC HỒ SƠ HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH NĂM 2021

Ngày 27/4/2021

STT	Nội dung
1.	Danh mục hồ sơ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2.	Chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3.	Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4.	Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
5.	Thẻ lệ bầu cử thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2021-2026).
6.	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.
7.	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
8.	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2021
9.	Tờ trình chỉnh sửa Điều lệ Công ty
10.	Tờ trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Long Phước 1 (75ha)
11.	Tờ trình phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
12.	Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của HĐQT.
13.	Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2020 của Công ty
14.	Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2021.
15.	Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
16.	Tờ trình thông qua mức thù lao của HĐQT/BKS năm 2020 và mức thù lao năm 2021.
17.	Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ IV (2016 - 2020), định hướng hoạt động nhiệm kỳ V (2021 - 2026).
18.	Tờ trình thông qua danh sách đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ V (2021-2026).
19.	Sơ yếu lý lịch

-
20. Thẻ biểu quyết 1 – Bầu TV.HĐQT
 21. Thẻ biểu quyết 2 – Bầu TV.BKS
 22. Thẻ biểu quyết 3 – Thông qua nội dung họp
 23. Thẻ biểu quyết 4 – Biên bản, Nghị quyết
-



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành,
 xã Tam An, huyện Long Thành
 tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3514494/96
 Fax: 0251.3514492/99
 Email: longthanhiz@szl.com.vn
 Website: http://www.szl.com.vn

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH NĂM 2021
Ngày 27/04/2021

STT	Thời gian	Nội dung chương trình
1.	8h00 - 8h30	- Đăng ký danh sách cổ đông dự họp, phát tài liệu, thẻ biểu quyết cho cổ đông, kiểm tra tư cách đại biểu
2.	8h30 – 8h40	- Chào cờ - Tuyên bố lý do – Giới thiệu đại biểu
3.	8h40 – 8h45	- Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách đại biểu
4.	8h45 – 9h00	- Giới thiệu Đoàn chủ tịch và Chủ tọa Đại hội - Cử Ban Thư ký Đại hội - Cử Ban kiểm phiếu/bầu cử của đại hội
5.	9h00 – 9h10	- Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐTN 2021 - Thông qua Quy chế làm việc ĐHĐCĐTN 2021 - Thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐTN 2021
6.	9h10 – 9h25	- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán. - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2021 - Tờ trình chỉnh sửa Điều lệ Công ty.
7.	9h25 – 9h35	- Tờ trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Long Phước 1 (75ha). - Tờ trình phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. - Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của HĐQT.
8.	9h55 – 10h05	- Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2020 của Công ty. - Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2021. - Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

STT	Thời gian	Nội dung chương trình
9.	9h35 – 9h55	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thông qua mức thù lao của HĐQT/BKS năm 2020 và mức thù lao năm 2021. - Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ IV (2016 - 2020), định hướng hoạt động nhiệm kỳ V (2021 - 2026). - Tờ trình thông qua danh sách đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ V (2021-2026).
10.	10h05 – 10h15	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận – Cô đọng đặt câu hỏi – Trả lời câu hỏi
11.	10h15 – 10h25	<p>Biểu quyết thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán. ❖ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021. ❖ Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2021 ❖ Tờ trình chỉnh sửa Điều lệ Công ty. ❖ Tờ trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Long Phước 1 (75ha). ❖ Tờ trình phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. ❖ Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của HĐQT. ❖ Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2020 của Công ty. ❖ Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2021. ❖ Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. ❖ Tờ trình thông qua mức thù lao của HĐQT/BKS năm 2020 và mức thù lao năm 2021. ❖ Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ IV (2016 - 2020), định hướng hoạt động nhiệm kỳ V (2021 - 2026). ❖ Tờ trình thông qua danh sách đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ V (2021-2026).
12.	10h25 – 10h30	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Kiểm phiếu thông qua Quy chế bầu cử HĐQT/BKS Nhiệm kỳ V (2021 – 2026).
13.	10h30 – 10h35	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Kiểm phiếu thu và kiểm thẻ biểu quyết số 01 và 02. - Đại hội nghỉ giải lao lần 01
14.	10h35 – 10h45	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS Nhiệm kỳ V (2021-2026). (Biên bản kiểm phiếu - Thẻ biểu quyết số 01, 02) - TV.HĐQT/BKS Nhiệm kỳ V ra mắt đại hội - Chia tay TV.HĐQT/BKS Nhiệm kỳ IV – Ông N.V.Tuấn tặng hoa cho TV không tham gia HĐQT/BKS nhiệm kỳ V

STT	Thời gian	Nội dung chương trình
15.	10h45 – 10h55	<ul style="list-style-type: none"> - TV.HĐQT họp bầu Chủ tịch nhiệm kỳ V (2021 - 2026) - Ban kiểm soát họp bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2021 - 2026) - Đại hội nghỉ giải lao lần 02 tại chỗ (10 phút)
16.	10h55 – 11h05	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả bầu Chủ tịch nhiệm kỳ V (2021-2026) <i>(Biên bản họp HĐQT)</i> - Công bố kết quả bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ V (2021-2026). <i>(Biên bản họp BKS).</i>
17.	11h05 – 11h15	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Kiểm phiếu thu và kiểm thẻ biểu quyết số 03. - Đại hội nghỉ giải lao lần 03
18.	11h15 – 11h20	<ul style="list-style-type: none"> - BKP Công bố kết quả kiểm phiếu Thẻ biểu quyết số 03. <i>(Biên bản kiểm phiếu - Thẻ biểu quyết số 03).</i>
19.	11h20 – 11h30	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. - Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
20.	11h30	<ul style="list-style-type: none"> - BKP thu và kiểm các thẻ biểu quyết số 04. - Chào cờ bế mạc.



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành,
 xã Tam An, huyện Long Thành
 tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3514494/96
 Fax: 0251.3514492/99
 Email: longthanhiz@szl.com.vn
 Website: http://www.szl.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1: Những quy định chung:

- 1.1. Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.
- 1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 2: Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch:

- 2.1. Đoàn Chủ tịch bao gồm hai người là Chủ tịch HĐQT và Ủy viên HĐQT kiêm TGD. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa là người chủ trì Đại hội.
- 2.2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa:
 - Chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết.
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng yêu cầu.
- 2.3. Nguyên tắc làm việc:
 - Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

Điều 3: Thư ký, quyền và nghĩa vụ của Thư ký:

- 3.1. Thư ký do Đoàn Chủ tịch đề cử, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

3.2. Nhiệm vụ của Thư ký:

- Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận câu hỏi của các cổ đông.

Điều 4: Ban kiểm phiếu, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:

4.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là cổ đông.

4.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
- Tổ chức kiểm phiếu.
- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông.
- Giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 5: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội:

5.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử.

5.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội thực hiện kiểm tra điều kiện dự họp của các cổ đông đến họp; Phát các tài liệu liên quan đến Đại hội; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

6.1. Điều kiện tham dự:

Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày 19/03/2021) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu ..) và Thư mời tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách đại biểu để kiểm tra điều kiện tham dự của cổ đông.
- Mỗi cổ đông tham dự họp được nhận tài liệu dự họp bao gồm: tài liệu đọc, phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, phiếu đóng góp ý kiến. Trên các phiếu sẽ có ghi số cổ phần sở hữu, cổ đông có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm tra kiểm tra điều kiện tham dự được biết về các sai sót liên quan đến thông tin của cổ đông.
- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông khi có nhu cầu cá nhân cần ra ngoài hội trường cần giữ trật tự để tránh làm phiền các cổ đông khác cũng như làm gián đoạn tiến trình đại hội và công việc của Chủ tọa.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

- Các cổ đông phải giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu.
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Luật doanh nghiệp.
- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng tránh dịch bệnh, đảm bảo sức khỏe cho cổ đông và những người xung quanh như các thủ tục khai báo y tế, đo thân nhiệt, rửa tay sát khuẩn cũng như đeo khẩu trang trong suốt quá trình Đại hội diễn ra.

Điều 7: Tiến hành đại hội

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 19/03/2021.

Điều 8: Phát biểu ý kiến trong Đại hội:

Để đảm bảo tránh trùng lặp trong ý kiến phát biểu, đề nghị Cổ đông đăng ký nội dung ý kiến với Đoàn chủ tịch (qua Thư ký đại hội) bằng phiếu đóng góp ý kiến, sau khi Chủ tọa trả lời nếu cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa mời, cổ đông mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 01 phút, nội dung cần ngắn gọn, súc tích.

Điều 9: Thể lệ biểu quyết

- 9.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- 9.2. Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
- 9.3. Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:
 - Các nội dung sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 10: Biên bản Đại hội đồng cổ đông

- Thư ký Đại hội sẽ ghi chép các nội dung của Biên bản Đại hội.
- Biên bản Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 11: Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.
- Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12: Điều khoản thi hành

- Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Sonadezi Long Thành năm 2021 gồm 12 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.
- Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
- Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự họp Đại hội chịu trách nhiệm thực hiện các quy định của Quy chế này./.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Tuấn



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành,
 xã Tam An, huyện Long Thành
 tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3514494/96
 Fax: 0251.3514492/99
 Email: longthanhiz@szl.com.vn
 Website: http://www.szl.com.vn

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH VỀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2021 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;
 Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.*

Việc biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các báo cáo, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo nguyên tắc, thể lệ sau đây:

1. Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều phải biểu quyết công khai và trực tiếp theo chương trình Đại hội đã được thông qua.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty;
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
4. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và /hoặc đại diện sở hữu.

7. Thẻ lệ biểu quyết:

Để thuận lợi và nhanh chóng trong công tác kiểm phiếu biểu quyết, cách thức biểu quyết tại Đại hội được tiến hành như sau:

a) Khi đăng ký cổ đông tham dự Đại hội, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông và/hoặc đại diện cổ đông được ủy quyền có quyền biểu quyết 01 Phiếu biểu quyết và 04 Thẻ biểu quyết (số 1,2,3&4):

+ Trên mỗi Phiếu biểu quyết có ghi tên của cổ đông hoặc đại diện cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó.

+ Nội dung trên Thẻ biểu quyết số 1 là biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị

+ Nội dung trên Thẻ biểu quyết số 2 là biểu quyết bầu Thành viên BKS

+ Nội dung trên Thẻ biểu quyết số 3 là các vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội.

+ Nội dung trên Thẻ biểu quyết số 4 là biểu quyết về Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết; đồng thời đánh dấu vào Thẻ biểu quyết.

c) Đối với nội dung biểu quyết của Thẻ số 1, Thẻ số 2 đề nghị Quý cổ đông xem thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát.

d) Đối với các nội dung biểu quyết của thẻ số 3, 4 việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành bằng cách giơ Phiếu biểu quyết, Ban Kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số cổ phần **“Không tán thành”**, sau đó đếm số cổ phần **“Không ý kiến”** và cuối cùng đếm số cổ phần **“Tán thành.”**

e) Sau khi Đại hội đã biểu quyết xong các vấn đề trên Thẻ biểu quyết số 3, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành thu hồi lại Thẻ biểu quyết này để kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết chính xác cho từng nội dung, vấn đề được biểu quyết tại Đại hội. Trưởng ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết trước Đại hội.

f) Khi Đại hội kết thúc, Ban kiểm phiếu sẽ thu các Thẻ biểu quyết số 04 để đưa ra kết quả biểu quyết về Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

g) Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

8. Quy định về Thẻ biểu quyết:

Các Thẻ biểu quyết có một trong những yếu tố sau đây là không hợp lệ:

- Thẻ không phải do Ban tổ chức phát hành theo mẫu quy định;

- Thẻ không điền vào ô nào hoặc điền vào 2 ô trở lên cho một nội dung biểu quyết;

- Thẻ tẩy, xoá, sửa chữa các ký hiệu điền trong ô;
- Thẻ điền hoặc viết, vẽ ngoài ô theo quy định;
- Thẻ rách rời không còn nguyên vẹn các ô để điền hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho kiểm soát và kiểm phiếu.

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được thông qua tại Đại hội.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

Lê Hồng Hải



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành,
 xã Tam An, huyện Long Thành
 tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3514494/96
 Fax: 0251.3514492/99
 Email: longthanhiz@szl.com.vn
 Website: http://www.szl.com.vn

QUY CHẾ BẦU CỬ HĐQT, BKS NHIỆM KỶ V (2021-2026)
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

DỰ THẢO

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;
 Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.*

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ V (2021-2026) tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành năm 2021 được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt sổ cổ đông ngày 19/3/2021).

Điều 2. Chủ tọa đoàn tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử

Chủ tọa đoàn tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử theo các công việc cụ thể sau:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ V (2021-2026).
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử, (nếu có)

Điều 3. Đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT, BKS:

3.1. Số lượng Thành viên HĐQT và BKS được bầu:

- Số lượng Thành viên HĐQT được bầu: 07 người. Trong đó:
 - + Số lượng Thành viên độc lập HĐQT: 02 người.
 - + Số lượng Thành viên HĐQT: 05 người.
- Số lượng Thành viên BKS được bầu: 03 người.

3.2. Quyền đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT:

- Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3.3. Quyền đề cử, ứng cử Thành viên BKS:

- Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT, Thành viên BKS:

4.1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Thành viên HĐQT:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

- Không được là người có quan hệ gia đình của:

+ Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

+ Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Sonadezi;

4.2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Thành viên độc lập HĐQT:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ,

con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4.3. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Thành viên BKS:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không được là người có quan hệ gia đình của:

- + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty Sonadezi;

- + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

- + Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi;

- + Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Sonadezi tại Công ty.

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 5. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

- Phiếu đề cử (ứng cử) tham gia HĐQT, BKS (theo mẫu);

- Bản sao các giấy tờ sau : CMND/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu)

- 01 tấm hình 3x4

- Các giấy tờ khác liên quan khác (nếu có)

Điều 6. Phương thức bầu cử:

6.1. Phương thức bầu cử

- Việc bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS

- Cổ đông có quyền dồn hết **tổng số phiếu bầu** của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên có tên trong danh sách ứng cử, nhưng không quá 07 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS; hoặc có quyền không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trắng). Cổ đông ủng hộ ứng viên nào bao nhiêu phiếu thì sẽ ghi số lượng phiếu mình ủng hộ vào cột **“Số phiếu bầu”** bên phải phần **“Họ tên ứng cử viên”**.

- Nếu cổ đông không dồn phiếu cho bất kỳ người nào trong danh sách ứng cử viên thì cột **“Số phiếu bầu”** bên phải phần **“Họ tên ứng cử viên”** ghi số lượng phiếu đúng bằng số cổ phần sở hữu/đại diện của mình.

6.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có đóng dấu treo của công ty và danh sách ứng cử viên đã được Đại hội biểu quyết.

- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu Thành viên HĐQT và một phiếu bầu Thành viên BKS.

- Các cổ đông điền số phiếu biểu quyết cho mỗi thành viên mà mình tín nhiệm sao cho tổng số phiếu bầu của các thành viên phải bằng hoặc thấp hơn tổng số quyền biểu quyết của mỗi cổ đông.

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được kiểm tra, niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

6.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.

- Phiếu bầu có tổng số cổ phần biểu quyết cho các thành viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

- Phiếu bầu quá số lượng thành viên quy định.

Điều 7: Kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và

cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử:

- Ứng viên trúng cử Thành viên HĐQT, Thành viên BKS được chọn theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ 07 thành viên HĐQT (trong đó phải đảm bảo đủ 02 thành viên độc lập HĐQT) và 03 thành viên BKS.

- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau; Ứng viên có phiếu bầu cao hơn sẽ là người trúng cử.

Điều 9. Điều khoản thi hành:

Quy chế bầu cử này gồm 9 điều và có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành,

HĐQT Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2020 (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.szl.com.vn) bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020
3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính

(Đính kèm báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán)

Theo ý kiến của Kiểm toán viên công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên chấp thuận thông qua.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HS ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 202

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 46



CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Bà Huỳnh Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên
Ông Vũ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Lê Tiến Bộ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Hoa	Thành viên
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 11 năm 2020)
Ông Lê Xuân Sâm	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2021



Số: 146/2021/KH-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Huỳnh Thị Bích Liễu
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3902-2017-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SONADEZI
LONG THÀNH
CÔNG THẮNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		573.092.036.254	656.106.111.184
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	300.476.954.473	287.727.804.571
1. Tiền	111		17.226.954.473	29.327.804.571
2. Các khoản tương đương tiền	112		283.250.000.000	258.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		111.300.000.000	211.100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	111.300.000.000	211.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.483.842.225	73.861.726.496
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	28.056.860.946	13.541.196.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	27.108.567.333	43.777.714.044
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	22.949.190.453	17.959.928.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.630.776.507)	(1.417.112.109)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	81.420.099.770	74.169.579.767
1. Hàng tồn kho	141		81.420.099.770	74.169.579.767
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.411.139.786	9.247.000.350
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	1.092.650.000	1.088.495.451
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.318.489.786	8.158.504.899
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.079.959.357.311	980.934.156.165
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.680.592.539	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.680.592.539	-
II. Tài sản cố định	220		131.064.111.610	144.083.608.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	130.991.191.705	144.038.676.253
Nguyên giá	222		476.531.035.105	467.131.478.829
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(345.539.843.400)	(323.092.802.576)
2. Tài sản cố định vô hình	227		72.919.905	44.932.000
Nguyên giá	228		830.991.134	775.039.229
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(758.071.229)	(730.107.229)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.10	405.634.259.717	377.327.126.733
1. Nguyên giá	231		658.774.887.990	594.660.751.731
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(253.140.628.273)	(217.333.624.998)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.399.816.513	48.030.574.101
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	52.399.816.513	48.030.574.101
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		270.836.400.000	190.836.400.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	104.500.000.000	24.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	166.336.400.000	166.336.400.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		216.344.176.932	220.656.447.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	214.630.763.300	218.945.118.089
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.17	1.713.413.632	1.711.328.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.653.051.393.565	1.637.040.267.349

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.099.986.720.944	930.177.129.129
I. Nợ ngắn hạn	310		114.605.585.401	127.685.919.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	18.174.700.547	30.159.558.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.000.123.912	20.138.251
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.134.290.743	3.314.434.937
4. Phải trả người lao động	314		7.243.838.553	5.128.386.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	6.926.781.066	3.538.582.941
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	25.626.700.760	25.645.995.620
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	16.538.441.065	32.139.042.591
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	8.250.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.710.708.755	27.739.780.438
II. Nợ dài hạn	330		985.381.135.543	802.491.209.491
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		8.084.000.000	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.14	8.567.067.755	9.183.628.433
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	721.921.816.887	747.529.222.787
4. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	244.924.489.451	45.778.358.271
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	1.883.761.450	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		553.064.672.621	706.863.138.220
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	553.064.672.621	706.863.138.220
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.619.235	4.000.619.235
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.812.874.949)	(22.812.874.949)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		134.930.985.396	124.635.985.396
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		236.945.942.939	401.039.408.538
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		134.914.753.234	298.088.813.187
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		102.031.189.705	102.950.595.351
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.653.051.393.565	1.637.040.267.349



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Tiêu Thị Cẩm Anh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Địa chỉ: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	359.308.945.514	371.050.952.711
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		359.308.945.514	371.050.952.711
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	235.648.647.194	251.942.157.887
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.660.298.320	119.108.794.824
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	44.982.988.661	47.060.346.503
6. Chi phí tài chính	22		145.326.171	40.758
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		145.187.000	-
7. Chi phí bán hàng	25		3.699.223.967	4.693.141.570
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	40.883.394.360	39.345.988.454
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		123.915.342.483	122.129.970.545
10. Thu nhập khác	31		789.387.724	6.313.044.081
11. Chi phí khác	32		417.893.308	1.420.380.444
12. Lợi nhuận khác	40		371.494.416	4.892.663.637
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		124.286.836.899	127.022.634.182
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	22.257.731.837	23.900.797.231
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.084.643)	171.241.600
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		102.031.189.705	102.950.595.351
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.19.4	4.487	4.879



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Tiêu Thị Cẩm Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		124.286.836.899	127.022.634.182
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	57.418.877.099	51.736.751.482
Các khoản dự phòng	03		2.213.664.398	(518.387.336)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		26.840	10.935
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.058.128.425)	(43.094.321.551)
Chi phí lãi vay	06		145.187.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		140.006.463.811	135.146.687.712
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.351.427.869	(6.534.017.490)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.279.365.003)	2.789.411.014
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		52.271.121.618	4.657.419.270
Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.247.696.240	(2.025.611.439)
Tiền lãi vay đã trả	14		(145.187.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(23.269.279.100)	(20.573.602.804)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(13.254.871.683)	(13.236.206.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		154.928.006.752	100.224.079.469
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(154.795.135.104)	(165.177.905.902)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(275.100.000.000)	(296.475.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		374.900.000.000	538.075.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(80.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.210.752.425	52.448.463.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(97.784.382.679)	128.870.557.649

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		10.133.761.450	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(54.560.194.000)	(27.311.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(44.426.432.550)	(27.311.260.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		12.717.191.523	201.783.377.118
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		287.727.804.571	85.945.123.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		31.958.379	(695.883)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	300.476.954.473	287.727.804.571



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Tiêu Thị Cẩm Anh
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 VÀ
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021**

PHẦN I: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 được đánh giá là năm khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước trước ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên hoạt động của công ty vẫn đảm bảo duy trì an toàn, liên tục, thông suốt. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 cũng đã ghi nhận sự nỗ lực của Công ty với việc hoàn thành gần như toàn diện các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Một số thông tin chính về kết quả kinh doanh của năm như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện năm 2020/năm 2019
		(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)=(3)/(1)
1	Tổng Doanh thu	424,4	409,2	405	98,97%	95,43%
2	Lợi nhuận trước thuế	127	108,85	124,2	114,10%	97,79%
3	Thuế TNDN	23,9	21,77	22,2	101,98%	92,89%
4	Lợi nhuận sau thuế	103	87,08	102,0	117,13%	99,03%

(Nguồn: Theo Báo cáo Tài chính năm 2020 đã kiểm toán)

Chi tiết:

Đất công nghiệp cho thuê

Trong năm 2020, Công ty đang đàm phán với khách hàng cho thuê phần diện tích đất công nghiệp còn lại với diện tích 0,74ha. Dự kiến sẽ ký Bản thỏa thuận trong năm 2021. Lũy kế đến thời điểm hiện tại, Công ty đã cho thuê được 2.591.185,4 m² (259,11 ha). Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị cho thuê lại đất dịch vụ tại KCN Long Thành.

Nhà xưởng cho thuê

Năm 2020, công ty đã cho thuê 18 nhà xưởng, trong đó có 06 khách hàng mới ký Hợp đồng thuê 08 nhà xưởng (NX 13, NX 19, NX 50&51, NX55; các NX 38,39 và NX 54 ký BTT 2019 chuyển sang) và 07 khách hàng tái ký phụ lục thuê 10 nhà xưởng

(NX 34&35, NX 06, NX 60, NX 45, NX 37, NX 30-31, NX 17-18). Lũy kế đến thời điểm hiện tại, đã cho thuê được 50 nhà xưởng, tổng diện tích đất xây dựng nhà xưởng đã cho thuê (ký hợp đồng và bản thỏa thuận) là 250,608.62 m² (25,06 ha).

Đối với công tác cho thuê nhà xưởng tại KCN Châu Đức: Đến thời điểm hiện tại Công ty đã ký Hợp đồng với 02 khách hàng thuê 03 nhà xưởng (NX 01, NX 02, NX 03). Các nhà xưởng số 04&05 thuộc Cụm xưởng GD1 đang được Công ty triển khai tiếp thị cho thuê đến các khách hàng tiềm năng.

Nhà xây thô và đất nền

Tổng số đất nền và nhà liên kế xây sẵn đã bán tại KDC Tam An 1 trong đợt 1 và đợt 2 đến thời điểm hiện tại là 271 nền và 13 căn nhà liên kế 3. Hiện tại, công ty đang triển khai xây dựng 14 căn liên kế 3 và tiếp tục hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng nên công ty chưa thực hiện mở bán sản phẩm đợt 3.

Tình hình bán hàng của Cửa hàng xăng dầu Sonadezi

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch bán hàng 2020	Thực hiện	
				Nhập	Xuất
1	Xăng khoáng	lít	1.164.000	1.219.000	1.210.768
2	Dầu DO 0.05S	lít	1.140.000	1.240.000	1.232.343

2. Công tác xây dựng cơ bản

Công ty triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch xây dựng cơ bản đã được phê duyệt. Đến nay, công ty đã và đang triển khai xây dựng được 52 nhà xưởng thuộc các cụm xưởng cho thuê tại KCN Long Thành để đưa vào hoạt động tiếp thị, và đã có 51/52 nhà xưởng có khách hàng ký hợp đồng thuê. Nhằm tiếp tục định hướng đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê đảm bảo nguồn sản phẩm cũng như đa dạng hóa nhà xưởng cho thuê phù hợp với các nhu cầu khác nhau của nhà đầu tư, công ty tiếp tục lập hồ sơ quy hoạch Cụm nhà xưởng giai đoạn 5,6 để triển khai xây dựng từ năm 2021.

Ngoài ra, đối với phần diện tích đất khu dịch vụ 27,63 ha tại KCN Long Thành, Công ty sẽ phát triển các loại hình dịch vụ hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ đa dạng (như dịch vụ kho bãi, logistic, dịch vụ văn phòng cho thuê, showroom và đất dịch vụ công nghiệp khác) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các nhà đầu tư vào Khu Công nghiệp, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Công tác quản lý môi trường

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện việc vận hành ổn định nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Long Thành theo đúng quy trình, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định, đồng thời hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp khả năng xử lý nước thải của nhà máy. Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện các phương án phòng ngừa sự cố môi trường đối với nhà máy xử lý nước thải tập trung và toàn KCN, đến nay không để xảy ra sự cố môi trường nào.

Ngoài ra, vào ngày 19/11/2020, Công ty đã bắt đầu triển khai xây dựng giai đoạn 4 Nhà máy XLNTTT KCN Long Thành với công suất 10.000 m³/ngày đêm, nâng

tổng công suất xử lý của nhà máy lên 25.000 m³/ngày đêm để phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của toàn bộ KCN.

4. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Trong năm 2020, Công ty đã tuyển dụng 02 CB.CNV ở các lĩnh vực và chuyên môn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Công ty.

- Đào tạo: Công ty luôn chú trọng và xác định công tác đào tạo là nhiệm vụ vô cùng quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực vì thế trong năm 2020, dựa trên nhu cầu đào tạo về chuyên môn cho CB.CNV từng bộ phận và đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ quản lý cấp trung, công ty đã tổ chức thành công được 10 khóa đào tạo, trong đó có 09 khóa học bổ sung kiến thức, đào tạo về chuyên môn cho CB.CNV thuộc các Bộ phận; 01 khóa học còn lại của năm được tổ chức theo chương trình nâng cao năng lực của cán bộ quản lý công ty gắn liền với thực tế áp dụng triển khai hệ thống đánh giá năng lực KPIs. Các khóa học còn lại theo kế hoạch không thể triển khai chủ yếu do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 nên các cơ sở giáo dục tạm thời đóng cửa, một số các hoạt động bị hạn chế tổ chức tập trung đông người.

5. Các hoạt động xã hội của Công ty trong năm 2020

Trong năm qua, hưởng ứng lời kêu gọi, vận động của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, Công ty đã đóng góp, ủng hộ với với tổng số tiền là 2.875.420.000 đồng cho các hoạt động xã hội, từ thiện và đền ơn đáp nghĩa như: ủng hộ xây dựng nhà tình thương, nhà đồng đội, chương trình “Vạn tấm lòng vàng” do Tổng Công ty Sonadezi phát động ...; Ủng hộ công tác xã hội hóa giáo dục (như chương trình tiếp sức đến trường, hỗ trợ học phí cho sinh viên nghèo,...); Đóng góp Quỹ "Nạn nhân chất độc màu da cam/Dioxin"; Đóng góp Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa"; Ủng hộ gia đình chính sách (gia đình thương binh, liệt sỹ, thăm bà mẹ VNAH...); Đóng góp quỹ "Vì người nghèo"; Ủng hộ đồng bào nghèo; Ủng hộ Quỹ Doanh nhân; Ủng hộ khác cơ quan, đơn vị, đoàn thể tổ chức Hội nghị, hội thảo, văn nghệ, hội thao... nhân các ngày lễ, kỷ niệm.

Đặc biệt trong năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã đóng góp hỗ trợ chi phí trang bị hệ thống xét nghiệm PCR Real-time phòng chống dịch Covid-19.

PHẦN II: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

1. Kế hoạch năm 2021:

Trong năm 2021, nền kinh tế Việt Nam dự kiến vẫn phải đối mặt với những rủi ro, thách thức từ cả bên ngoài và từ nội tại nền kinh tế, trong đó đặc biệt là những diễn biến dịch bệnh vẫn còn phức tạp. Đại dịch Covid-19 vẫn là rủi ro lớn nhất đối với kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng trong năm 2021.

Tuy nhiên, Công ty đã đặt mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 và sẽ nỗ lực đẩy mạnh công tác tiếp thị cho thuê nhà xưởng tại KCN Long Thành, KCN Châu Đức, công tác bán hàng bất động sản dân dụng nhằm đảm bảo đạt kế hoạch đề ra. Đồng thời, Công ty cũng sẽ đẩy mạnh triển khai công tác quy hoạch,

đền bù, giải tỏa và xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Long Phước 1 (75ha) và Khu dân cư 3ha, tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đầu tư Dự án Khu đô thị Sona Riverview.

Kế hoạch đặt ra năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	409,49
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	104,17
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	87,17
4	Chi phí xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	812
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	%	25%
6	Quỹ lương 2021	Đồng	18.668.463.000
	Trong đó:		
	- <i>Quỹ lương Người quản lý</i>	Đồng	3.672.000.000
	- <i>Quỹ lương CB.CNV</i>	Đồng	14.996.463.000

2. Các mục tiêu thực hiện trong năm 2021:

2.1. Kinh doanh KCN và KDC:

- Kinh doanh KCN:

Trong năm 2021, Công ty sẽ triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1 và tiếp thị cho thuê các nhà xưởng thuộc cụm xưởng giai đoạn 4, 5 của KCN Long Thành, cho thuê đất công nghiệp, đất dịch vụ tại KCN Long Thành, cho thuê nhà xưởng tại KCN Châu Đức, đồng thời tiếp tục phát triển các dịch vụ đi kèm như cung cấp nước, dịch vụ xử lý nước thải, trạm xăng dầu KCN Long Thành.

- Mục tiêu: Cho thuê được 07 nhà xưởng xây mới và 11 nhà xưởng cũ (bao gồm các nhà xưởng đã qua sử dụng khách hàng trả lại và các nhà xưởng cũ được gia hạn thuê) tại KCN Long Thành; 02 nhà xưởng xây mới tại KCN Châu Đức trong năm 2021.

- Kinh doanh KDC: Triển khai bán hàng 14 căn liên kế - LK3 tại KDC Tam An 1.

2.2. Công tác xây dựng hạ tầng: Trong năm 2021, Công ty tiếp tục triển khai thi công xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN và KDC, duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng hiện hữu KCN và KDC, tăng cường công tác bảo vệ môi trường và nghiên cứu phát triển dự án mới. Triển khai các công tác quy hoạch, xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Long Phước 1 (75ha) và Khu dân cư 3ha đồng thời tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đầu tư Dự án Khu đô thị Sona Riverview.

2.3. Các dự án trong giai đoạn triển khai:

Công ty tiếp tục tập trung triển khai cho những dự án sau:

- Hồ ứng phó sự cố môi trường số 3.
- Hoàn thiện Dự án Cụm xưởng cho thuê Giai đoạn 4.
- Dự án Cụm xưởng cho thuê Giai đoạn 5.
- Dự án Cụm xưởng cho thuê tại KCN Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Dự án Khu dân cư Sonadezi Long Thành (3ha).
- Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 (75ha).
- Dự án Khu đô thị Sona Riverview (95,5ha).
- Dự án Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Long Thành giai đoạn 4.

3. Giải pháp thực hiện

Để đạt được những mục tiêu đã đề ra, Công ty tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Củng cố và phát triển thương hiệu của công ty
- Đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng mạng lưới tiếp thị bán hàng thông qua việc tạo mối quan hệ chặt chẽ với cơ quan xúc tiến thương mại, các Công ty tư vấn luật, các ngân hàng, các sàn giao dịch bất động sản và các đơn vị môi giới. Tạo liên kết giữa các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Sonadezi để thu hút đầu tư vào các KCN, KDC.
- Cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Nghiên cứu ý tưởng thiết kế quy hoạch để xây dựng các sản phẩm có đặc thù riêng cho các dự án mới của Công ty.
- Nắm bắt diễn biến thị trường để điều chỉnh kế hoạch hoạt động phù hợp, mang lại hiệu quả cao trong đầu tư.
- Căn cứ trên kế hoạch hoạt động của Công ty và định hướng phát triển trong tương lai để đào tạo nguồn nhân lực phù hợp.
- Quan hệ chặt chẽ với cơ quan chính quyền để giải quyết nhanh chóng các thủ tục liên quan đến các dự án của Công ty và hỗ trợ các nhà đầu tư.
- Tham gia tích cực vào công tác xã hội, từ thiện để xây dựng hình ảnh, thương hiệu và tạo sự đồng thuận của các tầng lớp xã hội đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là công tác vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung. Tăng cường kiểm soát việc xả thải của các doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung nằm trong giới hạn cho phép.
- Tiếp tục hoàn thiện việc áp dụng hệ thống đánh giá năng lực KPIs đi kèm với hiệu quả công việc, từ đó đưa ra các cơ chế đánh giá, chính sách đãi ngộ, lương, thưởng, tạo động lực và giúp khai thác tối đa hiệu suất làm việc của người lao động.

Ban Tổng Giám đốc kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành như trên.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HS.ĐHĐCĐ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021.

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành,

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 như sau:

1. Trích lập các quỹ và cổ tức năm 2020.

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Nội dung	Ước thực hiện 2020		
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ	Lý do
1	Lợi nhuận sau thuế	102.031.189.705		
2	Trích quỹ	23.233.000.000	22,77%	
2.1	Quỹ đầu tư PTSX	10.203.000.000	10%	
2.2	Các Quỹ khác	13.030.000.000	12,77%	
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi CBCNV	7.397.000.000	7,25%	Áp dụng TT28 tối đa 7,439 tỷ đồng
b	Quỹ công tác xã hội- cộng đồng	2.551.000.000	2,50%	
c	Quỹ khen thưởng người quản lý	531.000.000	0,52%	Áp dụng TT28 tối đa 541,5 triệu đồng
d	Quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị hữu quan	2.551.000.000	2,50%	
3	LN còn lại sau trích quỹ năm nay	78.798.189.705		
4	Phân bổ lợi nhuận của diện tích đã ghi nhận doanh thu 1 lần	5.845.686.000		
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	54.572.700.000	30%	
6	LN sau chi trả cổ tức (3+4-5)	30.071.175.705		

Stt	Nội dung	Ước thực hiện 2020		
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ	Lý do
7	Lợi nhuận giữ lại các năm trước	121.018.633.608		
8	Tổng cộng lợi nhuận giữ lại	151.089.809.313		

*** Ghi chú:**

Công ty dự kiến sử dụng lợi nhuận giữ lại để thực hiện các dự án của Công ty sau:

- Trong năm 2021, công ty tiếp tục đầu tư các dự án:
- + Thực hiện chi trả tiền đền bù, giải phóng mặt bằng, triển khai thi công hạ tầng của Dự án CCN Long Phước 1;
- + Triển khai thi công hạ tầng KDC 3 ha;
- + Hoàn thiện dự án cụm xưởng cho thuê GĐ 4; triển khai dự án cụm xưởng GĐ 5
- + Thi công nhà xưởng thuộc dự án cụm xưởng cho thuê tại KCN Châu Đức;
- + Thực hiện thi công giai đoạn 4-nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Long Thành;
- + Chi trả tiền thuê đất thuê thêm tại KCN Châu Đức (diện tích khoảng 20ha).

2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021:

Dự kiến việc trích lập các quỹ năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích quỹ
1	Quỹ Đầu tư Phát triển	10%
2	Tổng các Quỹ còn lại	20%
	Tổng mức trích quỹ	30%

Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 là 25%/vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 như trên.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành,

Căn cứ theo yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành công ty cũng như các thay đổi của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, Hội đồng Quản trị công ty đã thực hiện rà soát Điều lệ hiện hành của công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng Quản trị nhận thấy các điều khoản của Điều lệ công ty cần được sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và phù hợp với Mẫu Điều lệ công ty áp dụng với Công ty đại chúng của Thông tư 116/2020/TT-BTC. Do đó, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 chấp thuận thông qua việc sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

Bản Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành sau khi sửa đổi, bổ sung gồm 21 chương 60 điều (*Bản dự thảo Điều lệ đính kèm*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS.ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----∞ ⊕ ∞-----

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH

Trụ sở: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3514494 – Fax: 0251.3514499

Đồng Nai, ngày 27 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Đại diện theo ủy quyền	14
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	19
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	25
Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	26
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	28
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty.....	30
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 33. Người điều hành Công ty.....	30
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	31
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	32
Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.....	33
Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát.....	33
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	33
Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	35
Điều 40: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	35
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 41. Trách nhiệm căn trọng.....	36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan.....	36
Điều 44. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.....	37
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	39
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn.....	39
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
Điều 48. Phân phối lợi nhuận.....	40

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 49. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 50. Năm tài chính	41
Điều 51. Chế độ kế toán.....	41
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	41
Điều 53. Báo cáo thường niên	42
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN	42
Điều 54. Kiểm toán.....	42
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY.....	42
Điều 55. Dấu của công ty.....	42
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 56. Giải thể Công ty	42
Điều 57. Thanh lý	43
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	45
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	45
Điều 60. Hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (sau đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

d. “Người quản lý” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành.

e. “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc.

f. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

h. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

i. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;

j. “Cổ đông phổ thông” là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông;

k. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;

l. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
- Tên tiếng Anh: SONADEZI LONG THANH SHAREHOLDING COMPANY
- Tên giao dịch: SONADEZI LONG THÀNH
- Tên viết tắt: SZL
- Logo của Công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (84.251) 3514494
- Fax : (84.251) 3514499
- Email : longthanhiz@szl.com.vn
- Website : www.szl.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 56, Công ty hoạt động vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.

b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh: theo Phụ lục số 01/PLĐL đính kèm Điều lệ.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để đầu tư xây dựng phát triển khu đô thị công nghiệp, các khu dân cư và các dịch vụ có liên quan để không ngừng phát triển công ty, tạo việc làm ổn định cho người lao động, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông; góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai và cả nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề nêu tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn HOSE, việc chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông

của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng.

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và theo khoản 3, khoản 4 Điều 13 Điều lệ này;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4 Điều 16 Điều lệ này;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 35 Điều lệ này. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các nguy cơ tài chính đối với Công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

h. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

l. Việc ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 44 Điều lệ này;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện.

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp đó làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

2. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước

ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm (5)% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu

quyết và đánh dấu vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

e. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ này ngoại trừ yêu cầu về thời gian.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết về các nội dung sau được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết đồng ý:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

9. Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều này, nghị quyết về các nội dung khác được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký; Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

- Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Sonadezi;

7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 7 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không

đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 6 Điều này hoặc có đơn từ chức và được chấp thuận.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 9 Điều này.

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).

e. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 44 Điều lệ này;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và người điều hành khác; cử người đại diện phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác, quyết định tiền thưởng và quyền lợi khác của những người này;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý công ty quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định các quy chế quản lý nội bộ của công ty ngoại trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, quyết định việc mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được trả lương. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Chủ tịch và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng

giấy, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc và người điều hành khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh người điều hành phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều

hành công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty Sonadezi;

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi;

- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Sonadezi tại Công ty.

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng cử viên Ban Kiểm soát và công bố thông tin thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty Sonadezi;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

- Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi;

- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Sonadezi tại Công ty.

d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành công ty; giám sát tình hình tài chính của công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và bán niên của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hợp đồng;

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

6. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra; Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

8. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

11. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

14. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc;

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty;

18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Mức thưởng cho Trưởng Ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập trong hạn mức ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định

khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa họ và những người có liên quan của họ với công ty, công ty con theo quy định của pháp luật. Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán về các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận các giao dịch này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 44. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả những người quản lý của công ty và những người có liên quan của họ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con của công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

4. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các trường hợp sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Điều lệ này.

5. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

b. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong các trường hợp này, cổ đông không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà cổ đông đó có lợi ích liên quan.

6. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm a khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

b. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ tương ứng với quy định tại điểm e, điểm f khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi đã bù đắp các khoản lỗ của các năm trước (nếu có), bao gồm: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động, quỹ thưởng của người quản lý, quỹ công tác xã hội cộng đồng, quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan và quỹ khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh:

Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo hai phương án sau:

a. Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

b. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 55. Dấu của công ty

1. Dấu của công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục giải thể công ty

Việc giải thể công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định giải thể công ty. Trường hợp giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, công ty phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, để quyết định giải thể.

b. Nghị quyết, quyết định giải thể công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- Lý do giải thể;
- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của công ty;
- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản công ty.

d. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

Trường hợp công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

e. Người đại diện theo pháp luật gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của công ty.

Điều 57. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hoặc các quy định pháp luật khác giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC

Điều 60. Hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành thông qua ngày 27/4/2021 thay thế bản Điều lệ được thông qua ngày 14/04/2020.
2. Điều lệ này được lập thành 07 (bảy) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

Long Thành, ngày tháng năm 2021.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 01/PLĐL
Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành
sửa đổi, bổ sung ngày 27/4/2021

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản	6820
3.	Xây dựng nhà để ở.	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở.	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt.	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ.	4212
7.	Xây dựng công trình điện.	4221
8.	Xây dựng công trình cấp thoát nước.	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc.	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác.	4229
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	4299
12.	Phá dỡ	4311
13.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.	4322
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
20.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
21.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
22.	Thu gom rác thải độc hại	3812

23.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
24.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
25.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ	5510
26.	Tái chế phế liệu	3830
27.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
28.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng	4661
29.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp và dân dụng. Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thiết kế xây dựng công trình kỹ thuật đô thị; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; Tư vấn quản lý dự án. Tư vấn lập, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
34.	Đại lý du lịch	7911
35.	Điều hành tua du lịch	7912
36.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
37.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề: Kinh doanh khu vui chơi giải trí	9321

I. NHỮNG ĐIỂM LƯU Ý KHÁC BIỆT

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	<p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;</p> <p>d. "Người quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và người điều hành.</p> <p>e. "Người điều hành" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh.</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;</p> <p>g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p>	<p>a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>d. "Người quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành.</p> <p>e. "Người điều hành" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc.</p> <p>f. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;</p> <p>j. "Cổ đông phổ thông" là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông;</p> <p>k. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			I. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
2	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp	2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: a. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. b. Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	Thay đổi theo Điều lệ TCT
3	Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động	Bảng ngành nghề kinh doanh	1. Ngành, nghề kinh doanh: theo Phụ lục số 01/PLĐL đính kèm Điều lệ.	Thay đổi theo Điều lệ TCT
4	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề nêu tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.	Thay đổi so với Điều lệ hiện hành
5	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	5. Cổ phần phổ thông Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho	Thay đổi so với Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và Điều lệ này.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	
6	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	<p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên cổ đông và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu cổ đông đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	<p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	Thay đổi so với Điều lệ hiện hành
7	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn HOSE, việc chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>.....</p>	Giữ nguyên nội dung so với Điều lệ hiện hành	Theo Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
8	Điều 10. Thu hồi cổ phần	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	BỎ (do áp dụng đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4 Điều 16 Điều lệ này;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 35 Điều lệ này. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><i>(Điều 11)</i></p>	
11	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p>	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường</p>	Áp theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3.Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</p> <p>4.Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>5.Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a.Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b.Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c.Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d.Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a.Vi phạm pháp luật; b.Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi</p>	<p>Điều chỉnh theo Điều lệ TCT</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các nguy cơ tài chính đối với Công ty.</p> <p>7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><i>(Điều 12)</i></p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
12	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều 26 Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy</p>	<p>Thay đổi so với Điều lệ hiện hành</p> <p>Thay đổi so với Điều lệ TCT</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo</p>	<p>định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục</p>	<p>Thay đổi so với Điều lệ mẫu</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.</p> <p><i>(Điều 13)</i></p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
13	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban Kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, thông qua việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; l. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong 	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại. <p>2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua định hướng phát triển của công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng 	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</p> <p>h. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l. Việc ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 44 Điều lệ này;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3.Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
14	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p> <p>a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. 	<p>1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.</p> <p>a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần 	Bổ sung theo Điều lệ TCT và Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.</p> <p>- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.</p> <p>- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.</p> <p>- Cổ đông sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện.</p> <p>b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>c. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;</p> <p>- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;</p> <p>d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.</p> <p>- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.</p> <p>- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.</p> <p>- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.</p> <p>- Cổ đông sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện.</p> <p>b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>c. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;</p> <p>- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; - Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty <p>2. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức đã cử người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này thì người đại diện theo ủy quyền đương nhiên được dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký 	<p>đại diện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền. <p>d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; - Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp đó làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty. <p>2. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>d. Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với công ty).</p> <p>c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> <p><i>(Điều 15)</i></p>	
15	Điều 17. Thay đổi các quyền	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu</p>		

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>		
16	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p>	Thay đổi so với Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>.....</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>.....</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó</p>	<p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>.....</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ mười (10)% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>.....</p>	<p>được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a.Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b.Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c.Phiếu biểu quyết;</p> <p>d.Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a.Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm (5)% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c.Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền</p>	<p>Thay đổi so với Điều lệ mẫu</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d.Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p><i>(Điều 16)</i></p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
17	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.</p> <p>2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.</p> <p>3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p><i>(Điều 17)</i></p>	Thay đổi so với Điều lệ mẫu
18	Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông/ họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>hợp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều</p>	<p>đồng thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều</p>	<p>Thay đổi so với Điều lệ mẫu</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p> khiến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự.</p> <p>7. Chủ tọa có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:</p>	<p>hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm:</p> <p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>e. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>a. Thông báo cuộc họp được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp có mặt tại đó (địa điểm chính của cuộc họp);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp; Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm chính của cuộc họp.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>9. Việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p><i>(Điều 18)</i></p>	
19	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p>	<p>Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại</p>	Áp dụng theo Điều 147 Luật DN 2020

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp tán thành:</p>	<p>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.</p>	
20	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; - Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán; - Việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; - Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán. <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>4. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau được thông qua nếu được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Tổ chức lại, giải thể Công ty; <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p>3. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy</p>	<p>Áp dụng Điều 148 Luật DN và Điều lệ mẫu, TCT</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	
21	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHDCĐ	<p>1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; 	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ này ngoại trừ yêu cầu về thời gian.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của công ty; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; 	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ,</p>	<p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của công ty;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết về các nội dung sau được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; - Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán; - Việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; - Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo 	<p>biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>8. Nghị quyết về các nội dung sau được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết</p>	<p>Thay đổi theo Điều lệ TCT</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.</p> <p>10. Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 9 Điều này, nghị quyết về các nội dung khác được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>11. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết đồng ý:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>9. Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều này, nghị quyết về các nội dung khác được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(Điều 21)</p>	
22	Điều 23. Nghị Quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký; Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp và</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p><i>(Điều 22)</i></p>	
23	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHDCĐ</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 của Điều lệ này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p><i>(Điều 23)</i></p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>		
24	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử TV HĐQT</p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). 	<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty; f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty 	<p>Thay đổi theo Điều lệ mẫu</p> <p>Thay đổi theo Điều lệ hiện hành</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số lượng ứng viên còn lại sẽ do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>(Điều 24)</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu
25	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải bảo đảm số thành viên Hội đồng quản trị độc lập chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 3 năm về quản lý tài chính hoặc quản lý kinh doanh cùng lĩnh vực kinh doanh với Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>c. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của không quá 05 công ty khác.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh của Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư</p>	<p>khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập;</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;</p> <p>d. Không được là người có quan hệ gia đình của:</p>	<p>Thay đổi theo Điều lệ mẫu</p> <p>Thay đổi theo Điều lệ TCT</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>- Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; - Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Sonadezi; 7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ. 8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 7 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p> <p>9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 6 Điều này hoặc có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 9 Điều này.</p> <p>d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).</p> <p>e. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
26	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định mức lương, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng đối với Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và người điều hành khác;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý Công ty quy định tại Điều 11 Điều lệ này; Quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 44 Điều lệ này;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy</p>	<p>trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và người điều hành khác; cử người đại diện phân vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác, quyết định tiền thưởng và quyền lợi khác của những người này;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý công ty quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định các quy chế quản lý nội bộ của công ty ngoại trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, quyết định việc mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm l khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 5 Điều 40 của Điều lệ này;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>3. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới là người</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</p> <p><i>(Điều 26)</i></p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.		
27	Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách được trả lương. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách do Hội đồng Quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>3. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Chủ tịch và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản</p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được trả lương. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Chủ tịch và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm</p>	Thay đổi theo Điều lệ TCT

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>(Điều 27)</p>	
28	Điều 29. Chủ tịch HĐQT	<p>1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp; b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty; d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính. 	<p>Điều lệ này.</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. <p>(Điều 28)</p>	
29	Điều 30. Các cuộc họp của HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng 	Thay đổi theo Điều lệ TCT

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số những người dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.</p> <p>7. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi</p>	<p>quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một</p>	<p>cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính</p>	<p>thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>(Điều 29)</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối</p>		

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa, các thành viên tham dự và người ghi biên bản.</p>		
30	Điều 31: Các tiểu ban thuộc HĐQT	<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu và Điều lệ hiện hành
31	Điều 32. Người	1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm	1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất	Thay đổi theo Điều lệ

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
	<p>phụ trách quản trị Công ty</p>	<p>Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của</p>	<p>01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p>	<p>mẫu</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	(Điều 31)	
32	Điều 34. Người điều hành Công ty	<p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
33	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	<p>1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương, và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương, và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p>	Thay đổi theo Điều lệ TCT

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành Công ty để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.</p>	<p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không được là người có quan hệ gia đình của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty Sonadezi; - Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty; - Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi; - Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Sonadezi tại Công ty. <p>c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.</p> <p>5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>g. Vào ngày 30/11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp và kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p> <p>(Điều 34)</p>	
34	Điều 36: Ứng cử, đề cử thành viên BKS	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02)</p>	<p>1. Việc xác định ứng cử viên Ban Kiểm soát và công bố thông tin thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.</p> <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25%</p>	Thay đổi so với Điều lệ TCT

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, số lượng ứng viên còn lại sẽ do Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c. Không được là người có quan hệ gia đình của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty Sonadezi; - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; - Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi; - Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Sonadezi tại Công ty. <p>d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>(Điều 35)</p>	
35	Điều 37: Thành phần Kiểm soát viên	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác của Công ty;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p> <p>d. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;</p> <p>e. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</p> <p>d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(Điều 36)</p>	Thay đổi theo Điều lệ TCT

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
36	Điều 38: Trưởng BKS	<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>(Khoản 03, Điều 37)</i></p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>(Điều 37)</i></p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu, TCT
37	Điều 39: Quyền và nghĩa vụ của BKS	<p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p>	<p>Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành công ty; giám sát tình hình tài chính của công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng</p>	Thay đổi so với điều lệ hiện hành

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp</p>	<p>năm và bán niên của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hợp đồng;</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>6. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra; Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>8. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Hội đồng Quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.</p>	<p>phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;</p> <p>10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> <p>11. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>14. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;</p> <p>16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc;</p> <p>17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>(Điều 38)</p>	
38	Điều 40: Cuộc họp của BKS		<p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>(Điều 39)</p>	Thay đổi theo Điều lệ TCT, mẫu
39	Điều 41: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát		<p>1. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>2. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều chỉnh theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Mức thưởng cho Trưởng Ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập trong hạn mức ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.</p> <p>(Điều 40)</p>	
40	Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua</p>	<p><u>Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p> <p><u>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty con trong Công ty.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích</p>	<p>soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa họ và những người có liên quan của họ với công ty, công ty con theo quy định của pháp luật. Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán về các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận các giao dịch này.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p>	<p>Thay đổi theo Điều lệ hiện hành</p> <p>Thay đổi theo Điều lệ hiện hành</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.</p> <p><u>Điều 44. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan</u></p> <p>1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.</p> <p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả những người quản lý của công ty và những người có liên quan của họ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Công ty được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con của công ty sau khi được Đại hội</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;</p> <p>c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Điều lệ này.</p> <p>5. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a. Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>b. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;</p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>định tại khoản này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong các trường hợp này, cổ đông không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà cổ đông đó có lợi ích liên quan.</p> <p>6. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm a khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>b. Các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
41	Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cẩn và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p>	<p>quan.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> <p>(Điều 45)</p>	Thay đổi theo Điều lệ TCT, mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>		
42	Điều 44: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ tương ứng với quy định tại điểm e, điểm f khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm,</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.</p>	<p>sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>(Điều 46)</p>	
43	Điều 50. Công nhân viên và công đoàn (Điều lệ mẫu)	<p>1. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.</p> <p>2. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.</p> <p>2. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>(Điều 47)</p>	Thay đổi theo Điều lệ TCT
45	Điều 51. Phân phối lợi nhuận (Điều lệ mẫu)	<p>.....</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh: Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo hai phương án sau:</p> <p>a. Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành,</p>	<p>1. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi đã bù đắp các khoản lỗ của các năm trước (nếu có), bao gồm: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động, quỹ thưởng của người quản lý, quỹ công tác xã hội cộng đồng, quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan và quỹ khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p>	Thay đổi theo Điều lệ TCT, Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.</p> <p>b. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật phá sản.</p>	<p>4. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty</p> <p>6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>8. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh: Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo hai phương án sau:</p> <p>a. Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.</p> <p>b. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản.</p> <p>9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật. (Điều 48)</p>	
46	Điều 52. Tài khoản ngân hàng	<p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	Bỏ nội dung Khoản 3	
47	Điều 53 Chế độ kế toán	<p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành và được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng</p>	<p>1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu và Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		Việt Nam.	đồng Việt Nam. (Điều 51)	
48	Điều 54. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính (hoặc trong thời gian được gia hạn), Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/ lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>(Điều 52)</p>	Thay đổi theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
49	Điều 56: Kiểm toán	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>(Điều 54)</p>	Điều chỉnh theo Điều lệ mẫu
50	Điều 57: Dấu của Công ty	<p>1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp và phải được thông báo mẫu con dấu với cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định pháp luật hiện hành và quy định của Công ty.</p>	<p>1. Dấu của công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>(Điều 55)</p>	Điều chỉnh theo Điều lệ mẫu

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
51	Điều 58: Giải thể Công ty	<p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản và giải thể Công ty: Việc giải thể Công ty trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; - Lý do giải thể; - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu (06) tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. <p>b. Hội đồng quản trị thành lập Ban Thanh lý tài sản Công ty.</p> <p>c. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục giải thể công ty</p> <p>Việc giải thể công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định giải thể công ty. Trường hợp giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, công ty phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, để quyết định giải thể.</p> <p>b. Nghị quyết, quyết định giải thể công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; - Lý do giải thể; - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các 	<p>Điều chỉnh theo Điều lệ mẫu</p> <p>Điều chỉnh theo Điều lệ hiện hành</p>

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ</p> <p>d. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.</p> <p>(Điều 52)</p>	<p>khoản nợ của công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. <p>c. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản công ty.</p> <p>d. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.</p> <p>Trường hợp công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.</p> <p>e. Người đại diện theo pháp luật gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của công ty.</p> <p>(Điều 56)</p>	
52	Điều 60: Gia hạn hoạt động (theo Điều lệ mẫu)	Không thể hiện	Không thể hiện	
53	Điều 61: Thanh lý (theo Điều lệ mẫu)	1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai	1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
		<p>(02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.</p> <p>(Điều 57)</p>	
			<p>Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có</p>	

TT	Nội dung	Điều lệ hiện hành	DỰ THẢO Điều lệ áp dụng	Ghi chú
			<p>liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hoặc các quy định pháp luật khác giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác, <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

Số: /TTr-SZL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày tháng 03 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về nội dung phê duyệt Dự án

Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 08/04/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Cụm công Nghiệp Long Phước 1, xã Long Phước, huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chủ trương đầu tư Cụm Công nghiệp Long Phước 1;

Căn cứ Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Cụm Công nghiệp Long Phước 1, xã Long Phước, huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Long Phước 1, xã Long Phước, huyện Long Thành;

Căn cứ Văn bản số 4548/SXD-QLHTĐT ngày 16/10/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở hạ tầng kỹ thuật dự án Đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp Long Phước 1, xã Long Phước, huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Cụm Công nghiệp Long Phước 1,

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1 với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1;
2. Nhóm dự án: Nhóm B;
3. Loại và cấp công trình: Hạ tầng kỹ thuật, Cấp 3;

4. Địa điểm xây dựng: xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
5. Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế đầu tư và xây dựng Phương Đại Nam;
6. Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Đầu tư VTCO;
7. Mục tiêu của dự án:

Hình thành một Cụm Công nghiệp tập trung ưu tiên bố trí các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường, các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng, linh kiện thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ và một số dịch vụ hỗ trợ có liên quan nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp của địa phương hội nhập kịp tiến trình phát triển kinh tế của khu vực thế giới. Trên cơ sở ưu tiên các ngành nghề hoạt động trong Cụm công nghiệp như sau:

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử;
- Công nghiệp chế biến nông sản và sản xuất thiết bị phục vụ nông nghiệp;
- Công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp...;
- Công nghiệp sản xuất cấu kiện thép, bê tông, vật liệu xây dựng cao cấp;
- Công nghiệp hỗ trợ: Sản xuất, gia công phụ tùng, linh kiện cơ khí, điện, điện tử...

8. Giá trị tổng mức đầu tư: 921.829.885.181 đồng.

(Bằng chữ: Chín trăm hai mươi một tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn, một trăm tám mươi một đồng).

9. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn chủ sở hữu: 30%;
- Vốn vay thương mại: 70%; Lãi vay: 9%/năm.

Đối với nguồn vốn vay thương mại, Hội đồng quản trị sẽ chủ động liên hệ với các Tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục vay vốn và ký kết các Thỏa thuận, Hợp đồng vay cho dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1.

10. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án:

- NPV: 9.875.127.690 VNĐ;
- IRR: 12,96%;
- Thời gian hoàn vốn: 5 năm 9 tháng.

11. Hiệu quả xã hội của dự án:

- Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 được thực hiện sẽ đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh đồng thời thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa trong khu vực. Tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ nói riêng và ngành công nghiệp nói chung của tỉnh Đồng Nai.

- Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 được thực hiện sẽ kích thích và khuyến khích các ngành kinh tế khác của tỉnh cùng phát triển, đặc biệt là các ngành gia công chế biến và sản xuất nông nghiệp.

- Khi đi vào hoạt động, Cụm công nghiệp Long Phước 1 sẽ tạo thêm việc làm mới mang tính chất công nghiệp, góp phần cải thiện đời sống cho nhân dân trong tỉnh và nâng cao dân trí của nhân dân địa phương. Đóng góp thêm vào ngân sách Nhà nước thông qua khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm.

(Đính kèm Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét và chấp thuận thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HS.ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn

**DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH
DOANH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP LONG
PHƯỚC 1**

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	5
1.1	Sự cần thiết:	5
1.2	Mục tiêu đầu tư:	5
1.3	Giới thiệu Chủ đầu tư:	6
1.4	Căn cứ pháp lý	6
CHƯƠNG 2	VỊ TRÍ – HIỆN TRẠNG – ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....	7
2.1	Địa điểm và diện tích dự án:	7
2.2	Vị trí địa lý, hạ tầng kỹ thuật:	7
2.2.1	Sơ đồ vị trí dự án:.....	7
2.2.2	Giới hạn khu đất:.....	8
2.2.3	Điều kiện cung cấp hạ tầng kỹ thuật bên ngoài ranh CCN:.....	8
2.3	Nhu cầu sử dụng đất:	9
2.4	Quy hoạch kiến trúc, phân khu chức năng:.....	9
2.4.1	Yêu cầu:.....	9
2.4.2	Nguyên tắc chia lô:.....	10
2.4.3	Đất xây dựng nhà máy xí nghiệp:	10
2.4.4	Khu trung tâm điều hành dịch vụ:.....	10
2.4.5	Cây xanh trong Cụm công nghiệp:	10
2.4.6	Đất kho tàng:	11
2.4.7	Các công trình đầu mối kỹ thuật:	11
2.5	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật – Giải pháp kết nối:.....	11
2.5.1	Phương án kết nối nội bộ:	11
2.5.2	Phương án kết nối bên ngoài:.....	11
2.5.3	Các chỉ tiêu xây kết cấu hạ tầng:.....	12
CHƯƠNG 3	GIẢI PHÁP THIẾT KẾ	13
3.1	Khung tiêu chuẩn thiết kế áp dụng:	13
3.2	Giải pháp thiết kế	14
3.2.1	Thiết kế san nền:	14
3.2.2	Phân đường giao thông:	15

3.2.3	Hệ thống thoát nước:.....	17
3.2.4	Hệ thống thoát nước thải:.....	19
3.2.5	Hệ thống cấp nước, PCCC:.....	20
CHƯƠNG 4 GIẢI PHÁP VỀ XÂY DỰNG – VẬT LIỆU CHỦ YẾU ĐƯỢC SỬ DỤNG		21
4.1	Giải pháp về xây dựng:.....	21
4.1.1	Đối với hạng mục san nền, đường giao thông:.....	21
4.1.2	Đối với hạng mục thoát nước:.....	21
4.1.3	Đối với hạng mục cấp nước PCCC:.....	21
4.2	Vật liệu chủ yếu được sử dụng cho công trình:.....	22
4.2.1	Vật liệu bán thành phẩm:.....	22
4.2.2	Các cấu kiện đúc sẵn:.....	22
4.2.3	Các vật tư, vật liệu trực tiếp thi công tại công trường:.....	22
4.3	Kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn.....	22
CHƯƠNG 5 GIẢI PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG - PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ		24
5.1	An toàn lao động:.....	24
5.2	Phòng chống cháy nổ:.....	24
5.2.1	Khả năng cháy nổ:.....	24
5.2.2	Biện pháp phòng chống cháy nổ:.....	25
CHƯƠNG 6 GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		26
6.1	Yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	26
6.1.1	Quản lý nước thải và hệ thống thoát nước:.....	26
6.1.2	Quản lý khí thải:.....	27
6.1.3	Quản lý rác thải:.....	27
6.1.4	Chương trình hoạt động:.....	27
6.1.5	Quản lý thông tin môi trường:.....	28
6.2	Công tác phối hợp với chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường:.....	28
CHƯƠNG 7 PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ		29
7.1	Phương án giải phóng mặt bằng.....	29
7.1.1	Phạm vi giải phóng mặt bằng.....	29
7.1.2	Phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng:.....	29

7.1.3	Khái toán chi phí bồi thường.....	29
7.2	Phương án tái định cư	31
7.3	Kế hoạch thực hiện	31
CHƯƠNG 8	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	33
CHƯƠNG 9	PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC DỰ ÁN.....	34
9.1	Đánh giá thị trường và đối thủ:.....	34
9.1.1	Tổng quan về thu hút đầu tư tại Tỉnh Đồng Nai	34
9.1.2	Phân tích các tác lực cạnh tranh.....	34
9.1.3	Đối tượng khách hàng:.....	36
9.2	Phân tích SWOT của dự án:.....	36
9.2.1	Phân tích điểm mạnh (S).....	36
9.2.2	Phân tích điểm yếu (W).....	37
9.2.3	Phân tích cơ hội (O)	37
9.2.4	Phân tích thách thức (T).....	38
9.3	Phương án kinh doanh:	38
9.3.1	Phương án tính giá cho thuê:.....	38
9.3.2	Kế hoạch kinh doanh và tiến độ đầu tư:.....	39
9.3.3	Công tác quảng cáo, tiếp thị:.....	39
9.3.4	Công tác vận hành và quản lý dự án:	39
CHƯƠNG 10	PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH.....	40
10.1	Tổng mức đầu tư và phân kỳ đầu tư:.....	40
10.2	Nguồn vốn:	40
10.3	Phương án thu hồi vốn:.....	40
10.4	Thời hạn hoạt động:.....	40
10.5	Kết quả kinh doanh:.....	40
10.5.1	Doanh thu	40
10.5.2	Chi phí:.....	41
10.5.3	Kết quả hoạt động kinh doanh :	41
10.5.4	Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính :.....	41
CHƯƠNG 11	HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI.....	43
11.1	Hiệu quả kinh tế:.....	43

11.2	Hiệu quả xã hội:.....	43
KẾT LUẬN		44
PHỤ LỤC		45

CHƯƠNG 1 SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

1.1 Sự cần thiết:

Khu đất dự kiến xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 có diện tích khoảng 75 ha nằm trên vùng đất thuộc địa bàn xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cách quốc lộ 51 khoảng 1km và Trung tâm huyện Long Thành khoảng 10km theo hướng đi Vũng Tàu. Vị trí khu đất nằm cạnh khu quy hoạch cụm cảng Long Phước nên trở thành một địa điểm trọng tâm trong vùng kinh tế trọng điểm. Đây là một ưu thế thuận lợi cho việc cạnh tranh và phát triển công nghiệp, việc hình thành Cụm công nghiệp tập trung ở đây là cần thiết. Cụm công nghiệp Long Phước 1 cùng với các Khu, Cụm công nghiệp khác trên địa bàn huyện Long Thành sẽ là cơ sở để thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước, tập trung nguồn nguyên liệu địa phương và nguồn nhân lực dồi dào sẵn có của huyện đáp ứng yêu cầu mở rộng các Khu công nghiệp của tỉnh.

Việc đầu tư, xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 là phù hợp với quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế của huyện Long Thành, góp phần chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đầu tư, thành lập Cụm công nghiệp Long Phước 1 là phù hợp với quan điểm và mục tiêu phát triển quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện Long Thành, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của quy hoạch phát triển Công nghiệp trên địa bàn huyện, đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Việc đầu tư thành lập Cụm công nghiệp Long Phước 1 nằm trong vùng phát triển công nghiệp, phù hợp với điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện Long Thành, Đồng Nai giai đoạn 2030, tầm nhìn đến 2030 đã được phê duyệt.

Việc đầu tư, thành lập Cụm công nghiệp Long Phước 1 là nhu cầu cần thiết của huyện Long Thành để thực hiện chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn huyện, tạo môi trường cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển bền vững, di dời các cơ sở sản xuất bị ô nhiễm ra khỏi các khu đô thị, khu dân cư tập trung vào cụm công nghiệp.

1.2 Mục tiêu đầu tư:

Hình thành một Cụm công nghiệp tập trung ưu tiên bố trí các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường, các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng, linh kiện thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ và một số dịch vụ hỗ trợ có liên quan nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp của địa phương hội nhập kịp tiến trình phát triển kinh tế của khu vực thế giới. Trên cơ sở ưu tiên các ngành nghề hoạt động trong Cụm công nghiệp như sau:

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử;
- Công nghiệp chế biến nông sản và sản xuất thiết bị phục vụ nông nghiệp;
- Công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp...;
- Công nghiệp sản xuất cấu kiện thép, bê tông, vật liệu xây dựng cao cấp;

- Công nghiệp hỗ trợ: Sản xuất, gia công phụ tùng, linh kiện cơ khí, điện, điện tử...;

- Các dịch vụ hậu cần, vận chuyển, kho bãi, cung cấp hàng hóa (Logistics);

- Các ngành nghề Công nghiệp sạch khác.

Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động địa phương, góp phần chuyển đổi dần từ lao động nông nghiệp sang công nghiệp, từng bước đô thị hóa các khu vực ngoại vi thị trấn Long Thành.

1.3 Giới thiệu Chủ đầu tư:

Tên chủ đầu tư: Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành

Trụ sở: KCN Long Thành xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3 514 494 ~ 98 Fax: (0251) 3 514 492/99

E-mail: longthanhiz@szl.com.vn

Website: <http://www.szl.com.vn>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600649539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 05 năm 2015.

Người đại diện: Ông PHẠM ANH TUẤN - Tổng Giám đốc

1.4 Căn cứ pháp lý

Quyết định Chủ trương đầu tư số 3169/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Cụm Công nghiệp Long Phước 1;

Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp Long Phước 1, diện tích 74,9947ha” tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;

Quy hoạch 1:500 đã được phê duyệt theo Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai;

Văn bản số 4548/SXD-QLHTĐT ngày 16/10/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở hạ tầng kỹ thuật của dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp Long Phước 1 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

CHƯƠNG 2 VỊ TRÍ – HIỆN TRẠNG – ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

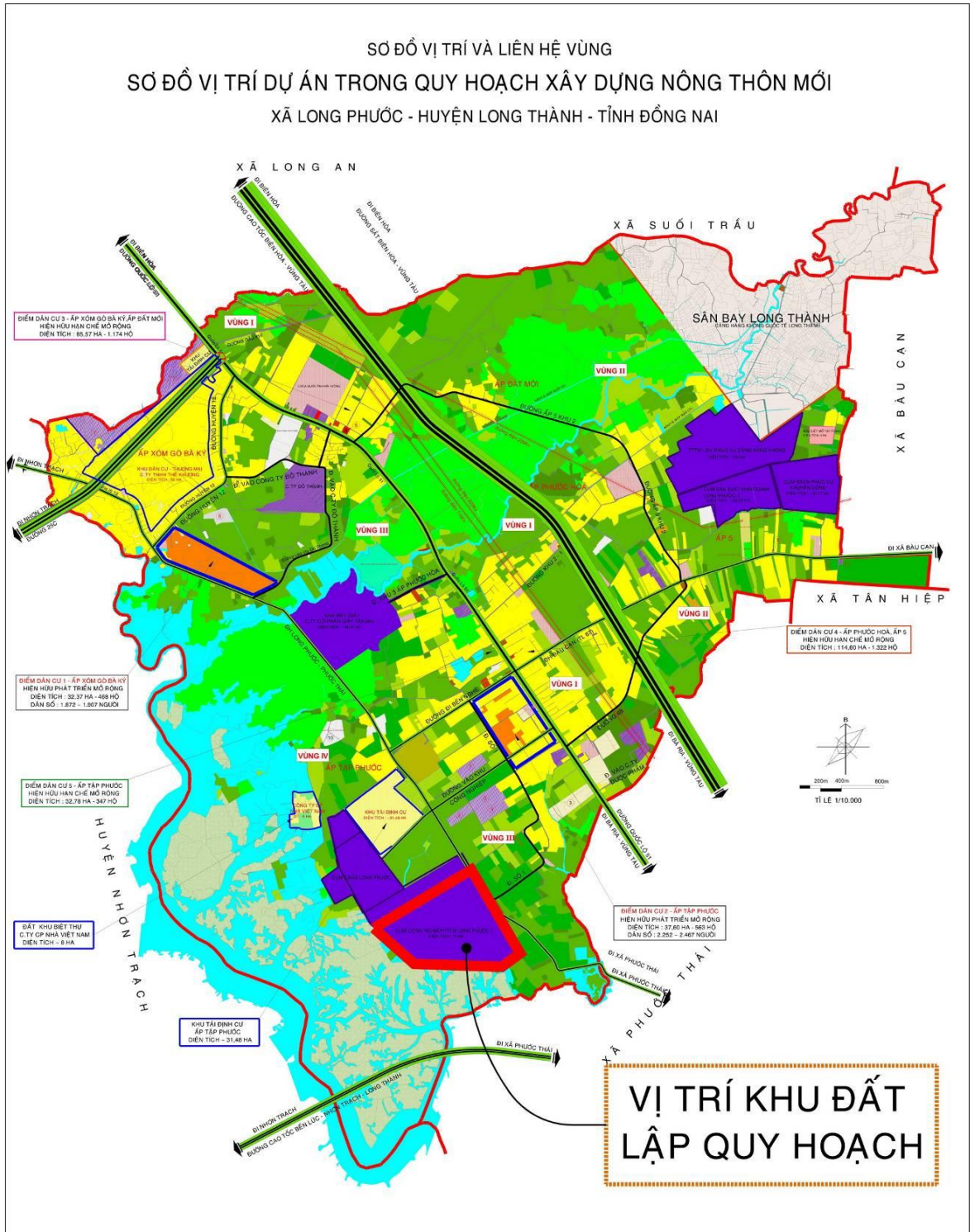
2.1 Địa điểm và diện tích dự án:

Dự án nằm tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Khu đất dự kiến xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 có diện tích 75 ha nằm trên vùng đất thuộc địa bàn xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2.2 Vị trí địa lý, hạ tầng kỹ thuật:

2.2.1 Sơ đồ vị trí dự án:



2.2.2 Giới hạn khu đất:

- Phía Đông Bắc: Giáp trục đường khu dân cư hiện hữu.
- Phía Đông Nam: Giáp khu rừng trồng trà.
- Phía Tây Nam: Giáp khu rừng phòng hộ dọc sông Thị Vải.
- Phía Tây Bắc: Giáp khu quy hoạch cụm cảng Long Phước.

2.2.3 Điều kiện cung cấp hạ tầng kỹ thuật bên ngoài ranh CCN:

Khu đất thuộc địa bàn ấp Tập Phước, xã Long Phước, huyện Long Thành với hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh được quy hoạch hoàn chỉnh, cụ thể như sau:

2.2.3.1 Hiện trạng nền đất:

Khu vực có địa hình dạng đồi tương đối bằng phẳng. Địa hình tự nhiên dốc thoải từ Tây Bắc xuống Đông Nam, độ dốc trung bình khoảng $i = 2\%$.

2.2.3.2 Cấp nước:

Hiện tại khu vực chưa có hệ thống nước máy, chủ yếu sử dụng nước ngầm tự nhiên. Khu dự án được đầu tư xây dựng sẽ đấu nối vào hệ thống hạ tầng cấp nước công chung dọc theo tuyến đường QL51 vào (cách khu đất quy hoạch khoảng 1500m).

2.2.3.3 Thoát nước mưa:

Khu dự án chưa có hệ thống thoát nước riêng, nước mặt chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên và chảy ra suối dọc theo phía Đông Nam.

2.2.3.4 Thoát nước thải:

Khu dự án chưa có hệ thống xử lý nước thải, khi dự án được đầu tư xây dựng sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho toàn CCN.

2.2.3.5 Cấp điện:

Dọc quốc lộ 51 và đường liên xã (Cách khu vực dự án khoảng 500m) có mạng lưới quốc gia, đường điện trung thế 3p – 22KV, đây là nguồn điện chính cung cấp cho khu vực lập quy hoạch. Tuy nhiên lưới điện trung thế 22kv hiện hữu chưa đảm bảo cấp điện cho toàn bộ hoạt động khi các nhà máy trong cụm đi vào hoạt động, nên phải đầu tư nâng cấp khi tiến hành đầu tư xây dựng hạ tầng CCN.

2.2.3.6 Hiện trạng giao thông:

Khu vực quy hoạch nằm gần Quốc lộ 51, hệ thống hạ tầng giao thông được quy hoạch bao gồm đường liên xã Long Phước – Phước Thái; đường dẫn từ Quốc lộ 51 vào CCN Long Phước 1 nên khi các dự án được đầu tư xây dựng và đi vào khai thác thì tương đối thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, nối kết với các trục giao thông chính thông suốt.

Phía Tây Bắc của khu đất dự án có đường đất đỏ rộng khoảng 4 – 5m dài khoảng 500m kết nối với đường nhựa liên xã trong khu vực được kết nối với quốc lộ 51 từ Đồng Nai đi Vũng Tàu.

Dọc theo phía Đông Bắc dự án theo quy hoạch sử dụng đất toàn huyện, sẽ có một tuyến đường giao thông liên xã được hình thành (lộ giới 32m) rất thuận tiện cho kết nối hạ tầng giao thông sau này.

Đường nội vi CCN chủ yếu đường cấp phối sỏi đỏ, sẽ được quy hoạch và đầu tư xây dựng đạt chuẩn theo quy phạm của CCN. Dọc theo lộ đất hướng Tây Bắc và Đông Bắc có 02 đường đất đỏ rộng khoảng 3m ÷ 4m phục vụ cho việc lưu thông trong khu vực.

2.2.3.7 Thông tin liên lạc:

Hiện trạng tuyến cáp thông tin chạy dọc theo khu quy hoạch (dọc QL51) để hỗ trợ Cụm công nghiệp tiến hành đầu tư và đi vào hoạt động.

2.3 Nhu cầu sử dụng đất:

Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích là 75 ha. Hiện trạng khu đất chủ yếu là đất lâm nghiệp trồng rừng giao khoán cho thuê.

Stt	Loại đất	Số liệu quy hoạch	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp, kho tàng	490.525	65.4
2	Đất khu trung tâm điều hành – dịch vụ	38.620	5.1
3	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	14.975	2.0
4	Đất cây xanh	96.219	12.8
5	Đất giao thông	109.608	14.6
Tổng cộng		749.947	100

2.4 Quy hoạch kiến trúc, phân khu chức năng:

2.4.1 Yêu cầu:

Giải pháp quy hoạch tổng mặt bằng phải đảm bảo nguyên tắc: Kinh tế và tiết kiệm tối đa việc sử dụng đất, sử dụng sao cho hiệu quả nhất diện tích đất đai vào mục tiêu khai thác kinh doanh, khi tổ chức mặt bằng phải tính toán đến việc tổ chức các công trình kỹ thuật hạ tầng sao cho hợp lý, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao.

Phân bố quỹ đất và phân lô đảm bảo phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài.

Tổ chức giao thông hợp lý giữa các khu chức năng và luồng vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm và công nhân đi lại.

Tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của Cụm công nghiệp, đặc biệt phải có biện pháp xử lý đối với vấn đề nước thải, rác thải cũng như biện pháp xử lý cách ly cây xanh.

Đảm bảo tổ chức của các nhà máy được thuận lợi và hợp lý, giữa các nhà máy thực hiện được việc hợp tác và hỗ trợ trong cung ứng vật liệu, xử lý chất thải và hạ tầng cơ sở.

Đảm bảo tuyệt đối các tiêu chuẩn về kỹ thuật, môi trường và cảnh quan kiến trúc đảm bảo đầy đủ đất đai dành cho cây xanh mặt nước, các công trình kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải, các công trình bến bãi... Đảm bảo đầy đủ các công trình công cộng phục vụ công nhân: khu dịch vụ, khu cây xanh, thể dục thể thao...

Tổ chức Cụm công nghiệp phải đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, an ninh, đảm bảo đầy đủ các biện pháp phòng chống cháy nổ, biện pháp an ninh, biện pháp bảo vệ môi trường.

Phải có khu vực dành cho dự kiến phát triển lâu dài. Góp phần đầu tư thích đáng cho phúc lợi xã hội, đảm bảo an ninh, sức khỏe, môi trường lành mạnh cho công nhân Cụm Công nghiệp và nhân dân khu vực lân cận.

2.4.2 Nguyên tắc chia lô:

Để phục vụ cho việc kinh doanh đất công nghiệp thuận tiện, các khu đất nhà máy lấy quy mô trung bình khoảng 01 ha phù hợp với các loại hình công nghiệp vừa và nhỏ của các nhà đầu tư. Trong trường hợp này các nhà đầu tư có nhu cầu lớn hơn sẽ thuê nhiều lô. Với cách chia lô này sẽ dễ dàng đáp ứng được cho tất cả các nhu cầu cho chủ đầu tư xây dựng nhà máy.

Việc phân lô này còn đảm bảo cho việc thiết kế tổng mặt bằng của các nhà máy xí nghiệp công nghiệp, có khả năng sử dụng hợp lý, dễ dàng bố trí các hạng mục công trình và đảm bảo quy hoạch chung cho cả Cụm công nghiệp khi chủ đầu tư sử dụng nhiều lô đất.

2.4.3 Đất xây dựng nhà máy xí nghiệp:

Trên cơ sở phân khu chức năng kết hợp với mạng lưới giao thông nội bộ đất xây dựng nhà máy xí nghiệp công nghiệp có tổng diện tích là 43,28 ha bố trí trải đều trong Cụm công nghiệp.

2.4.4 Khu trung tâm điều hành dịch vụ:

Trung tâm điều hành chính được bố trí ngay tại cửa ngõ Cụm công nghiệp kết hợp các dịch vụ tiện ích đi kèm được bố trí ở trên trục trung tâm hợp thành một quần thể các công trình kiên trúc tạo điểm nhấn cho toàn Cụm công nghiệp. Tổng diện tích đất xây dựng trung tâm là 1,8 ha.

2.4.5 Cây xanh trong Cụm công nghiệp:

Cây xanh tập trung thành công viên và phân cây xanh phía Tây Bắc Cụm công nghiệp với chiều rộng lớn nhất hơn 40m và có thể bố trí một số sân thể thao nhỏ (bóng chuyền, cầu lông) để phục vụ thêm nhu cầu sinh hoạt thể thao của Cán bộ công nhân viên trong Cụm công nghiệp, bên cạnh đó dải cây xanh cách ly giữa Cụm Công nghiệp và Khu dân cư có chiều rộng 50m, dài khoảng gần 0,7 km. Tổng cộng diện tích cây xanh chiếm 10,45 ha.

Cây xanh đường phố: Bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ Cụm Công nghiệp có chiều rộng khoảng 3m (nằm trong phạm vi lộ giới đường) bao gồm thảm cỏ kết hợp cỏ kết hợp trồng các cây bụi thấp để giải quyết vấn đề khí hậu trong Cụm Công nghiệp: Làm giảm sự hấp thụ nhiệt độ của đường cũng như làm giảm sự tỏa nhiệt của đường vào buổi tối.

Cây xanh trong Cụm công nghiệp dự kiến trồng các loại cỏ, cây bụi, cây cỏ tán vừa không ảnh hưởng đến lưu thông của các loại xe.

2.4.6 Đất kho tàng:

Chiếm diện tích 1,8 ha bố trí ở phía Đông Bắc khu quy hoạch. Đất kho tàng dự kiến cho thuê chứa nguyên vật liệu hay thành phẩm trong thời gian nhất định. Các doanh nghiệp có thể cho thuê kho bãi khi cần thiết trong quá trình sản xuất kinh doanh

2.4.7 Các công trình đầu mối kỹ thuật:

*** Cấp nước:**

Xây dựng 01 trạm bơm và đài nước tại vị trí phía Tây Bắc khu đất nhằm điều hòa nước cung cấp cho toàn Cụm công nghiệp từ nguồn (CS: 10.000 m³/ngày.đêm).

*** Xử lý nước thải:**

Xây dựng 01 trạm xử lý, công suất: 2.500m³/ngày.đêm đặt tại trung tâm kỹ thuật phía Đông Nam Cụm công nghiệp.

*** Trạm điện:**

Đầu tư xây dựng 01 trạm biến áp phân phối 22/0,4 KV – 2000 VKA cung cấp điện hạ thế cho khu trung tâm điều hành – dịch vụ của Cụm công nghiệp.

2.5 Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật – Giải pháp kết nối:

2.5.1 Phương án kết nối nội bộ:

Đây là khu quy hoạch mới, do vậy hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế mới hoàn toàn.

Toàn bộ các trục đường nội bộ được kết nối với nhau theo kiểu giao nhau cùng mức.

2.5.2 Phương án kết nối bên ngoài:

Hiện trong phạm vi dự án phần lớn là các tuyến đường đất phục vụ dân sinh có bề rộng khoảng 1-3m.

Phía Bắc dự án có tuyến đường Quốc lộ 51, lộ giới 64m, cách khu quy hoạch khoảng 1.300m là hướng tiếp cận chủ yếu của phạm vi dự án trong giai đoạn đầu. Hiện nay, UBND huyện Long Thành đang thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường dẫn từ Quốc lộ 51 vào Cụm công nghiệp Long Phước 1. Ngoài ra, về lâu dài tại khu vực sẽ hình thành các tuyến đường theo quy hoạch như Cao tốc Bến Lức - Nhon Trạch - Long Thành, đường Long Phước - Phước Thái... góp phần đa dạng khả năng tiếp cận, giải quyết các nhu cầu về giao thông tại khu vực

2.5.3 Các chỉ tiêu xây kết cấu hạ tầng:

Định hướng quy hoạch và các chỉ tiêu xây kết cấu hạ tầng các hạng mục trong Cụm công nghiệp như sau:

BẢNG TÍNH NHU CẦU DÙNG NƯỚC

STT	Đối tượng	Khối lượng	Tiêu chuẩn (m ³ /ha)	Nhu cầu (m ³ /ngày)
1	Khu nhà máy	75,00	22	1.605
2	Nước thất thoát		15%	248
3	Nước chữa cháy	m ²	9	3 x 3
	Tổng cộng			2.222

BẢNG TÍNH NHU CẦU DÙNG ĐIỆN

STT	Đối tượng	Khối lượng	Tiêu chuẩn (Kw/ha)	Nhu cầu (Kw/ngày)
1	Khu nhà máy	75,00	120	9.000
2	Tồn hao và dự phòng		15%	248
	Tổng Cộng			10.350
	Phụ tải		0,85	12.176

BẢNG TỔNG DIỆN TÍCH VÀ CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

STT	Công trình	Ký hiệu	Diện tích XD (m ²)	Tầng cao
1	Nhà điều hành – dịch vụ	VP 1+2	38.620	02 - 06
2	Đất Công nghiệp, kho tàng		490.525	01
3	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật		14.975	
4	Đất cây xanh		96.129	
5	Đất giao thông		109.608	
	Tổng		749.947	

CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP THIẾT KẾ

3.1 Khung tiêu chuẩn thiết kế áp dụng:

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC THIẾT KẾ:	
Tiêu chuẩn thiết kế áp dụng chung:	
Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch Xây dựng.	QCXDVN 01:2008/BXD
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Phân loại, phân cấp công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.	QCVN 03:2012/BXD
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.	QCVN 07:2016/BXD
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình ngầm đô thị. (Phần 1. Tàu điện ngầm, Phần 2: Gara ô tô).	QCVN 08:2009/BXD
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.	QCVN 10:2014/BXD
Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 5574:2012
Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.	TCVN 9379:2012
Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 5575:2012
Quy trình thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công.	TCVN 4252:2012
Tiêu chuẩn thiết kế đường:	
Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế .	TCVN 4054:2005
Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.	TCXDVN 104:2007
Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô cho phân nút giao thông (tiêu chuẩn được dịch từ AASHTO).	22 TCN 273-2001
Đường và hệ phố–Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng.	TCXDVN 265-2002
Đường cứu nạn ô tô - Yêu cầu Thiết kế.	TCVN 8810:2011
Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu Thiết kế.	TCVN 5729:2012
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.	QCVN 43:2012/BGTVT
Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.	22TCN 211:2006
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.	QCVN 41:2016/BGTVT
Tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ	22 TCN 248-98

thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu (tham khảo).	
Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 5573:2011
Quy trình thiết kế xử lý đất yếu bằng bấc thấm trong xây dựng nền đường.	22 TCN 244- 98
Gia cố nền đất yếu bằng bấc thấm thoát nước.	TCVN 9355 : 2012
Tiêu chuẩn thiết kế công, thoát nước:	
Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ.	TCVN 9845:2013
Quyết định số 1344/QĐ –GT ngày 24/04/2003 của Sở giao thông công chánh về áp dụng thiết kế mẫu.	1344/QĐ-GT
Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống thoát nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 19/06/2011.	752/QĐ-TTg
Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài – tiêu chuẩn thiết kế.	TCVN 7957:2008
“Ống bê tông cốt thép thoát nước” được ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BXD ngày 05/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.	TCXDVN 372 :2006
Cống bê tông cốt thép thoát nước.	TCVN 9113:2012
Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn.	22TCN 18:79

Căn cứ vào TCXDVN 104:2007: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế, bảng 4 có nêu: Đường trục chính khu công nghiệp là Phục vụ giao thông tốc độ cao, giao thông có ý nghĩa toàn khu công nghiệp. Đáp ứng lưu lượng và khả năng thông hành cao. Nối liền các trung tâm dân cư lớn, khu công nghiệp tập trung lớn, các công trình cấp đô thị: Vì vậy quy mô được lựa chọn như sau:

Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật, đường đô thị.

Cấp công trình: Theo TT 03/2016/TT-BXD, cấp công trình của dự án được xác định phụ thuộc vào vận tốc thiết kế là 60km/h. Do đó, cấp công trình: cấp III.

Tải trọng tính toán: Căn cứ vào mục 3.2, 22TCN211-06: Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

Tải trọng trục tính toán: 12T.

Áp lực tính toán: $p = 6 \text{ Mpa}$.

Đường kính vệt bánh xe: $D = 36\text{cm}$.

Modun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \Rightarrow 155\text{Mpa}$.

3.2 Giải pháp thiết kế

3.2.1 Thiết kế san nền:

Tổng diện tích cần san lấp là 74,9947 ha.

Cao độ, hướng dốc đảm bảo phù hợp quy hoạch được duyệt và hồ sơ khảo sát địa hình Cụm công nghiệp Long Phước 1 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Thành lập. Khớp nối cao độ với các dự án lân cận, đảm bảo thoát nước chung cho toàn khu vực, tránh ngập úng cục bộ. Giải pháp san nền chủ yếu là đào đắp cục bộ trong khu quy hoạch và bám theo địa hình tự nhiên. Cốt cao độ không chế san lấp thấp nhất ở cao độ +2,5m và cao nhất ở cao độ +5,75m. Hướng thoát nước mặt ra các hệ thống rạch và sông Thị Vải.

Trong quá trình san nền, tiến hành bóc toàn bộ đất hữu cơ, cỏ, rễ cây trên mặt hiện trạng dày khoảng 20cm vì khu vực xây dựng công trình là khu vực nông nghiệp lâu năm nên cây cỏ và lớp hữu cơ trên bề mặt hiện trạng không có bề mặt chịu lực.

Tại những trục đường, tiến hành định vị tim tuyến, bề rộng đáy nền đường, sau đó xử lý nền đường đạt yêu cầu trước khi tiến hành san nền toàn khu.

3.2.2 Phân đường giao thông:

3.2.2.1 Bình đồ thiết kế:

Theo quy hoạch 1/500 và theo số liệu Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cung cấp ngày 12/4/2016.

3.2.2.2 Số liệu khảo sát địa chất:

Sử dụng số liệu của Báo cáo địa chất công trình do Công ty Cổ phần Tư vấn Nam Khang lập ngày 14/5/2019.

3.2.2.3 Các thông số chủ yếu:

Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật, đường đô thị tốc độ thiết kế 60km/h.

Cấp kỹ thuật: III.

Tải trọng tính toán: Căn cứ vào mục 3.2, 22TCN211-06: Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

+ Tải trọng trục tính toán: 12T.

+ Áp lực tính toán: $p = 6 \text{ Mpa}$.

Tổng chiều dài các tuyến đường 4.403,01m.

3.2.2.4 Giao cắt - Bán kính bó vỉa:

Bố trí các bán kính bó vỉa tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2016/BXD tại các nút giao kết nối với giao thông bên ngoài bán kính là 15,0m.

3.2.2.5 Mốc cao độ sử dụng:

Hệ tọa độ VN 2000.

Hệ cao độ Nhà Nước.

3.2.2.6 Thiết kế trắc dọc:

Cao độ thiết kế phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

+ Phù hợp với quy hoạch 1/500.

- + Phù hợp với qui hoạch san nền của dự án.
- + Tương ứng tính toán với tần suất thủy văn tính toán là 4% (TCVN 4054-2005).
- + Hạn chế chế độ thủy nhiệt bất lợi đối với nền, mặt đường.

3.2.2.7 Thiết kế trắc ngang đường:

Mặt cắt ngang đường theo quy hoạch được duyệt như sau:

STT	Tên Đường	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)			
			Mặt đường	Via hè	DPC	Lộ giới
1	Đường N1	970,18	10,5	7+7		24,50
2	Đường N2	416,35	11,0	7+7		25,00
3	Đường N3	615,21	11,0	7+7		25,00
4	Đường N4	1474,84	8,0	7+5		20,00
5	ĐH Long Phước – Phước Thái	926,43	16,0+7,0	8+5	9	45,00
	Tổng cộng	4.403,01				

3.2.2.8 Thiết kế nền đường:

Nền đường được thiết kế trên nền san lấp đầm chặt $K \geq 0,95$, sau đó đắp lớp cấp phối sỏi đỏ đầm chặt $K \geq 0,98$.

3.2.2.9 Thiết kế áo đường:

Căn cứ vào hồ sơ quy hoạch được phê duyệt và tiêu chuẩn thiết kế, kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:

* Đường đối ngoại Long Phước – Phước Thái:

Mô đun yêu cầu Eyc $\Rightarrow 1.550 \text{ daN/cm}^2$.

Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTN C12.5) dày 4cm.

Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5 \text{ kg/m}^2$.

Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTN C19) dày 6cm.

Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{ kg/m}^2$.

Đá dăm Macadam dày 50cm.

Nền Cấp phối đá sỏi đỏ, $K \geq 0,98$.

* Các đường N1, N2, N3, N4:

Mô đun yêu cầu Eyc $\Rightarrow 1.550 \text{ daN/cm}^2$.

Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTN C12.5) dày 4cm.

Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5 \text{ kg/m}^2$.

Mặt đường bê tông nhựa chặt (BTN C19) dày 6cm.

Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{ kg/m}^2$.

Đá dăm Macadam dày 50cm.

Nền Cấp phối đá sỏi đỏ, $K \Rightarrow 0.98$.

3.2.2.10 Thiết kế vỉa hè:

Tất cả vỉa hè của khu quy hoạch được đắp đất đầm chặt $K \Rightarrow 0.95$ trên là lớp bê tông lót đá 4x6 M100 dày 10cm, tiếp là lớp vữa xi măng M75 dày 2cm, trên cùng lát gạch vỉa hè.

Hệ thống sơn đường, biển báo, tổ chức giao thông và an toàn giao thông:

Thực hiện hoàn chỉnh theo các tuyến đường, đảm bảo giao thông được an toàn, thông suốt, tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT và các quy định hiện hành.

3.2.3 Hệ thống thoát nước:

3.2.3.1 Quy mô:

Căn cứ vào QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị và QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Lựa chọn quy mô công trình như sau:

Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật

Cấp công trình: tương đương cấp III.

Tải trọng tính toán:

+ Cống vỉa hè: H10.

+ Cống băng đường H30.

Tần suất thiết kế: H (5%).

Tính toán thoát nước với chu kỳ tràn $p = 5$ năm.

3.2.3.2 Giải pháp thiết kế:

Phân chia toàn khu thành 4 lưu vực nhỏ nhằm tạo khả năng tiêu thoát nước nhanh nhất, giảm tiết diện cống, giảm thiểu kinh phí đầu tư xây dựng.

Lưu vực 1: Giáp ranh phía đông, diện tích 25,95ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung về cửa xả 01 sau đó thoát ra kênh rạch hiện hữu phía nam khu QH

Lưu vực 2: nằm giữa đường N2 và N3, diện tích 6,6ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung về cửa xả 02 sau đó thoát ra kênh rạch phía nam khu QH.

Lưu vực 3: nằm giữa đường N2 và N3, diện tích 3,12ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung về cửa xả 03 sau đó thoát ra kênh rạch hiện hữu góc tây - nam khu QH.

Lưu vực 4: diện tích 13.53 ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung ra cửa xả 04 sau đó cho thoát ra Rạch Nước góc tây bắc khu QH.

Cửa xả 5: diện tích 16.44 ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung ra cửa xả 05 sau đó cho đấu nối vào hố ga hiện hữu.

Như đã nói trên, hạ lưu khu quy hoạch là khu vực trũng thấp với hệ thống kênh rạch chằng chịt, tuy nhiên hiện nay hệ thống kênh rạch này đã bị bồi lắng thu hẹp dòng chảy làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận và tiêu thoát nước của toàn lưu vực.

Để tiêu thoát nước nhanh, tránh gây ngập úng làm ảnh hưởng cho khu vực hạ lưu này cần cải tạo nạo vét các kênh rạch hiện hữu (đoạn tiếp giáp với các cửa xả). Tổng chiều dài nạo vét khoảng 2800m.

Thoát nước mưa cho khu quy hoạch sử dụng công thức:

$$Q=q.F.s.a \text{ (l/s)}$$

Trong đó:

Q: lưu lượng nước mưa thoát vào cống (l/s)

q: cường độ mưa tính toán (theo các số liệu quan trắc trung bình của địa phương, l/s.ha).

s: hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ lấy trung bình (0,5-0,6).

F: diện tích lưu vực (ha).

a: Hệ số mưa rào lấy bằng (0,9).

Chọn chu kỳ tràn cống các trục đường chính dùng cho khu công nghiệp và dịch vụ $P=(0,5-0,6)$. Tính toán thoát nước với chu kỳ tràn $p=5$ năm.

Công thoát nước:

Công thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 9113:2012, cống nằm trên vỉa hè sử dụng loại cống có tải trọng thiết kế H10 – X60, tại các vị trí cục bộ cống được thiết kế nằm dưới lòng đường sử dụng loại cống có tải trọng thiết kế H30 – XB80.

Cống thoát nước mưa: Bố trí hai bên đường, tính toán đảm bảo khả năng thu gom nước mưa của khu vực. Tuyến cống thiết kế có độ dốc chảy tự nhiên thoát ra hệ thống rạch, sông quanh khu vực.

Kết cấu ống cống bê tông cốt thép, chế tạo theo công nghệ ly tâm hoặc rung ép.

Cống được nối theo nguyên tắc ngang đỉnh, có độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m trên vỉa hè và 0.7m đối với cống nằm dưới lòng đường.

Sử dụng mối nối cống bằng joint cao su kết hợp trét vữa xi măng.

Gối cống được thi công tại bãi đúc rồi lắp ghép trong quá trình thi công cống, gối bằng BTCT M200 đá 1x2. Dưới gối thi công hệ thống cừ tràm $L \geq 4m$, đường kính trung bình $D \geq 8cm$.

Bê tông chèn cống là bê tông M200 đá 1x2, móng cống gồm 2 lớp, lớp trên là 10cm bê tông lót đá 1x2 M200, lớp dưới là 5cm cát lót.

Hầm ga:

Cấu tạo hầm ga bằng BTCT đá 1x2 M200. Bố trí thang ở vách hầm thuận tiện cho công tác nạo vét, duy tu khi đưa hệ thống vào khai thác.

Sử dụng kết cấu máng và lưới hàm BTCT đá 1x2 M200 thu nước mặt dạng đứng, tạo khóa thủy lực ngăn không cho mùi hôi từ phía dưới xông lên, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường cho khu vực.

Nắp hàm: Hàm ga bố trí trên vỉa hè, không trực tiếp chịu tải trọng xe chạy, kết cấu nắp bằng BTCT đá 1x2 M200 kích thước 0.9x0.9m, dày 6cm. Đối với hàm ga nằm dưới lòng đường chịu tải trọng xe chạy thì kết cấu nắp bằng BTCT đá 1x2 M200 kích thước 0.9x0.9m, dày 10cm

Khuôn hàm (đà hàm): Bằng BTCT đá 1x2 M200, đúc sẵn, kích thước 1.2x1.2m (phủ bì), dày 20cm đặt trên thân hàm, tạo bộ đỡ cho nắp hàm ga. Tạo rãnh để đặt nắp hàm sâu 6cm cho nắp hàm trên lề dày 6cm và rãnh sâu 10cm cho nắp hàm ga dưới lòng đường dày 10cm.

Miếng thu nước được lắp đặt các song chắn rác và có bố trí các máng lưới nhằm mục đích ngăn mùi

Móng hàm ga gồm 2 lớp, lớp trên là 20cm bê tông lót đá 1x2 M200, lớp dưới là 20cm cát lót trên hệ thống cừ tràm L=4m, đường kính trung bình $D \geq 8\text{cm}$.

Cửa xả:

Lưu vực 1: Giáp ranh phía đông, diện tích 25,95ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung về cửa xả 01 sau đó thoát ra kênh rạch hiện hữu phía nam khu QH

Lưu vực 2: nằm giữa đường N2 và N3, diện tích 6,6ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung về cửa xả 02 sau đó thoát ra kênh rạch phía nam khu QH.

Lưu vực 3: nằm giữa đường N2 và N3, diện tích 3,12ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung về cửa xả 03 sau đó thoát ra kênh rạch hiện hữu góc tây - nam khu QH.

Lưu vực 4: diện tích 13.53 ha. Nước mưa trong lưu vực này tập trung ra cửa xả 04 sau đó cho thoát ra Rạch Nước góc tây bắc khu QH.

3.2.4 Hệ thống thoát nước thải:

Mục đích thiết kế của hệ thống là thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất về trạm xử lý được quy hoạch. Sơ đồ mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, hướng thoát nước theo quy hoạch 1/500 được duyệt.

Hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải bắt buộc phải được xử lý sơ bộ qua hố ga riêng từng nhà máy trước khi dẫn ra cống chung để dẫn về trạm xử lý.

Hệ thống thu gom bên ngoài nhà máy là hệ thống thu gom nước thải đã qua xử lý sơ bộ của từng nhà máy để đưa về khu xử lý tập trung, làm sạch theo giới hạn cột B, tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Vị trí tuyến cống trên mạng lưới được xác định hợp lý và kinh tế, thỏa mãn điều kiện cống đơn giản, tận dụng độ dốc mặt đường tạo thành mạng lưới đảm bảo thoát nước nhanh nhất. Vị trí cống trên mặt cắt ngang đường được xác định tim cống cách chỉ giới đường đỏ 1.5m.

Kích thước cống nước xác định theo công thức tính toán thủy lực:

$$Q = W.V \text{ (l/s)}$$

Q: lưu lượng tính toán (l/s)

W: tiết diện ướt của dòng chảy (m²)

V: vận tốc trung bình (m/s)

$$V = C$$

R: bán kính thủy lực xác định theo kích thước cống

I: độ dốc thủy lực của cống được xác định theo công thức

Kích cỡ đường ống

Kết quả tính toán thủy lực mạng lưới xác định đường kính cống như sau:

Cống đầu tuyến D400, cuối tuyến D800, Kết cấu ống cống bê tông cốt thép, chế tạo theo công nghệ ly tâm hoặc rung ép.

Độ sâu chôn cống tối thiểu 0,5m (tính tới lưng cống) ở vỉa hè. Những đoạn cống băng qua đường sử dụng cống BTCT chịu lực H30 độ sâu chôn cống nhỏ nhất 0,7m.

Móng cống: Cống nước thải được đặt trên các gôì cống đúc sẵn BTCT, gôì cống được đặt trên nền BT đá 1x2.

Cống thoát nước dùng ống BTCT. Ống cống được thiết kế chịu tải trọng người đi bộ 300 kg/m² và đất đắp, những đoạn ống băng đường chịu tải trọng H30 và đất đắp. Cống có độ dốc dọc chảy tự nhiên, đảm bảo khả năng thu gom nước thải của các nhà xưởng và đầu nối vào khu vực xử lý nước thải chung trong Cụm công nghiệp.

3.2.5 Hệ thống cấp nước, PCCC:

3.2.5.1 Quy mô:

Lựa chọn quy mô công trình như sau:

Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật đô thị

Cấp công trình: Cấp III

Tải trọng tính toán: Theo hệ thống giao thông.

3.2.5.2 Giải pháp thiết kế:

Nguồn cấp nước:

Theo hồ sơ Quy hoạch 1/500 được duyệt và hiện trạng các tuyến ống cấp nước hiện hữu xung quanh, điểm đầu nối nguồn cấp nước cho dự án như sau:

- Nguồn cấp từ hệ thống cấp nước Hồ Cầu Mới công suất 90.000 m³/ng.đ cấp cho dự án.

- Vị trí điểm đầu nối: Trên tuyến ống chuyển tải từ trạm cấp nước Hồ Cầu mới về KCN Nhơn Trạch 6, đoạn giao với đường số 1 xã Long Phước.

- Áp lực tại các vị trí đầu nối dự kiến 2kg/cm².

- Vị trí lắp đặt đồng hồ đo đếm: Nằm trong ranh dự án Cụm công nghiệp.

CHƯƠNG 4 GIẢI PHÁP VỀ XÂY DỰNG – VẬT LIỆU CHỦ YẾU ĐƯỢC SỬ DỤNG

4.1 Giải pháp về xây dựng:

4.1.1 Đối với hạng mục san nền, đường giao thông:

Trong hạng mục đường giao thông, những vật liệu chủ yếu sử dụng cho công trình bao gồm:

Bê tông nhựa nóng.

Đá dăm Macadam (đá dăm nước).

Đất cấp phối sỏi đỏ.

Với các vật tư như nêu trên, căn cứ vào các Quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật chúng ta tiến hành thi công công trình với công nghệ và thiết bị đơn giản:

Dây chuyền sản xuất bê tông nhựa qua trạm trộn tại nhà máy hoặc tại hiện trường (nếu khối lượng thi công lớn). Sau đó vận chuyển đến công trường bằng xe ô tô tự đổ. Chất lượng bê tông trước khi xuất xưởng cũng đã được kiểm tra (Theo TCVN 8860:2011).

Tại hiện trường tiến hành vệ sinh mặt đường và tưới nhựa lót bằng máy phun nhựa. Sau đó xe rải bê tông chờ sẵn để tiếp nhận bê tông nhựa nóng từ trạm trộn chuyển đến và tiến hành rải trên mặt đường theo yêu cầu thiết kế.

Tiếp đến dùng các loại máy lu để đầm nén bê tông nhựa đạt độ chặt theo yêu cầu.

4.1.2 Đối với hạng mục thoát nước:

Việc thi công hạng mục này bao gồm các công đoạn:

- + Sản xuất cấu kiện đúc sẵn, bán thành phẩm.
- + Sản xuất các phụ kiện đi kèm như Jont cao su, khung thép nắp hầm ga...
- + Thi công lắp đặt cấu kiện ngoài công trường.

4.1.3 Đối với hạng mục cấp nước PCCC:

*Vật liệu ống sử dụng cho dự án đảm bảo được yêu cầu sau:

Đảm bảo được áp lực.

Ống phải chịu đựng chống ăn mòn và xâm thực.

Đảm bảo kỹ thuật trong điều kiện đất yếu, lún không đều.

Thi công lắp đặt thuận tiện.

Giá thành phù hợp.

Với các tiêu chuẩn chọn ống trên thì ống HDPE đáp ứng được các yêu cầu đưa ra. Ống HDPE có tiêu chuẩn kỹ thuật ống và phụ tùng như sau:

- Cấp áp lực: 10 bar
- Kiểu lắp ghép: MJ hoặc Express.
- Các cỡ áp dụng: DN100mm trở lên.

*Trụ nước chữa cháy:

- Phạm vi áp dụng: Đầu nối vào hệ thống cấp nước để phục vụ chữa cháy ống.
- Cấp áp lực: 10 bar.
- Kiểu lắp ghép: Lắp ghép bằng bu lông đai ốc (lắp ghép cơ khí).
- Các cỡ áp dụng: DN100mm và DN150mm.

4.2 Vật liệu chủ yếu được sử dụng cho công trình:

4.2.1 Vật liệu bán thành phẩm:

Các loại vật liệu bán thành phẩm được mua ở nhà máy hoặc các công ty chuyên cung cấp rồi vận chuyển đến công trường:

Ống HDPE, ống thép ... Phụ tùng ống bằng vật liệu gang cầu.

Ống cống BTCT ly tâm đường kính từ Ø600 đến Ø1500.

Joint cao su mối nối cống.

Gối cống.

4.2.2 Các cấu kiện đúc sẵn:

Các cấu kiện đúc sẵn tại xưởng hoặc tại công trường sau đó lắp đặt vào đúng vị trí thiết kế: Đà hầm, máng lười, nắp hầm ga.

4.2.3 Các vật tư, vật liệu trực tiếp thi công tại công trường:

Các loại sắt, thép xây dựng, thép hình, thép tấm.

Các loại đá: đá 1x2, đá 4x6, đá mi, cấp phối đá dăm, đá dăm Macadam.

Các loại cát: Cát san nền, cát xây tô, cát đổ bê tông.

Đất đắp: Sử dụng đất sỏi đỏ.

Xi măng.

Các loại ván khuôn: ván khuôn gỗ, ván khuôn thép, đà nẹp, cây chống.

Các loại đinh, kềm buộc.

Cừ tràm, cây chống...

4.3 Kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn

Các hạng mục công trình chủ yếu là thực hiện đúng theo xây dựng cơ bản và tuân theo các quy trình quy phạm hiện hành, không đòi hỏi những kỹ thuật phức tạp. Các đơn vị thi công đã thực hiện những hạng mục công trình này từ rất lâu và dường như trở thành thuần phục, thậm chí trở thành định hình chế tạo những cấu kiện sẵn để lắp dựng đơn giản và nhanh gọn, rút ngắn được thời gian xây dựng công trình.

Các thiết bị thi công xây dựng công trình chủ yếu như sau:

- Máy rải 130-140CV;
- Máy lu rung;
- Máy lu bánh lốp;
- Máy lu bánh sắt;

- Máy ủi □ 140CV;
- Máy san 110CV;
- Máy đào 1,25m³;
- Ô tô thùng 5T;
- Máy trộn bê tông 250l;
- Máy đầm dùi 1,5kW;
- Máy đo đạc (thủy bình, toàn đạc...);
- Và các thiết bị cần thiết khác.

CHƯƠNG 5 GIẢI PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG - PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

5.1 An toàn lao động:

Việc tổ chức thi công công trình và phương pháp thi công phải đảm bảo tuân theo tiêu chuẩn TCVN 5308-1991- Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng và các quy định hiện hành khác về an toàn lao động có liên quan.

Phải đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị trên công trường, nhất là trong các công tác đào, đắp và thi công các hạng mục công tác ở dưới nước. Cung cấp đầy đủ các dụng cụ bảo hiểm lao động: quần, áo, mũ, nón bảo hộ, giày, găng tay... Trong công trường phải luôn chuẩn bị đầy đủ các thiết bị y tế.

Đối với máy móc thi công phải tiến hành chạy thử trước khi đưa vào sử dụng, nếu có kết quả tốt thì mới được dùng. Kiểm tra độ bền của các trục, cốt, puly, dây cáp trước khi kéo cầu và độ an toàn của các thiết bị thi công khác. Phải lập sổ kiểm tra thời gian, điều kiện và kết quả thử máy.

Việc sử dụng máy thi công đòi hỏi người điều khiển có tay nghề cao, thuần thục, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tuân thủ nghiêm ngặt quy định về an toàn lao động và quy tắc vận hành, bảo dưỡng máy.

Nhà thầu phải tổ chức cho tất cả mọi người học tập và quán triệt các nội dung an toàn lao động hiện hành và các quy định riêng cho từng phần việc.

Thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động cho từng phần việc trước khi tiến hành, phải trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng hộ lao động cần thiết cho công nhân.

Phải có những văn bản quy định nội quy, quy tắc vận hành máy... một cách rõ ràng, sao cho ai cũng có thể nhìn thấy, đọc, hiểu được nội dung quy định, và được đặt tại công trường.

Kiểm tra an toàn của hệ thống điện công trường. Các dây dẫn được bố trí theo mức đúng quy định, an toàn cho thi công, các thiết bị điện phải có cọc tiếp địa an toàn.

Khi có sự cố xảy ra, phải lập tức có những biện pháp giải quyết kịp thời để cấp cứu, điều tra rõ nguyên nhân, lập biên bản và gửi lên cơ quan có trách nhiệm để giải quyết.

5.2 Phòng chống cháy nổ:

5.2.1 Khả năng cháy nổ:

Quá trình thi công xây dựng một công trình thường phát sinh nhiều khả năng gây ra cháy nổ:

Các nguồn nguyên liệu (dầu FO, DO) thường được chứa trong phạm vi công trường là một nguồn cháy nổ rất quan trọng. Đặc biệt là khi các kho (bãi) chứa này nằm gần các nơi có gia nhiệt, hoặc các nơi có nhiều người, xe cộ đi lại;

Sự cố về điện cũng có khả năng gây ra cháy nổ.

5.2.2 Biện pháp phòng chống cháy nổ:

Các thiết bị thi công thường xuyên được kiểm tra hằng ngày, nhất là phần điện để đề phòng cháy. Khoảng cách tối thiểu giữa các thiết bị nói trên đến nhà dân > 10m.

Treo các bảng quy định phòng cháy tại khu vực văn phòng, lán trại. Cô lập các vật dụng có thể gây ra cháy, nổ và kiểm tra độ an toàn của chúng trước khi sử dụng.

Không được tích lũy các chất thải dễ cháy tại khu vực đang thi công, cần bố trí tại những nơi có đủ khoảng cách an toàn. Hạn chế các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ như lửa, chập điện, hàn điện, đun nấu tại công trường, hút thuốc... Lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, kho xăng dầu...

Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ. Tập huấn cho cán bộ công nhân công trường về công tác cháy, nổ. Toàn bộ công tác an toàn chống cháy phải tuân theo TCVN 2622-1995- phòng cháy chống cháy cho nhà và các kiến trúc khác.

Đảm bảo an toàn cần thiết đối với các công trình ngầm như điện, điện thoại và các công trình kiến trúc xung quanh.

CHƯƠNG 6 GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

6.1 Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Dự án được đầu tư hoàn thiện và tổ chức hoạt động đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường được Nhà nước quy định; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

Thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về bồi thường, giải phóng mặt bằng đền bù cho các hộ dân chịu ảnh hưởng bởi Dự án theo đúng quy định hiện hành trước khi tiến hành các hoạt động phát quang, thi công xây dựng tuân thủ quy hoạch tổng thể của Dự án và địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện phân khu chức năng trong Cụm công nghiệp Long Phước 1 như đã phê duyệt và chỉ tiếp nhận vào Cụm công nghiệp các dự án đầu tư thuộc những ngành công nghiệp đã đăng ký trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phải hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường như: Hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2500 m/ngày, hệ thống thoát nước thải, khu vực lưu giữ chất thải, hệ thống quan trắc tự động, diện tích cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khác trước khi Dự án đi vào hoạt động. Trường hợp trong quá trình xây dựng và hoạt động Dự án, khi có điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, ngành nghề khác với đăng ký trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án phải báo cơ quan có thẩm quyền xem xét và chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của cơ quan thẩm quyền.

6.1.1 Quản lý nước thải và hệ thống thoát nước:

- Tách riêng triệt để hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thu gom, thoát nước thải phải có vị trí hõ ga phù hợp để đấu nối với điểm xả nước thải của các cơ sở và đảm bảo khả năng thoát nước của Dự án, vị trí đấu nối nước thải nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước của Dự án và đặt bên ngoài phần đất của các cơ sở. Điểm xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung phải bố trí bên ngoài hàng rào của Dự án, có biển báo, có sàn công tác và có lối đi thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công cơ sở hạ tầng và hoạt động của Dự án, bao gồm cả nước thải phát sinh từ các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp phải được thu gom và xử lý bảo đảm đạt tiêu chuẩn QVCN 40:2011/BTNMT, cột B, K = 0,9; K = 1,0 trước khi thải ra rạch Vàm Cá Tán và chảy vào nguồn tiếp nhận sông Thị Vải; lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với các thông số: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS và các thông số đặc trưng theo ngành nghề thu hút đầu tư, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Khoản 3, Điều 39 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; tuyệt đối không được xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường, không được để nước thải tự thấm xuống đất, Có biện pháp

kiểm soát lưu lượng nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp.

- Thỏa thuận về yêu cầu đối với nước thải các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp

6.1.2 Quản lý khí thải:

Khí thải phát sinh trong quá trình thi công cơ sở hạ tầng và hoạt động của Dự án phải được thu gom xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_v = 1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT; tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

6.1.3 Quản lý rác thải:

Thực hiện thu gom phân loại, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.1.4 Chương trình hoạt động:

Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định.

Xây dựng công trình ứng phó sự cố trong cụm công trình hạ tầng kỹ thuật đầu môi.

Thành lập bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường đáp ứng điều kiện hoạt động của dự án.

Thực hiện chương trình quan trắc môi trường của dự án theo quy định của pháp luật. Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường và công tác bảo vệ môi trường của dự án như đã đề suất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và quy định pháp luật liên quan và gửi về cơ quan chức năng có thẩm quyền để theo dõi, kiểm tra theo quy định.

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại điều 16, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thực hiện biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đai Dự án theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.1.5 Quản lý thông tin môi trường:

Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, các yêu cầu nêu tại Quyết định số 131/QĐ-UBND và theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện cung cấp thông tin môi trường cho cộng đồng dân cư theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 51 Nghị định số 19/2015 NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2 Công tác phối hợp với chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong giai đoạn thi công dự án để đảm bảo an ninh trật tự.

- Tuân thủ thực hiện các quy định hiện hành về an toàn lao động phòng chống cháy nổ tài nguyên nước và các quy phạm khác có liên quan đến dự án.

- Thực hiện nghiêm các yêu cầu tại Văn bản số 87/CV-UBND ngày 4/7/2017 của UBND xã Long Phước và Văn bản số 08/CV-MTX ngày 04/7/2017 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Long Phước.

- Trong quá trình xây dựng và hoạt động nếu có xảy ra sự cố môi trường, Công ty chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý và báo cáo kịp thời đến cơ quan địa phương có thẩm quyền để phối hợp tiến hành khắc phục sự cố, dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường theo phương án đã đề suất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, thông báo bằng văn bản đến các tổ chức nơi tiến hành tham vấn, cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai dự án.

- Thường xuyên cập nhật số liệu quan trắc môi trường, báo cáo kết quả thực hiện trong công tác bảo vệ môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Long Thành, Ban Quản lý các KCN và các đơn vị liên quan theo quy định.

CHƯƠNG 7 PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

7.1 Phương án giải phóng mặt bằng

7.1.1 Phạm vi giải phóng mặt bằng

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1 nằm trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 xã Long Phước, huyện Long Thành đã được phê duyệt, Dự án cũng đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 tại Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai. Trên diện tích 75.0 ha, cơ cấu sử dụng đất hiện trạng được thống kê như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Diện tích đất nông nghiệp VT4	660.000	88,0	
2	Diện tích đất ở VT4	1.500	0,2	
3	Đất sản xuất và kinh doanh VT4	17.000	2,3	
4	Diện tích đất ao VT4	65.000	8,7	
5	Diện tích đất giao thông	6.500	0,9	
	Cộng	750.000	100	

7.1.2 Phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng:

Tiến độ giải phóng mặt bằng trong quá trình triển khai dự án đầu tư phụ thuộc vào công tác đền bù cho nhân dân có đất và tài sản trong phạm vi khu vực quy hoạch được duyệt. Chủ đầu tư sẽ tiến hành lập thủ tục, trình cấp quyết định đầu tư thành lập hội đồng đền bù và ra quyết định thành lập. Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất, hội đồng đền bù đã tiến hành khảo sát, kiểm kê đất và định giá tài sản theo khung giá của tỉnh gồm: Đất đai các loại, nhà ở, hoa màu, vật kiến trúc... Đồng thời hội đồng bồi thường đã lập kế hoạch đền bù trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Khi phương án bồi thường được phê duyệt, Công ty sẽ nhanh chóng triển khai, việc chi trả tiền bồi thường cho nhân dân. Sau khi thực hiện hoàn tất việc chi trả đền bù, Công ty sẽ triển khai thi công san lấp mặt bằng, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

7.1.3 Khái toán chi phí bồi thường

Công ty đã tiến hành khảo sát thực tế, thu thập số liệu và lập khái toán chi phí bồi thường chi tiết cho từng hạng mục như sau:

STT	Loại đất	Diện tích	Đơn vị	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I.	Bồi thường đất	750.000			53.500.000.000	

1	Diện tích đất nông nghiệp VT4	660.000	m ²	344.000	227.040.000.000	
2	Diện tích đất ở VT4	1.500	m ²	409.000	613.500.000	05 hộ
3	Đất sản xuất kinh doanh VT4	17.000	m ²	344.000	5.848.000.000	
4	Diện tích đất ao VT4	65.000	m ²	344.000	22.360.000.000	
5	Diện tích đất giao thông	6.500	m ²	0	0	
II.	Bồi thường nhà, vật kiến trúc				4.532.500.000	
1	Nhà dưới C4H1	500	m ²	2.908.000	1.454.000.000	
2	Nhà tạm	2.250	m ²	660.000	1.485.000.000	
3	Công đào ao	65.000	m ²	19.000	1.235.000.000	
4	Công đào giếng	2.500	m	133.000	332.500.000	
5	Đồng hồ điện phụ	50	cái	520.000	26.000.000	
III.	Bồi thường cây trồng				4.527.316.200	
1	Tràm	39,60	ha	74.738.000	2.959.624.800	
2	Đước, Bạch đàn	19,8	ha	45.843.000	907.691.400	
3	Dừa nước	66.000	m ²	10.000	660.000.000	
IV.	Hỗ trợ các loại				81.537.335.220	
1	Chuyển đổi nghề nghiệp VT4	660.000	m ²	105.000	81.522.335.220	1,5 lần đất NN
2	Hỗ trợ ổn định đời sống (thuê nhà 12 tháng)	5	hộ	3.000.000	15.000.000	
V.	Thuởng di dời	50	hộ	10.000.000	500.000.000	
VI.	Kinh phí				17.289.858.168	
1	Kinh phí bồi thường	2%			2.881.643.028	
2	Kinh phí dự phòng	10%			14.408.215.140	
	Tổng cộng				363.848.509.568	

Chi phí tiền thuê đất:

STT	Nội dung	Diện tích tính tiền thuê đất (m ²)	Đơn giá thẩm định để thuê đất dự kiến (đồng/năm)	Thành tiền (đồng)
1	Tiền thuê đất trả một lần (50 năm)	544.120	1.600.000	870.592.000.000
2	Giá trị được miễn thuế trong 3 năm	544.120	1.600.000	52.235.520.000

	XDCB			
3	Giá trị được miễn thuế trong 11 năm đầu tiên	544.120	1.600.000	191.530.240.000

Đơn giá thẩm định dự kiến bằng 120% so với đơn giá theo bảng giá đất của UBND tỉnh. Hiện nay, đơn giá thuê đất của KCN An Phước đang trình phê duyệt cũng có mức tương tự khoảng 1.500.000 đồng/m². Phần diện tích hạ tầng dùng chung được miễn tiền thuê đất theo khoản 2, Điều 149, Luật Đất đai 2013.

Công ty tiếp tục phối hợp với Chính quyền địa phương triển khai lập hồ sơ thu hồi đất để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi có quyết định duyệt dự toán đền bù và quyết định thu hồi đất, việc bồi thường sẽ được tiến hành nhanh chóng, kịp tiến độ.

7.2 Phương án tái định cư

Các hộ dân có nhà ở bị giải tỏa trắng trong khu vực của dự án sẽ được bồi thường để tái định cư theo quy định của nhà nước và của UBND tỉnh Đồng Nai. Dự kiến bố trí tái định cư cho các hộ bị giải tỏa trắng vào khu tái định cư Xuân An thuộc xã An Phước. Nếu các hộ này vào khu tái định cư tập trung thì số tiền trợ cấp tái định cư trên chủ hộ không được nhận mà chuyển vào quỹ hạ tầng tái định cư của huyện Long Thành, chủ hộ nhận đất tái định cư không phải nộp phí sử dụng hạ tầng. Công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với hội đồng bồi thường và chính quyền địa phương thực hiện chính xác, kịp thời công tác bồi thường để nhân dân an tâm, sớm ổn định cuộc sống nơi định cư mới.

7.3 Kế hoạch thực hiện

Kế hoạch thực hiện lập thủ tục thuê đất trong giai đoạn tiếp theo dự kiến như bảng sau:

STT	TÊN CÔNG VIỆC	TIẾN ĐỘ	GHI CHÚ
1	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và Phòng TN-MT thẩm định hồ sơ; - Tham mưu cho UBND huyện Long Thành phê duyệt Phương án bồi thường; - Phối hợp với UBND huyện Long Thành và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành ban hành, phát hành và niêm yết Phương án bồi thường và chuyển tiền bồi thường. 	15/01/2021 ÷ 20/01/2021 21/01/2021 ÷ 26/01/2021 27/01/2021 ÷ 31/01/2021	
2	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành phát hành thông báo nhận tiền, chi trả tiền 	01/02/2021 ÷ 28/02/2021	

	bồi thường và nhận mặt bằng.		
3	- Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành phát hành thông báo nhận tiền, chi trả tiền bồi thường và nhận mặt bằng đợt 2.	01/3/2021 ÷ 30/3/2021	
4	- Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành củng cố hồ sơ tham mưu cưỡng chế các trường hợp không nhận tiền bồi thường	01/4/2021 ÷ 30/4/2021	
5	- Lập thủ tục thuê đất.	01/5/2021 ÷ 30/6/2021	

CHƯƠNG 8 TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở các chi phí gồm:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó bao gồm chi phí sử dụng đất, thuê đất trong thời gian xây dựng;

- Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá.

Do đó, tổng mức đầu tư của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1 là: **921.829.885.181** đồng.

Trong đó:

- Chi phí thuê đất 50 năm (trả 1 lần):	870.592.000.000 đồng;
- Giá trị được miễn thuế trong 14 năm đầu:	- 243.765.760.000 đồng;
- Chi phí hỗ trợ khác:	32.262.555.732 đồng;
- Chi phí xây dựng công trình:	200.527.520.965 đồng;
- Chi phí thiết bị:	31.221.034.291 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.325.375.286 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	7.597.559.377 đồng;
- Chi phí khác:	1.286.194.674 đồng;
- Chi phí dự phòng:	19.783.404.856 đồng.

(Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản như dự toán đính kèm tại phụ lục III)

CHƯƠNG 9 PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC DỰ ÁN

9.1 Đánh giá thị trường và đối thủ:

9.1.1 Tổng quan về thu hút đầu tư tại Tỉnh Đồng Nai

Đồng Nai là một địa phương có những ưu thế trong việc xây dựng công trình, vị trí thuận lợi, đồng thời có cảng cho tàu thủy trọng tải lớn hoạt động, gần các cụm cảng biển nước sâu. Tại Đồng Nai đang đồng loạt triển khai một số dự án lớn như đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; sân bay quốc tế Long Thành. Bên cạnh đó, Đồng Nai còn là tỉnh phát triển công nghiệp hàng đầu của Việt Nam với 32 khu công nghiệp đã được cấp phép đầu tư. Trong đó, 31 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, thu hút 1.260 dự án FDI và 430 dự án của nhà đầu tư trong nước với tổng vốn 26,8 tỷ USD. Nguồn nhân lực lao động ở Đồng Nai cũng luôn được quan tâm đào tạo, bởi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay có một hệ thống các trường đào tạo nghề đa dạng, gần như có đủ các chuyên ngành phục vụ cho người lao động làm ở các khu công nghiệp.

Dù xảy ra dịch bệnh Covid-19, nhưng thu hút đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2020 được gần 20,3 ngàn tỷ đồng, tăng 176% so với cùng kỳ năm 2019. Dòng vốn đầu tư trong nước chủ yếu tập trung nhiều vào lĩnh vực bất động sản dân dụng và công nghiệp, thủy điện. Chính vì những điều kiện thuận lợi này mà hiện nay tỉnh Đồng Nai đã có hơn 13.000 doanh nghiệp trong nước và 1.000 doanh nghiệp nước ngoài đầu tư hoạt động. Riêng các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, Đồng Nai đã thu hút số vốn đăng ký đạt trên 19,4 tỉ USD của các doanh nghiệp thuộc 35 quốc gia và vùng lãnh thổ đến đầu tư vào tỉnh Đồng Nai.

Định hướng thu hút vốn đầu tư của tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn mới là tập trung cho các ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường ưu tiên thu hút là công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao và không sử dụng nhiều lao động.

Mục tiêu của tỉnh là xây dựng các Cụm công nghiệp nhằm giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp trên lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ di dời vào để có mặt bằng sản xuất ổn định, lâu dài, đảm bảo môi trường, phòng chống cháy, nổ.

9.1.2 Phân tích các tác lực cạnh tranh

9.1.2.1 Đối thủ cạnh tranh trực tiếp:

Hiện nay trong số các Khu công nghiệp trên địa bàn lân cận Cụm công nghiệp Long Phước 1 thì đối thủ cạnh tranh trực tiếp là các KCN Nhơn Trạch III, IV, V, KCN Mỹ Xuân, KCN Phú Mỹ về thu hút các nhà đầu tư đến thuê đất để sản xuất kinh doanh.

Với kết quả hoạt động kinh doanh về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty, sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế chủ yếu là kinh doanh hạ tầng KCN, dịch vụ cho thuê nhà xưởng.

Phân tích hiệu quả kinh doanh hạ tầng KCN và dịch vụ cho thuê nhà xưởng của Công ty với các số liệu so sánh như sau:

Bảng đánh giá hiệu quả kinh doanh của kinh doanh hạ tầng KCN và dịch vụ cho thuê nhà xưởng từ năm 2017 – 2019:

Stt	Nội dung	2017	2018	2019
1	Kinh doanh hạ tầng KCN			
1.1	Tỷ lệ DT thực hiện/Tổng DT	20,42%	17,93%	18,15%
1.2	Tốc độ tăng trưởng hàng năm (<i>kỳ thực hiện/kỳ gốc</i>)	8,89%	(0,15)%	2,97%
1.3	LN gộp nhà xưởng/Tổng LN	40,43%	29,24%	23,64%
2	Cho thuê nhà xưởng			
2.1	Tỷ lệ DT thực hiện/Tổng DT	24,40%	25,65%	29,62%
2.2	Tốc độ tăng trưởng hàng năm (<i>kỳ thực hiện/kỳ gốc</i>)	33,34%	19,54%	17,45%
2.3	LN gộp nhà xưởng/Tổng LN	46,12%	48,44%	59,64%

Hiện tại, quỹ đất trong KCN Long Thành dành cho thuê đất công nghiệp đã gần như lấp đầy, do đó, để chuẩn bị cho tương lai Công ty sẽ tập trung phát triển mạnh quỹ đất tại KCN Châu Đức và Cụm công nghiệp Long Phước 1. Đây cũng chính là định hướng phát triển của Công ty nhằm mục đích tạo nguồn doanh thu ổn định và lâu dài trong tương lai.

Thẩm định dự án đòi hỏi phải so sánh chi phí và lợi ích của một dự án trong suốt tuổi thọ của nó. Để được chấp nhận, giá trị hiện tại của lợi ích dự án phải cao hơn giá trị hiện tại của chi phí dự án. Hiện giá ròng (NPV) của dự án >0 đồng thời chi phí cơ hội kinh tế của vốn cũng là một thông số quan trọng để đưa ra các quyết định liên quan đến qui mô tối ưu của dự án và để xác định thời điểm thực hiện đầu tư; Cả hai yếu tố nói trên đều có tính quyết định ảnh hưởng đến lợi ích ròng và khả năng sống còn chung cuộc của dự án.

Đánh giá thị trường bất động sản công nghiệp còn nhiều tiềm năng cùng với lợi thế đang là chủ đầu tư của KCN Long Thành, việc đầu tư và khai thác hạ tầng Cụm công nghiệp Long Phước 1 tin tưởng sẽ đem lại thành công cho Công ty.

9.1.2.2 *Đối thủ tiềm năng: Hiện tại, chưa có đối thủ tiềm năng xuất hiện mới.*

9.1.2.3 *Khách hàng:*

Đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp trên lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ di dời vào để có mặt bằng sản xuất ổn định, lâu dài.

Đòi hỏi được cung cấp nhanh gọn Giấy phép đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chính sách thanh toán linh hoạt.

9.1.2.4 Giá cả hợp lý.

Môi trường xung quanh xanh, sạch, đẹp, an ninh, giao thông thuận tiện.

9.1.2.5 Sản phẩm thay thế:

Bên cạnh phương án kinh doanh cho thuê đất công nghiệp thì Công ty còn xem xét phương án đầu tư xây dựng nhà xưởng để cho thuê, sản phẩm nhà xưởng cho thuê cũng là một thế mạnh mà Công ty có nhiều kinh nghiệm kinh doanh, có thể đáp ứng nhu cầu của khách hàng về tiết kiệm thời gian và giảm chi phí đầu tư ban đầu.

9.1.3 Đối tượng khách hàng:

- Khách hàng mục tiêu hoạt động các ngành nghề như sau:
 - Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử;
 - Công nghiệp chế biến nông sản và sản xuất thiết bị phục vụ nông nghiệp;
 - Công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp...;
 - Công nghiệp sản xuất cấu kiện thép, bê tông, vật liệu xây dựng cao cấp;
 - Công nghiệp hỗ trợ: Sản xuất, gia công phụ tùng, linh kiện cơ khí, điện, điện tử...
- Về giá cả:
 - Tại khu công nghiệp Amata, đơn giá cho thuê đất khoảng 160 USD/m²/toàn bộ thời gian thuê;
 - Tại Khu công nghiệp Lộc An-Bình Sơn, đơn giá cho thuê đất khoảng 140 USD/m²/toàn bộ thời gian thuê;
 - Tại KCN Nhơn Trạch, giá chào cho thuê dao động trong khoảng 160 USD/m²/toàn bộ thời gian thuê.

(Các giá cho thuê chưa bao gồm thuế VAT).

9.2 Phân tích SWOT của dự án:

9.2.1 Phân tích điểm mạnh (S)

- Cụm công nghiệp Long Phước 1 có pháp lý rõ ràng, minh bạch, sẵn sàng để đầu tư phát triển.
- Dự án có vị trí thuận lợi, nằm gần ngã ba kết nối với TP. HCM, TP. Biên Hòa và TP. Bà Rịa trong vòng 60 phút lái xe.
- Dự án có vị trí dọc theo Quốc lộ 51, kết nối thuận tiện chỉ trong vòng 30 phút lái xe với các hạ tầng quan trọng như Cảng Cái Mép, Cảng hàng không quốc tế Long Thành cũng như các cảng sông phía đông của TP. HCM.
- Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 tiếp giáp huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và huyện Phú Mỹ, tỉnh BR-VT. Đây là nơi có nhiều khu công nghiệp lớn, lâu đời, thúc đẩy nhu cầu cho Cụm công nghiệp Long Phước 1.

- Chủ đầu tư – Sonadezi Long Thành – là một Công ty có uy tín trong lĩnh vực phát triển khu công nghiệp toàn quốc, đặc biệt là trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thương hiệu uy tín của Công ty là một trong những yếu tố góp phần thành công cho Cụm công nghiệp.

9.2.2 Phân tích điểm yếu (W)

- Khu đất dự án có kết nối với Quốc lộ 51. Tuy nhiên đường kết nối hiện tại khá khó khăn và phụ thuộc nhiều vào sự hình thành của đường dẫn vào Cụm công nghiệp Long Phước và đường Long Phước – Phước Thái trong tương lai. 02 tuyến đường này được đầu tư bằng ngân sách của địa phương. Sự chậm trễ trong việc triển khai xây dựng 02 tuyến đường trên dẫn đến Cụm công nghiệp Long Phước khó triển khai xây dựng và thu hút đầu tư khi chưa có các tuyến đường này. Cụ thể:

+ Tuyến đường dẫn nối từ Quốc lộ 51 vào đến Cụm công nghiệp Long Phước 1 đã được phê duyệt thiết kế với quy mô dài 2,07 km; mặt đường rộng 7m, nền 9m; đoạn 600 cuối đi trùng với đường Long Phước – Phước Thái. Quy mô thiết kế mặt đường khá nhỏ so với mục tiêu phục vụ cụm công nghiệp. Tuyến đường được dự kiến thi công vào cuối năm 2020. Tuy nhiên, hiện nay cũng đang gặp khó khăn vướng mắc trong thủ tục thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng;

+ Tuyến đường Long Phước – Phước Thái có chiều dài 9,7km (trong đó có 400m đi trùng với tuyến đường đối ngoại của Cụm công nghiệp), lộ giới rộng 32m, cụ thể: vỉa hè 4m hai bên, mặt đường 6 làn xe mỗi làn 3,5m, giải phân cách giữa 3m. Hiện nay dự án tuyến đường đang được UBND huyện Long Thành lập hồ sơ chủ trương đầu tư dự án. Do đó để hoàn thành các thủ tục pháp lý và giải phóng mặt bằng để thi công còn trải qua thời gian rất dài.

- Mục tiêu và chính sách phát triển cụm công nghiệp trong địa bàn tỉnh Đồng Nai là đáp ứng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước đầu tư vào cụm và phục vụ cho công tác di dời theo chủ trương của tỉnh; không xem xét giải quyết các trường hợp doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang đầu tư trong khu công nghiệp hoặc xin đầu tư mới... chuyển hướng đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Điều này hạn chế nhóm đối tượng khách hàng mà Cụm công nghiệp Long Phước 1 hướng tới là các doanh nghiệp nước ngoài. Dẫn đến thách thức cho việc giải quyết bài toán đầu ra của dự án.

- Quy mô cụm công nghiệp có thể có các chính sách ưu đãi kém thu hút hơn so với các khu công nghiệp.

- Xung quanh cụm công nghiệp Long Phước 1 khoảng 5km không có quá nhiều hệ thống dịch vụ công cộng như: chợ, trường và bệnh viện... Điều này có thể sẽ gây khó khăn trong việc thu hút nguồn lao động đến với khu vực.

9.2.3 Phân tích cơ hội (O)

- Cơ sở hạ tầng giao thông của tỉnh Đồng Nai đang được đầu tư phát triển làm tăng kết nối vùng, thuận lợi cho sự phát triển công nghiệp.

- Làn sóng FDI vào Việt Nam đã và đang tăng trưởng trong những năm qua và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong những năm tới góp phần mang đến nguồn cầu cho các loại hình BĐS Công nghiệp, đẩy mạnh sự phát triển của thị trường cả về lượng và chất.

9.2.4 Phân tích thách thức (T)

- Với mục tiêu và chính sách phục vụ mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, do đó yêu cầu đặt ra, việc tiếp cận và thuê đất đối với các doanh nghiệp phải dễ hơn và có chi phí thấp hơn so với việc vào các khu công nghiệp. Đặc biệt giá thuê đất trong cụm công nghiệp phải thấp hơn trong khu công nghiệp. Tuy nhiên, theo tổng vốn đầu tư dự án được lập lại và phương án kinh doanh của dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 thì để đảm bảo dự án có hiệu quả thì đơn giá cho thuê lại đất sẽ từ 110 – 120 USD/m² (đơn giá cho thuê lại đất tại KCN Long Thành có vị trí thuận lợi hơn chỉ ở mức 130 - 140 USD/m²). Như vậy, đơn giá cho thuê lại đất tại Cụm công nghiệp Long Phước 1 như trên là quá cao, khó thu hút nhà đầu tư dẫn, đến dự án khó khả thi.

- Nhà đầu tư khi đầu tư vào KCN chỉ cần liên hệ 01 cơ quan quản lý làm đầu mối là Ban Quản lý các Khu công nghiệp để giải quyết các thủ tục về đầu tư. Tuy nhiên khi đầu tư vào Cụm công nghiệp thủ tục sẽ phức tạp hơn như: liên hệ Sở Kế hoạch – Đầu tư để xin cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, liên hệ Sở Công Thương để xin cấp giấy chứng nhận đầu tư, liên hệ Sở Tài nguyên - Môi trường để xin cấp phép DTM... Đồng thời các chính khách ưu đãi đầu tư khi đầu tư vào Khu công nghiệp tốt hơn khi đầu tư vào Cụm công nghiệp. Do đó, việc thu hút nhà đầu tư vào Cụm công nghiệp sẽ gặp khó khăn, thách thức rất nhiều.

9.3 Phương án kinh doanh:

9.3.1 Phương án tính giá cho thuê:

Các khoản phí sẽ trả của khách hàng thuê đất tại dự án:

+ Tiền thuê mặt bằng:

Đơn giá cho thuê 3 năm đầu: 2.585.000 đồng/m²/thời hạn thuê (tương đương 110 USD/m²/thời hạn thuê).

Đơn giá cho thuê 3 năm sau: 2.702.500 đồng/m²/thời hạn thuê (tương đương 115 USD/m²/thời hạn thuê).

Đơn giá cho thuê 3 năm tiếp theo: 2.820.000 đồng/m²/thời hạn thuê (tương đương 120 USD/m²/thời hạn thuê).

+ Phí quản lý: 23.500 đồng/m²/năm (tương đương 1 USD/m²/năm).

Diện tích tính tiền: là diện tích đất thuê ký hợp đồng với khách hàng.

Phương thức thanh toán: đặt cọc trước 10% giá trị, thanh toán 90% giá trị tiền thuê mặt bằng sau khi ký hợp đồng thuê đất, thanh toán phí quản lý hàng năm vào tháng 01.

Áp dụng tỷ giá chuyển khoản VNĐ/USD chính thức tại thời điểm ký hợp đồng với Khách hàng.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

9.3.2 Kế hoạch kinh doanh và tiến độ đầu tư:

Tiến độ đầu tư dự án Cụm công nghiệp được triển khai trong vòng 3 năm (2020 - 2022) cụ thể như sau:

STT	Tên công việc	Thời gian hoàn thành
1.	Lập và thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; Phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công	Tháng 12/2020
2.	Thực hiện đầu tư xây dựng	
2.1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1	Tháng 6/2021
2.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2	Tháng 12/2021
2.3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 3	Tháng 12/2022

9.3.3 Công tác quảng cáo, tiếp thị:

Công ty sẽ lập kế hoạch tiếp thị đất nền công nghiệp cho thuê để đảm bảo công tác quảng cáo tiếp thị được triển khai ngay sau khi dự án được phê duyệt.

9.3.4 Công tác vận hành và quản lý dự án:

Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành với năng lực của mình sẽ trực tiếp quản lý dự án theo quy định tại Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Phân công công tác trong Công ty về thực hiện dự án như sau: Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm quản lý dự án; Bộ phận Dự án chịu trách nhiệm tổ chức đấu thầu, giám sát thi công và duy tu, bảo dưỡng công trình; Bộ phận Kinh doanh thực hiện công tác tiếp thị bán hàng, chăm sóc khách hàng và các công tác khác sau bán hàng.

CHƯƠNG 10 PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

10.1 Tổng mức đầu tư và phân kỳ đầu tư:

Tổng mức đầu tư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1 là **921.829.885.181** đồng và được giải ngân trong vòng 03 năm (từ năm 2020 đến 2022) theo tiến độ đầu tư, cụ thể như sau:

Giá trị vốn đầu tư hàng năm (bao gồm VAT)

Năm Hạng mục	2020	2021	2022	Ghi chú
	1	2	3	
Chi phí thuê đất	280.922.750.013	378.166.045.719	-	
Hạ tầng giai đoạn 1	10.000.000.000		-	
Hạ tầng giai đoạn 2		100.000.000.000	-	
Hạ tầng giai đoạn 3			152.741.089.449	
TỔNG	290.922.750.013	478.166.045.719	152.741.089.449	

10.2 Nguồn vốn:

Vốn đầu tư triển khai thực hiện dự án: 30% là vốn đầu tư phát triển của Công ty và 70% là vốn vay thương mại.

10.3 Phương án thu hồi vốn:

Nguồn thu từ tiền cho thuê đất công nghiệp và phí quản lý.

10.4 Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động khai thác của dự án là 45 năm.

10.5 Kết quả kinh doanh:

Các tính toán kết quả kinh doanh sau đây chọn đơn vị tính là VNĐ.

10.5.1 Doanh thu:

Doanh thu từ hoạt động cho thuê đất công nghiệp được xác định dựa trên các giả thiết sau:

+ Thời gian bắt đầu tính tiền thuê:

Hạng mục đầu tư	Thời điểm cho thuê	Diện tích cho thuê (m ²)	
Đất cho thuê Năm 3	2022	50.000	
Đất cho thuê Năm 4	2023	100.000	
Đất cho thuê Năm 5	2024	120.000	
Đất cho thuê Năm 6	2025	120.000	
Đất cho thuê Năm 7	2026	100.000	

Doanh thu hàng năm được tính như sau:

- Doanh thu hàng năm = DT thuê đất + DT Phí quản lý

Trong đó:

- DT thuê đất = Giá cho thuê 1 m² x số năm thuê.
- DT Phí quản lý = Mức phí quản lý 1 m²/năm x Diện tích tính tiền (diện tích đất toàn khu) x số tháng/12

10.5.2 Chi phí:

Chi phí hàng năm cho Cụm công nghiệp Long Phước 1 khi đi vào hoạt động bao gồm các khoản:

- Chi phí tiền thuê đất;
- Chi phí bán hàng: bằng 5% doanh thu, bao gồm các khoản: quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng môi giới, chi phí giao dịch...;
- Chi phí quản lý: bằng 5% doanh thu;
- Thuế TNDN: 20%.

10.5.3 Kết quả hoạt động kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh của dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 như sau:

(ĐVT: ngàn đồng)

Khoản mục		Kết quả sau 45 năm
Tổng Doanh thu	:	2.430.105.920
- Doanh thu tiền thuê mặt bằng	:	1.292.500.000
- Doanh thu phí quản lý	:	492.325.000
Tổng Chi phí	:	1.509.445.703
- CP đầu tư	:	921.829.885
- Chi phí Hoa hồng MG	:	64.625.000
- Chi phí bán hàng	:	24.616.250
- Chi phí QLDN	:	89.241.250
- Lãi vay	:	207.616.212
Tổng lợi nhuận trước thuế	:	476.896.403
Thuế thu nhập 20%	:	140.155.452
Tổng lợi nhuận sau thuế	:	336.740.951

10.5.4 Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính:

Khi cho thuê với thời hạn hợp đồng từ thời điểm đưa dự án vào khai thác đến hết vòng đời dự án, với tỷ suất chiết khấu $r = 12\%$ (tính theo VNĐ), các chỉ số tài chính của dự án đạt được như sau:

- Hiện giá thu hồi thuần (NPV) : 9.875.127.690 đồng

Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Long Phước 1

- Tỷ suất doanh lợi nội bộ (IRR) : 12.96% > r
- Thời gian hoàn vốn : 5 năm 9 tháng

Như vậy, dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 có hiệu quả về mặt kinh tế.

CHƯƠNG 11 HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 mang lại những hiệu quả kinh tế xã hội sau:

11.1 Hiệu quả kinh tế:

Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 với nguồn vốn tự có của Doanh nghiệp và vốn vay ngân hàng. Điều đó hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Chính phủ về chiến lược xây dựng các Cụm công nghiệp tập trung trên phạm vi toàn quốc gia trong thời gian hiện nay. Hiệu quả đầu tư của dự án này thể hiện ở hai mặt quan trọng. Dự án không những khả thi về mặt kinh tế tài chính mà còn mang lại nhiều hiệu quả về kinh tế xã hội.

Đóng góp của dự án vào ngân sách nhà nước được thực hiện trực tiếp qua thuế doanh nghiệp và thuế lợi tức từ hoạt động kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp và đặc biệt quan trọng là đóng góp gián tiếp qua thuế doanh nghiệp và thuế lợi tức từ hoạt động của các doanh nghiệp.

Dự án có thể thu hút khoảng 6.000 lao động trực tiếp.

Cụm công nghiệp Long Phước 1 đi vào hoạt động và phát triển sẽ là một Cụm công nghiệp sản xuất với công nghệ tiên tiến, tạo ra những sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài.

Khả năng cạnh tranh của sản phẩm sản xuất trong nước được nâng cao sẽ tạo ra cơ hội giảm nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng do đó tiết kiệm được ngoại tệ.

11.2 Hiệu quả xã hội:

Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 được thực hiện sẽ đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh đồng thời thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa trong khu vực. Tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ nói riêng và ngành công nghiệp nói chung của tỉnh Đồng Nai.

Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 được thực hiện sẽ kích thích và khuyến khích các ngành kinh tế khác của tỉnh cùng phát triển, đặc biệt là các ngành gia công chế biến và sản xuất nông nghiệp.

Khi đi vào hoạt động, Cụm công nghiệp Long Phước 1 sẽ tạo thêm việc làm mới mang tính chất công nghiệp, góp phần cải thiện đời sống cho nhân dân trong tỉnh và nâng cao dân trí của nhân dân địa phương.

KẾT LUẬN

Việc đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1 hoàn toàn đúng định hướng phát triển kinh doanh của Công ty.

Góp phần đẩy nhanh công tác đô thị hóa tại địa bàn huyện, phù hợp với xu hướng phát triển chung của tỉnh.

Tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện Long Thành cũng như toàn tỉnh Đồng Nai. Góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp của Việt Nam phát triển theo kịp và hội nhập vào các nước trong khu vực và trên thế giới.

Dự án đi vào hoạt động sẽ góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài ra dự án còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư, góp phần tăng nguồn thu ngân sách gián tiếp từ các nhà đầu tư.

Sau khi xem xét, đánh giá cơ hội kinh doanh, qui mô thị trường, năng lực của Công ty cũng như hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đầu tư và Xây dựng Phương Đại Nam kính đề nghị cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Long Phước 1.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Phi Hồng

PHỤ LỤC

Phụ lục I: Các bảng tính toán

- Giả thuyết: Diện tích, khái toán chi phí và các giả thiết khác
- Tổng mức đầu tư; Tiến độ đầu tư
- Tính toán giá cho thuê
- Kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay
- Kết quả kinh doanh
- Dòng tiền và chỉ số tài chính

Phụ lục II: Thuyết minh và bản vẽ hồ sơ thiết kế cơ sở Cụm công nghiệp Long Phước 1.

Phụ lục III: Các tài liệu khác

- QĐ thành lập Cụm công nghiệp Long Phước 1
- QĐ phê duyệt chủ chương đầu tư Cụm công nghiệp Long Phước 1
- QĐ phê duyệt Quy hoạch chi tiết TL1/500 Cụm công nghiệp Long Phước 1
- QĐ phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
- VB thông báo kết quả thẩm định TKCS
- Dự toán Chi phí đầu tư xây dựng công trình

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi và phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ theo yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành công ty cũng như các thay đổi của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi sửa đổi bổ sung gồm 07 điều, phù hợp với Mẫu Quy chế của Thông tư 116/2020/TT-BTC. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện việc ban hành Quy chế theo đúng quy định.

(Dự thảo quy chế đính kèm)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

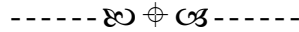
- Như trên;
- Lưu HS ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO



SONADEZI
LONG THANH
MEMBER OF SONADEZI

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Trụ sở: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3514494 – Fax: 0251.3514499

Đồng Nai, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày tháng năm 2021.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số..... /QĐ-SZL-HĐQT ngày / ... /2021
của Hội đồng quản trị Công ty CP Sonadezi Long Thành)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Sonadezi Long Thành;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-SZL-HĐQT ngày ... tháng... năm...

Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty - Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

– Vai trò: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

– Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Điều lệ công ty

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

– Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

– Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

– Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

– Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

– Thủ tục lập danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD):

- Chậm nhất 08 (tám) ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi cho VSD Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng theo Mẫu 07/THQ - Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán và các tài liệu kèm theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán.

- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ) (*File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà công ty đã đăng ký với VSD*).

- Trường hợp công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng 08 ngày làm việc kể

từ ngày đăng ký cuối cùng, công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

- Trường hợp công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và công ty.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Được quy định tại Điều 16, Điều lệ công ty

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

- Người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông là người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình và phải thực hiện các công việc sau đây:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
- Xác định thời gian và địa điểm họp;
- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Công việc khác phục vụ cuộc họp.

- Nội dung Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty.

- Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc

trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định trên thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- ✓ Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định;
- ✓ Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- ✓ Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ trực tiếp hoặc gửi Phiếu đăng ký / ủy quyền tham dự họp (theo mẫu đính kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự) về Công ty.

- Cổ đông đăng ký hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết / bầu cử trực tiếp tại cuộc họp.
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp.
- Gửi phiếu biểu quyết / phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

h) Điều kiện tiến hành:

- Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ công ty.

k) Cách thức bỏ phiếu:

– ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

– Người đăng ký dự họp sẽ sử dụng Thẻ biểu quyết đã được cấp để biểu quyết cho từng vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

– Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp.

– Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

– Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

– Đối với việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp cho Ban tổ chức phiếu cũ.

– Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

l) Cách thức kiểm phiếu:

– Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử / thẻ / phiếu biểu quyết. Sau đó, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số thẻ biểu quyết thu về so với số thẻ biểu quyết phát ra.

– Thực hiện kiểm thẻ/phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó thực hiện kiểm thẻ biểu quyết không tán thành, không có ý kiến.

– Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu;
- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau;
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ công ty

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

– Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

– Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại mục trên với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

– Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu Công ty xét thấy cần thiết) và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

– Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

– Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

– Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

– Biên bản họp ĐHCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp và biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

– Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

q) Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang điện tử của Công ty và gửi tin đến các trang điện tử công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

– Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty

– Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty

– Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

– Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

– Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị

quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

– Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

– Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

Căn cứ theo tình hình thực tế (khi Công ty có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do tình hình dịch bệnh, do quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác), Hội đồng Quản trị công ty quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến. Trong trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức đại hội do Hội đồng Quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc theo quy định như sau:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

– Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được gửi đến tất cả cổ đông theo danh sách chốt ngày cuối cùng do VSD cung cấp, hình thức và thời gian gửi thông báo tương tự như họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ ghi địa chỉ đường dẫn truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (do đơn vị cung ứng dịch vụ mà Công ty lựa chọn ký hợp đồng cung cấp phần mềm tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến).

– Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên hệ thống phần mềm tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

– Mỗi cổ đông khi nhận thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được cung cấp 01 tài khoản bao gồm Tên đăng nhập và Mật khẩu truy cập hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, ngoại trừ các cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên được cử nhiều hơn 01 người đại diện sẽ được cấp số lượng tài khoản tương ứng với số người đại diện.

– Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật Tên đăng nhập, Mật khẩu truy cập do Công ty cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc đăng ký tham dự, tham gia biểu quyết, bầu cử trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty.

– Cổ đông sử dụng Tên đăng nhập và Mật khẩu được cấp để truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong thời gian quy định cụ thể theo Thông báo mời

họp và chọn lựa đăng ký tham dự hoặc ủy quyền cho người khác (có thể là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty hoặc một cá nhân khác do cổ đông chỉ định) tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 60% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện.

Căn cứ theo văn bản ủy quyền cho người đại diện của cổ đông, Công ty sẽ cấp số lượng tài khoản tương ứng với số người đại diện. Người được ủy quyền đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sử dụng tài khoản được cấp để truy cập hệ thống và thực hiện biểu quyết, thảo luận và đóng góp ý kiến.

d) Điều kiện tiên hành:

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự trên 50% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

– Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

– Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức có ý kiến tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.

– Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cổ đông bỏ phiếu tán thành, ngoại trừ các trường hợp sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông bỏ phiếu tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;

– Với mỗi một vấn đề được đưa ra biểu quyết, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến hiển thị trên giao diện của hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

– Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

– Trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình Đại hội đã gửi cho cổ đông: Cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không có ý kiến đối với những nội dung này.

– Với nội dung bầu cử, Cổ đông lựa chọn phương thức bầu dồn phiếu hoặc bầu ghi số cho các ứng viên theo hướng dẫn trên giao diện hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

– Cổ đông có thể thay đổi các lựa chọn đã biểu quyết, bầu cử trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hệ thống trực tuyến sẽ ghi nhận kết quả biểu quyết,

bầu cử cuối cùng tại thời điểm Chủ tọa thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu để tiến hành kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử.

– Thời gian biểu quyết, bầu cử trực tuyến bắt đầu kể từ khi cổ đông nhận được thông tin truy cập đến thời điểm kết thúc biểu quyết, bầu cử trực tuyến được quy định trên thông báo của hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Kết thúc thời gian quy định, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả biểu quyết, bầu cử trực tuyến từ cổ đông.

– Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ tự động thống kê và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm phiếu đối với các nội dung dựa trên lựa chọn tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu thực hiện kết xuất báo cáo và thông báo ngay kết quả kiểm phiếu trên phần mềm hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để cổ đông có thể theo dõi, cập nhật kết quả ngay.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

– Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Ban thư ký đại hội lập, ghi nhận tiến trình diễn ra cuộc họp trực tuyến bao gồm các vấn đề cổ đông trao đổi, đóng góp ý kiến thông qua hệ thống phát truyền hình trực tuyến, các nội dung được thông qua tại cuộc họp, kết quả kiểm phiếu các nội dung, kết quả bầu cử...

– Biên bản họp phải được lập xong trước khi kết thúc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và được gửi toàn văn đến tất cả cổ đông thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Đồng thời được đăng tải trên website của Công ty, các trang công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và HOSE trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trực tuyến.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

– Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được lập xong trước khi kết thúc đại hội và phải được các cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến bỏ phiếu điện tử tán thành.

– Việc công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự như Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

Căn cứ theo tình hình thực tế (khi Công ty có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và xét thấy cần thiết phải kết hợp 2 hình thức để đảm bảo tỷ lệ tham gia biểu quyết), Hội

đồng Quản trị công ty quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức đại hội trực tiếp theo quy định tại Điều lệ công ty, cụ thể:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ được thực hiện kết hợp theo Điều 16 Điều lệ công ty và điểm a, Khoản 4 Điều này.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Các thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ được áp dụng theo quy định tại điểm g, Khoản 2 và điểm b, Khoản 4 Điều này.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ công ty và điểm c, Khoản 4 Điều này.

d) Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có sự tham dự của số cổ đông đại diện cho từ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội được tiến hành thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và tại địa điểm tổ chức cuộc họp đã được thông báo cho toàn bộ cổ đông.

đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết, điền lựa chọn vào phiếu biểu quyết, điền số phiếu bầu cho các ứng viên (đối với các cổ đông tham gia trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội) và hình thức bỏ phiếu điện tử theo các lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.

e) Cách thức bỏ phiếu:

Cách thức bỏ phiếu theo quy định tại điểm k, Khoản 2 và điểm e, Khoản 4 Điều này.

g) Cách thức kiểm phiếu:

Cách thức kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại điểm l, Khoản 2 và điểm g, Khoản 4 Điều này.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

– Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung từ việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu của cả 2 hình thức trực tiếp và trực tuyến.

– Đại diện Ban Kiểm phiếu sẽ lên báo cáo tổng hợp kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp. Đối với Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, báo cáo tổng hợp kết quả kiểm phiếu sẽ được đăng tải trên hệ thống, cổ đông tham dự trực tuyến có thể theo dõi trên giao diện của hệ thống.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập đảm bảo theo quy định tại điểm p, Khoản 2 và điểm i, Khoản 4 Điều này.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định tại điểm q, Khoản 2 và điểm k, Khoản 4 Điều này.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

– Vai trò của Hội đồng Quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

– Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị: Được quy định tại Điều 26, Điều lệ công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

– Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

– Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

– Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập

– Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty

– Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

– Danh sách ứng viên đề bầu Hội đồng Quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

– Trước khi bầu cử, mỗi cổ đông hoặc người đại diện cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông / họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng viên.

– Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
Được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

– Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty có quyền đề cử, giới thiệu người ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị bằng cách gửi văn bản giới thiệu ứng cử viên về địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

– Văn bản giới thiệu ứng cử viên có thể theo mẫu do Công ty ban hành hoặc do Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty soạn nhưng đảm bảo phải đầy đủ thông tin ứng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty.

– Văn bản giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 10 (mười) ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

– Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

– Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong trường hợp quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.

– Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị:

– Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

– Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập mà không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết:

Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

– Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
– Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm h, Điều này;

– Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

– Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01

giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

– Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

– Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

– Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

– Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

– Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

– Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

– Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định như trên thì biên bản họp Hội đồng quản trị có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang điện tử của Công ty và trên các trang công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự và quy định của pháp luật về công bố thông tin.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

– Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

– Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

– Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

– Người phụ trách quản trị công ty có đơn từ chức và được Hội đồng Quản trị chấp thuận;

– Không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

– Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: Được quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

– Vai trò của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát có vai trò kiểm tra, giám sát các hoạt động của cả Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để các hoạt động của công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và công ty.

– Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

– Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của công ty là 03 (ba) người.

– Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

– Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên Ban kiểm soát.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

– Việc xác định ứng cử viên Ban Kiểm soát và công bố thông tin thực hiện tương tự như quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty.

– Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

– Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

– Danh sách ứng viên để bầu thành viên Ban kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

– Trước khi bầu cử, mỗi cổ đông hoặc người đại diện cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông / họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng viên.

– Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên Ban kiểm soát được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí Thành viên Ban kiểm soát cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

– Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

– Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

– Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

– Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: Được quy định theo Điều 34 Điều lệ công ty

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

– Thành viên Hội đồng quản trị hoặc cá nhân khác đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 2 Điều này có thể ứng cử chức danh Tổng giám đốc.

– Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành.

– Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và trong trường hợp Tổng giám đốc không còn đáp ứng tiêu chuẩn và không còn đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Bỏ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

– Hội đồng quản trị bỏ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

– Tổng Giám đốc được ký hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ của người lao động theo Luật Lao động.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

– Tổng giám đốc sẽ bị Hội đồng Quản trị xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức;

- Vi phạm trách nhiệm và nghĩa vụ của người điều hành quy định tại Điều lệ Công ty;

- Không hoàn thành nhiệm vụ;

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

– Khi có quyết định miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị đồng thời ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động.

đ) Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Công ty thực hiện công bố thông tin về việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc trên website Công ty, cho các cơ quan hữu quan, Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định hiện hành về công bố thông tin.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

– Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

– Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

– Ban Kiểm soát được nhận thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

– Trường hợp Tổng Giám đốc được mời tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).

– Biên bản họp Hội đồng Quản trị và nghị quyết của Hội đồng Quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi ban hành sẽ được gửi cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi ban hành sẽ được gửi cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

– Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định pháp luật thì Ban kiểm soát phải soạn văn bản đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị để yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

– Tổng Giám đốc đề nghị họp Hội đồng quản trị khi cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư hoặc các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị.

– Ngoài ra, Tổng Giám đốc có thể lập tờ trình các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng quản trị và thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Định kỳ tại cuộc họp Hội đồng quản trị hàng quý, Tổng giám đốc trình báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó phân tích, đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã giao.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Hàng năm vào cuộc họp Hội đồng quản trị cuối năm, Hội đồng quản trị tiến hành kiểm điểm, phê bình và tự phê bình, qua đó Tổng giám đốc tự nhận thấy ưu khuyết điểm của bản thân để chủ động ngày càng nâng cao công tác quản lý. Hội đồng quản trị cũng thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc và bình bầu danh hiệu thi đua đối với Công ty.

g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

– Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

– Các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan của người nội bộ Công ty.

– Tổng giám đốc soạn các vấn đề cần xin ý kiến lập thành văn bản và gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

– Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban công ty, các báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính. Ban kiểm soát được mời tham dự họp cùng Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất phương hướng hoạt động của Công ty.

– Hàng năm, Ban kiểm soát tổ chức ít nhất 02 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm soát, giám sát hoạt động của Công ty. Tổng giám đốc công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu, hồ sơ liên quan và hỗ trợ Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

a) Đánh giá hàng năm:

– Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

– Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát.

b) Khen thưởng:

– Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định việc trích quỹ khen thưởng đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành và Ban Kiểm soát.

– Căn cứ vào kết quả đánh giá hàng năm, Hội đồng Quản trị quyết định việc chi thưởng đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

c) Kỷ luật:

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Lao động, Hội đồng Quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Lao động, Ban Kiểm soát xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với Kiểm soát viên nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Lao động, Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, người điều hành nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, kéo dài thời hạn nâng bậc lương, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành bao gồm 7 điều, được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị****DỰ THẢO**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ theo yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành công ty cũng như các thay đổi của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Để thực hiện đúng theo Quy chế mẫu của Thông tư số 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 07 chương và 23 điều. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện việc ban hành Quy chế theo đúng quy định.

(Dự thảo quy chế đính kèm)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

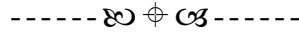
- Như trên;
- Lưu HS ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO



SONADEZI
LONG THANH
MEMBER OF SONADEZI

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Trụ sở: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3514494 – Fax: 0251.3514499

Đồng Nai, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày tháng năm 2021.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-SZL-HĐQT ngày / ... /2021
của Hội đồng quản trị Công ty CP Sonadezi Long Thành)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Sonadezi Long Thành;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-SZL-HĐQT ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành bao gồm các nội dung sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo và quyết định theo đa số.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Mọi thành viên của Hội đồng quản trị không được nhân danh Hội đồng quản trị can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Tổng giám đốc

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có bảy (07) thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ công ty

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật pháp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ:

a. Có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

c. Chấp thuận việc thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước sử dụng nguồn kinh phí của công ty.

d. Thực hiện các báo cáo liên quan đến công tác quản trị khác theo quy định của pháp luật.

4. Để thuận lợi trong việc quản lý và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các công việc đột xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời báo cáo kết quả công việc đã giải quyết tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty

**Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1.e Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật pháp, Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông quy định và những quyền hạn, nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định khung giá bán sản phẩm, dịch vụ;
- b. Quyết định phương án liên doanh, liên kết với đơn vị khác;
- c. Cho ý kiến về các nội dung người đại diện phần vốn của công ty xin ý kiến;
- d. Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của công ty, ngoại trừ các quy chế, quy định sau:
 - Quy chế chi tiêu nội bộ;
 - Quy trình kế toán và lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Nội quy của công ty, Thỏa ước lao động tập thể của công ty;
 - Quy định về công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty;
 - Quy định về công tác đào tạo, huấn luyện tại công ty;
 - Quy chế thực hiện dân chủ tại nơi làm việc;
 - Quy chế đối thoại tại nơi làm việc;
 - Quy chế tổ chức Hội nghị người lao động;
 - Quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin và bảo mật hồ sơ tài liệu của công ty;
 - Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và tiêu đề văn bản của công ty;
 - Các quy chế mà HĐQT đã ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt, ban hành.
- e. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT trực tiếp phê duyệt triển khai các hồ sơ theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng và đấu thầu đối với các dự án theo kế hoạch xây dựng cơ bản, các nội dung liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện công việc được phân công, trường hợp đặc biệt phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch Hội đồng quản trị để xem xét giải quyết.

4. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp.

Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 04 năm 2021./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-SZL-BKS

Long Thành, ngày 15 tháng 03 năm 2021

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ IV (2016 – 2020) tại Công ty CP Sonadezi Long Thành

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội ban hành.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ IV (2016 - 2020) tại Công ty CP Sonadezi Long Thành (Công ty) với các nội dung cụ thể như sau:

A. BÁO CÁO KIỂM TRA, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Thẩm định báo tài chính:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam thực hiện, Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất các vấn đề sau:

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Đánh giá công tác kế toán:

- Chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và kịp thời.

- Công tác hạch toán rõ ràng, sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.

- Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Qua quá trình giám sát các hoạt động tại Công ty năm 2020, Ban kiểm soát có các đánh giá sau:

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD:

a. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	TH năm 2020	TH/ KH 2020
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	409,200	405,081	99%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	108,850	124,287	114%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	87,080	102,031	117%
4	Chi phí xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	435,998	131,199	30%
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	%	25	-	-

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty Sonadezi Long Thành đã đối mặt với những khó khăn như khách hàng thuê xưởng thanh lý hợp đồng trước hạn, khách hàng chậm thanh toán,... Mặc dù vậy, với vai trò là chủ đầu tư quản lý hạ tầng KCN Long Thành, Công ty đã thực hiện hỗ trợ giảm giá 30% tiền thuê nhà xưởng cho 03 tháng năm 2020 nhằm chia sẻ một phần khó khăn với các khách hàng. Chính vì vậy, doanh thu cho thuê nhà xưởng cũng giảm một phần tương ứng. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới giảm mạnh nên doanh thu mảng kinh doanh xăng dầu cũng giảm. Do đó, chỉ tiêu Doanh thu chỉ đạt được 99% so với kế hoạch.

b. Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:

Đvt: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	TH/ cùng kỳ (%)
1	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	359,31	371,05	96,84%
2	Giá vốn hàng bán	235,65	251,94	93,53%
3	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123,66	119,11	103,82%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	44,98	47,06	95,59%
5	Chi phí tài chính	0,15	0,00	
6	Chi phí bán hàng	3,70	4,69	78,82%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40,88	39,35	103,91%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	123,92	122,13	101,46%
9	Lợi nhuận khác	0,37	4,89	7,59%
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	124,29	127,02	97,85%
11	Lợi nhuận sau thuế TNDN	102,03	102,95	99,11%

Số liệu bảng kết quả hoạt động SXKD năm 2020 so với cùng kỳ cho thấy:

- Chỉ tiêu Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 3,16%, trong khi đó, chỉ tiêu Giá vốn hàng bán giảm 6,47% so với cùng kỳ năm trước. Chính vì vậy, chỉ tiêu Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính chỉ đạt 95,59% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 99,11% so với cùng kỳ năm trước.

Chi tiết kết quả kinh doanh của từng hoạt động như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ Lãi gộp/Doanh thu
1	Hoạt động kinh doanh cho thuê đất KCN Long Thành	68,26	43,33	24,93	36,52%
2	Hoạt động kinh doanh cho thuê nhà xưởng	121,04	35,15	85,90	70,96%
3	Hoạt động kinh doanh cho thuê nhà	4,89	4,85	0,04	0,85%
4	Hoạt động kinh doanh nhà, đất nền	3,28	2,61	0,67	20,37%
5	Hoạt động kinh doanh nước cấp	71,40	64,02	7,38	10,33%
6	Hoạt động kinh doanh xử lý nước thải	51,37	43,87	7,50	14,61%
7	Hoạt động kinh doanh cửa hàng xăng dầu	30,81	29,95	0,86	2,78%
8	Hoạt động kinh doanh Dự án KCN Châu Đức	8,05	11,40	(3,35)	(41,62%)
9	Hoạt động khác	0,21	0,47	(0,26)	(125,73%)
	Tổng cộng	359,31	235,65	123,66	34,42%

Trong năm 2020, hầu hết các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều mang lại lợi nhuận, hoạt động kinh doanh cho thuê đất KCN Long Thành, cho thuê nhà xưởng mang lại tỷ lệ lãi gộp/doanh thu cao.

Đối với hoạt động kinh doanh nhà xưởng tại KCN Châu Đức: trong năm 2020, Công ty đã cho thuê 03 nhà xưởng, mang lại doanh thu 8,05 tỷ đồng. Do khoảng doanh thu này chưa bù đắp đủ chi phí trong năm nên hoạt động kinh doanh nhà xưởng tại KCN Châu Đức chưa mang lại lợi nhuận.

c. Tình hình đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản:

- Tình hình đầu tư tài chính:

Đến thời điểm 31/12/2020, tổng giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty vào các doanh nghiệp khác như sau:

Tên đơn vị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp	% Cổ tức đã nhận trong năm 2020	Cổ tức đã nhận trong năm 2020
Công ty CP Sonadezi An Bình	700.000	22%	24.500.000.000	20%	1.400.000.000
Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	250.000	5%	2.500.000.000	15%	375.000.000
Công ty CP Sonadezi Long Bình	2.521.456	8%	63.036.400.000	25%	6.303.640.000
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	10.080.000	10%	100.800.000.000	Cổ tức năm 2019 của SZC (10%) đã nhận vào đầu năm 2021	
Công ty CP Sonadezi Bình Thuận	8.000.000	20%	80.000.000.000	Đầu tư trong năm 2020	
Tổng cộng			270,836,400,000		8.078.640.000

Về hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính vào các công ty thành viên: Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 tại các công ty thành viên, Ban Kiểm soát đánh giá các khoản đầu tư vốn của Công ty đều đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. (Tỷ suất lợi nhuận đầu tư tài chính đạt 17,80% so với tổng lợi nhuận của năm)

- Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản

Kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2020 của Công ty đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 14/04/2020 là 435.998 triệu đồng. Trong đó: giá trị XDCCB là 221.998 triệu đồng, chi phí bồi thường là 214.000 triệu đồng. Giá trị XDCCB Công ty đã thực hiện tính đến ngày 31/12/2020 là 131.199 triệu đồng, về chi phí bồi thường do vướng công tác giải phóng mặt bằng nên chưa thực hiện chi trả bồi thường trong năm 2020. Chi tiết giá trị XDCCB như sau:

- Khu công nghiệp Long Thành: 54.404 triệu đồng
- Nhà xưởng KCN Long Thành: 45.070 triệu đồng
- Khu dân cư Tam An: 15.164 triệu đồng
- Cụm xưởng cho thuê KCN Châu Đức: 15.599 triệu đồng
- Khu nhà ở Sonadezi Long Thành: 97 triệu đồng
- Cụm công nghiệp Long Phước: 865 triệu đồng

- Tình hình đầu tư, mua sắm tài sản cố định

Trong năm 2020, tình hình ghi nhận tài sản cố định và bất động sản đầu tư cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Giá trị tăng	Giá trị giảm	Ghi chú
1	Tài sản cố định	9.487.545.825	32.037.644	
1.1	KCN Long Thành	7.346.425.730	32.037.644	
1.2	Văn phòng công ty	2.141.120.095		
1.3	CH xăng dầu KCNLT			
2	Bất động sản đầu tư	64.114.136.259		
2.1	Nhà xưởng cho thuê KCN Long Thành	44.080.519.794		
2.2	Nhà xưởng cho thuê KCN Châu Đức	19.995.291.640		
2.3	Nhà chung cư C2A	38.324.825		

d. Về tình hình công nợ, các khoản nợ phải thu, phải trả:

Stt	Đối tượng nợ	Tại ngày 01/01/2020		Tại ngày 31/12/2020	
		Nợ phải thu quá hạn	Trích lập dự phòng	Nợ phải thu quá hạn	Trích lập dự phòng
1	Công nợ hoạt động kinh doanh hạ tầng KCN Long Thành	739.612.109	739.612.109	6.766,094.784	6.766,094.784
2	Công nợ hoạt động kinh doanh bất động sản dân dụng	677.500.000	677.500.000	677.500.000	677.500.000
	Cộng	1.417.112.109	1.417.112.109	7.443.594.784	3.630.776.507

- Trong năm 2020, Ban Điều hành đã chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng, xử lý các khoản khách hàng nợ dầy dụa và thực hiện các chế tài khi cần thiết.

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả là những khoản công nợ luân chuyển.

- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trị giá 7.443.594.784 đồng, Công ty đã trích dự phòng theo tỷ lệ quy định là 3.630.776.507 đồng.

e. Tình hình thanh kiểm tra của Cơ quan Nhà nước

Trong năm 2020, Công ty đã tiếp đón các đoàn thanh kiểm tra của Cơ quan Nhà nước:

- Cục Quản lý thị trường Đồng Nai kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại Cửa hàng xăng dầu Sonadezi Long Thành.

- Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai kiểm tra hệ thống trụ nước, nguồn nước chữa cháy tại KCN Long Thành.

- Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Long Thành kiểm tra công tác an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại Cửa hàng xăng dầu Sonadezi Long Thành.

- Thanh tra Bộ Tài chính thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế tại Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp.

Công ty không bị xử phạt vi phạm hành chính trong năm 2020.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY THỜI ĐIỂM 31/12/2020:

a. Cơ cấu tổng tài sản, nguồn vốn đến ngày 31/12/2020:

Đvt: đồng

	Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
A	<u>TÀI SẢN NGẮN HẠN</u>	<u>573.092.036.254</u>	<u>656.106.111.184</u>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	300.476.954.473	287.727.804.571
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	111.300.000.000	211.100.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	74.483.842.225	73.861.726.496
IV	Hàng tồn kho	81.420.099.770	74.169.579.767
V	Tài sản ngắn hạn khác	5.411.139.786	9.247.000.350
B	<u>TÀI SẢN DÀI HẠN</u>	<u>1.079.959.357.311</u>	<u>980.934.156.165</u>
I	Các khoản phải thu dài hạn	3.680.592.539	-
II	Tài sản cố định	131.064.111.610	144.083.608.253
III	Bất động sản đầu tư	405.634.259.717	377.327.126.733
IV	Tài sản dở dang dài hạn	52.399.816.513	48.030.574.101
V	Đầu tư tài chính dài hạn	270.836.400.000	190.836.400.000
VI	Tài sản dài hạn khác	216.344.176.932	220.656.447.078
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	<u>1.653.051.393.565</u>	<u>1.637.040.267.349</u>
A	<u>NỢ PHẢI TRẢ</u>	<u>1.099.986.720.944</u>	<u>930.177.129.129</u>
I	Nợ ngắn hạn	114.605.585.401	127.685.919.638
II	Nợ dài hạn	985.381.135.543	802.491.209.491
B	<u>VỐN CHỦ SỞ HỮU</u>	<u>553.064.672.621</u>	<u>706.863.138.220</u>
I	Vốn chủ sở hữu	<u>553.064.672.621</u>	<u>706.863.138.220</u>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	4.000.619.235	4.000.619.235
3	Cổ phiếu quỹ	(22.812.874.949)	(22.812.874.949)
4	Quỹ đầu tư phát triển	134.930.985.396	134.930.985.396
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	236.945.942.939	236.945.942.939
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>1.653.051.393.565</u>	<u>1.637.040.267.349</u>

b. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	34,67	40,08
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	65,33	59,92
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	66,54	56,82
	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	33,46	43,18
	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	lần	1,94	1,28
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	5,00	5,14
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,59	3,91
4	Tỷ suất sinh lợi			
	Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản	%	6,17	6,29
	Tỷ suất LNST/ Vốn CSH bình quân	%	30,47	32,00
	Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	%	28,40	27,75

Chỉ số thanh toán có tính thanh khoản cao cho thấy doanh nghiệp có thể đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 1,94 lần (đã trừ quỹ khen thưởng), nợ phải trả vượt trên vốn chủ sở hữu, tuy nhiên chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả là Doanh thu chưa thực hiện chiếm 68%. Nếu loại trừ chỉ tiêu doanh thu chưa thực hiện thì Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu = 0,59.

c. Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2020.

3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**a. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Quỹ đầu	Cổ đông	3600471493	211,213 QL	25/03/2020	Nghị Quyết	Gửi tiền có kỳ	50 tỷ

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
	tư phát triển tỉnh Đồng Nai.	nội bộ Người có liên quan của TV.HĐQT	, ngày 05/09/2000, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai	15, P.Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai		số 71/NQ-SZL-HĐQT	hạn	
2	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.	Cổ đông nội bộ Người có liên quan của TV.HĐQT	3600471493, ngày 05/09/2000, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai	211,213 QL 15, P.Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai	25/03/2020	Nghị Quyết số 71/NQ-SZL-HĐQT	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2,524 tỷ
3	Công ty CP Sonadezi An Bình	Người có liên quan của TV.HĐQT	3600449307, ngày 12/01/2000, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 113 – 116 Lô C đường 9, KĐC An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai			Bán hàng (cho thuê mặt bằng, đất thô, Phí quản lý; bán xăng dầu, nước, nước thải,..) Mua hàng (Thi công xây dựng)	3,26 tỷ 11,7 tỷ
4	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	Người có liên quan của TV.HĐQT	3600899948, ngày 26/06/2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1			Mua hàng hóa, dịch vụ (thuê mặt bằng, phí sử dụng nước...)	5,12 tỷ
5	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	Người có liên quan của TV.HĐQT	3600890938, ngày 15/05/2007, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1			Bán hàng (xăng, dầu; sử dụng nước..) Mua hàng hóa, dịch vụ	0,31 tỷ 47,496 tỷ
6	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi	Người có liên quan của TV.HĐQT	3601635899, ngày 29/04/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 22B, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2			Mua hàng hóa, dịch vụ	0,973 tỷ

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
7	Công ty CP cấp nước Đồng Nai	Công ty con thuộc Tổng Công ty CP Phát triển KCN	3600259296, ngày 07/04/2004, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 48, CMT8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai			Mua hàng hóa dịch vụ	67,40 tỷ
8	Công ty CP Môi trường Sonadezi	Công ty con thuộc Tổng Công ty CP Phát triển KCN	3600274914, ngày 16/10/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai			Mua hàng hóa dịch vụ (vận chuyển & xử lý rác)	0,067 tỷ
9	Công ty CP Xây dựng Đồng Nai	Công ty liên kết thuộc Tổng Công ty CP Phát triển KCN	3600510590, ngày 25/09/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 9, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai			Bán hàng (sử dụng nước..) Mua hàng (Thi công xây dựng)	19,896 tỷ

b. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

c. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

- Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Stt	Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Nội dung giao dịch	Số tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	Bà Nguyễn Thị Thu Vân là TV.HĐQT (đại diện vốn góp từ Quỹ Đầu tư).	Hợp đồng tiền gửi: 1. Hợp đồng số 03/2020/HĐTĐ ngày 10/08/2020 2. Hợp đồng số 01/2020/HĐTĐ ngày 08/06/2020	30 tỷ đồng 20 tỷ đồng

Stt	Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Nội dung giao dịch	Số tiền
2	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Bà Huỳnh Hoàng Oanh là TV. HĐQT	- Hợp đồng thi công gói thầu Nhà xưởng số 51 KCNLT	11,699 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Ông Nguyễn Văn Tuấn – TGD Sonadezi Châu Đức	- Hợp đồng tư vấn giám sát các nhà xưởng: Nhà xưởng số 4&5 – KCN Châu Đức	668 triệu đồng
4	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	Ông Phạm Anh Tuấn – TV. HĐQT Ông Đinh Ngọc Thuận – TV. HĐQT	- Hợp đồng nguyên tắc về vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải. - Hợp đồng thuê đơn vị thực hiện lấy mẫu và thử nghiệm để kiểm soát chất lượng nước thải đầu nổi	7,5 triệu đồng/tháng
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Sonadezi (SSS)	Ông Phạm Anh Tuấn – TV. HĐQT Ông Đinh Ngọc Thuận – TV. HĐQT	- Ký kết Hợp đồng dịch vụ bảo vệ SGD + Cây xăng. - Thuê dịch vụ bảo vệ tại cụm công nghiệp Long Phước 1.	36 triệu đồng/tháng 20,9 triệu đồng /tháng

- Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý: Không có

4. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC THEO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

a. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:

- Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên, trong đó 02 thành viên kiêm nhiệm trong ban điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Ngoài ra, để kịp thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo sản xuất kinh doanh, HĐQT còn thường xuyên thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn

bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

- HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Phối hợp cùng ban điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty.

- HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị được Bộ Tài chính công nhận và thực hiện công tác kiểm toán một cách khách quan, chặt chẽ, khoa học và hiệu quả.

b. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Ban Tổng giám đốc gồm 03 thành viên, trong đó: 01 thành viên đã nghỉ chế độ hưu trí vào 01/11/2020. Tổng giám đốc đã thực hiện phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc hợp lý mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch được giao, thực hiện chức năng và quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

c. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và cổ đông:

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc giúp cho công tác giám sát kịp thời và thuận lợi hơn.

- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban Kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Đối với cổ đông: Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.

- Công ty luôn chấp hành tốt việc công bố thông tin theo quy định.

5. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban Kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty. Ban Kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ, phân công công việc cho từng thành viên BKS, lập kế hoạch hoạt động của BKS.

a. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, trả cổ tức, lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2020,...

- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc; xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

- Thực hiện việc giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT, họp giao ban, xem xét các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng, chủ trương điều hành của Công ty.

- Tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn phục vụ công tác kiểm tra giám sát theo định hướng của Công ty.

- Lập báo cáo định kỳ, báo cáo theo yêu cầu công việc.

b. Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

- Quỹ lương của Trưởng BKS chuyên trách: 609.740.000 đồng

- Thù lao của thành viên BKS: 160.000.000 đồng

6. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

a. Về công tác quản lý tài chính kế toán:

- Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ, kịp thời. Trong năm 2020 tổng số phát sinh phải nộp ngân sách: 27,07 tỷ đồng, đã nộp 28,25 tỷ đồng.

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận năm 2020. Về công tác thu hồi công nợ, Ban Điều hành đã chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng, xử lý các khoản khách hàng nợ dây dưa và thực hiện các chế tài khi cần thiết.

b. Về công tác quản trị dự án đầu tư

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và điều hành kịp thời các hoạt động của các dự án mới như: Cụm CN Long Phước 1, Khu dân cư 3ha, đồng thời phối hợp với các cơ quan ban ngành liên quan sớm hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng... để các dự án được triển khai đúng kế hoạch đáp ứng dịch vụ kịp thời cho lựa chọn nhà đầu tư vào dự án.

Tuy nhiên, trong công tác XD/CB khối lượng phát sinh trong năm không đạt kế hoạch, vẫn còn một số hạng mục công trình chưa thực hiện đúng tiến độ kế hoạch năm 2020 do những nguyên nhân sau:

- Việc xây dựng kế hoạch được thực hiện từ đầu năm 2020. Tuy nhiên, việc triển khai kế hoạch phải phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty xuyên suốt trong năm 2020 đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng thực sự của khách hàng nên tiết giảm một số hạng mục hoặc điều chỉnh tiến độ triển khai một số hạng mục cho phù hợp với thực tế.

- Hiện tại, việc triển khai xây dựng hạ tầng KCN Long Thành, KDC Tam An còn gặp một số khó khăn về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch và một số trường hợp tái lấn chiếm xây dựng trái phép. Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết các vấn đề tồn đọng về giải phóng mặt bằng nhằm triển khai hoàn thiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

- Các dự án mới của Công ty như:

+ Dự án KDC 3 ha An Phước đã hoàn tất công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Công ty đang lập thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất và xin giao đất của dự án. Dự kiến trong năm 2021 sẽ hoàn thành công tác thẩm định nhu cầu sử dụng đất và được Nhà nước giao đất để triển khai xây dựng dự án.

+ Dự án CCN Long Phước 1 đang trong giai đoạn triển khai thực hiện cũng gặp một số khó khăn về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Công ty đang phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, triển khai thi công hạ tầng trong năm 2021.

c. Về công tác quản trị công ty

Căn cứ vào các quy định và quy chế của Tổng công ty Sonadezi, HĐQT và Ban điều hành Công ty Sonadezi Long Thành đã ban hành các quy chế, quy định, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của các phòng ban, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, xử lý văn bản. Ban Kiểm soát có ý kiến với Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ để áp dụng tại Công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành công ty.

7. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ của Công ty, căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty, Ban Kiểm soát xác định trọng tâm công tác năm 2021 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành của Công ty.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021

- Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2021 của Công ty.

- Phối hợp với các phòng/ban của Công ty nhằm thu thập thông tin kịp thời, chính xác.

- Lập báo cáo định kỳ, báo cáo theo yêu cầu công việc.

B. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ IV (2016 - 2020)

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ IV (2016 – 2020) đề cử và biểu quyết thành lập gồm 03 thành viên, trong nhiệm kỳ đã thay thế 01 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang Trưởng ban

- Bà Lê Thị Quỳnh Thu Thành viên

- Bà Lưu Thị Thuý Vân Thành viên (miễn nhiệm tháng 04/2019)

- Bà Trịnh Thị Hoa Thành viên (bổ nhiệm tháng 04/2019)

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong nhiệm kỳ IV (2016 – 2020), Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định Điều lệ Công ty. Trên cơ sở kế hoạch hoạt động, Ban kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành của Công ty.
- Kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ.
- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế, quy định của Công ty.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm và trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ IV (2016-2020)

1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ IV (2016-2020)

Căn cứ Báo cáo tài chính các năm của Công ty đã được kiểm toán. Ban kiểm soát báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản trong nhiệm kỳ IV (2016 - 2020) như sau:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu và thu nhập khác	332,55	366,01	417,41	424,42	405,08
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	121,31	105,63	129,37	127,02	124,29
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	102,90	89,04	109,07	102,95	102,03
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn	36,08%	30,33%	35,96%	32,00%	30,47%
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	25%	25%	30%	30%

Qua số liệu trên cho thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả qua các năm. Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, tỷ lệ chia cổ tức ở mức cao.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty Sonadezi Long Thành đã đối mặt với những khó khăn như khách hàng thuê xưởng thanh lý hợp đồng trước hạn, khách hàng chậm thanh toán,... Mặc dù vậy, với vai trò là chủ đầu tư quản lý hạ tầng KCN Long Thành, Công ty đã thực hiện hỗ trợ giảm giá 30% tiền thuê nhà xưởng cho 03 tháng năm 2020 nhằm chia sẻ một phần khó khăn với các khách hàng.

2. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp tất cả các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

- Ban Kiểm soát đã nhận được đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, các báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, số liệu và hồ sơ giúp Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công tác kiểm tra, giám sát.

III. NHẬN XÉT

Thông qua hoạt động kiểm soát nhiệm kỳ IV (2016-2020) cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đã đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng nghị quyết của ĐHĐCĐ, đạt hiệu quả kinh doanh. Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đã lãnh đạo toàn thể Người lao động trong Công ty nỗ lực không ngừng, mang lại giá trị gia tăng cho Công ty.

Kiến nghị: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và những thay đổi trong mục tiêu kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành Công ty; Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để đảm bảo hoạt động kiểm soát rủi ro được thực hiện tốt trong toàn hệ thống Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ IV (2016 – 2020) tại Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Ngọc Trang

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH**Về việc chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021****DỰ THẢO**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành,

Ban Kiểm soát Công ty xin đề xuất danh sách 03 Công ty kiểm toán độc lập được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2021 như sau:

TT	Tên Công ty kiểm toán	Tên viết tắt	GCNĐKKD, GCNĐT	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C	A&C	Số 4102047448 Ngày 9/12/2003	02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
2	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	RSM	Số 0302361789 Ngày 27/6/2016	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam	AASCS	Số 035011729 Ngày 27/7/2014	29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành theo đúng quy định của Nhà nước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ĐHĐCĐ.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Ngọc Trang

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Để thực hiện đúng theo các thay đổi của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và Quy chế mẫu của Thông tư số 116/2020/TT –BTC ngày 31/12/2020, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm 07 chương và 23 điều. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát sẽ thực hiện việc ban hành Quy chế theo đúng quy định.

(Dự thảo quy chế đính kèm)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

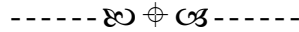
- Như trên;
- Lưu HS.ĐHĐCĐ.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Ngọc Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO



SONADEZI
LONG THANH
MEMBER OF SONADEZI

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH**

Trụ sở: KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3514494 – Fax: 0251.3514499

Đồng Nai, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày tháng năm 2021.

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Sonadezi Long Thành
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SZL-BKS ngày / /2021
của Ban Kiểm soát Công ty CP Sonadezi Long Thành)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ dự thảo của Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-SZL-HĐQT ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và (Điều lệ công ty).

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6: Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7: Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc (một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty) có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. (Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác), việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết

định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. (Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác), việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý,

điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13: Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14: Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15: Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16: Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17: Tiền lương và quyền lợi khác

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác), thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18: Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19: Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20: Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21: Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22: Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

2. Trường hợp có những quy định mới của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán) khác với nội dung trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 23: Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành bao gồm (07 chương), (23 điều) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng....năm 2021

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Ngọc Trang

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về mức thù lao/lương năm 2020 và mức thù lao/lương năm 2021 của
thành viên HĐQT/BKS Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành kính trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua mức thù lao năm 2020 và mức thù lao/lương năm 2021 của thành viên HĐQT/BKS Công ty như sau:

I. Lương/thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020:

- Lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : 27.500.000 đồng/tháng
- Thù lao của TV. HĐQT (07 người) : 8.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của TV.BKS, Thư ký Công ty (03 người): 4.000.000 đồng/người/tháng

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được điều chỉnh theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH là 1.411.000.000 đồng.

Tổng Quỹ lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được thực hiện theo Quyết toán lương của năm là 732.310.000 đồng.

II. Thù lao/lương của thành viên HĐQT, BKS năm 2021:

- Thù lao của Thành viên HĐQT (07 người) : 8.000.000 đồng/người/tháng.
- Tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 27.500.000 đồng/tháng.
- Thù lao của Thành viên BKS, Thư ký Công ty (03 người): 4.000.000 đồng/người/tháng.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Quỹ lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, Thù lao thực hiện của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát sẽ được thực hiện căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN
SONADEZI LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-SZL-HĐQT

Long Thành, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

BÁO CÁO TỔNG KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỶ IV (2016 – 2020) VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỶ V (2021-2026).

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NHIỆM KỶ IV (2016 – 2020)

1. Nhân sự Hội đồng quản trị :

Nhân sự của HĐQT Công ty nhiệm kỳ IV (2016-2020) bao gồm 7 thành viên, số lượng thành viên HĐQT vẫn được duy trì ổn định trong suốt nhiệm kỳ vừa qua. Trong đó, chức danh Chủ tịch HĐQT được sự tín nhiệm của Hội đồng quản trị bầu ra. Từ ngày 26/4/2016 đến nay, Ông Nguyễn Văn Tuấn là Chủ tịch HĐQT công ty. Bên cạnh đó, công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập (Ông Lê Tiến Bộ và Ông Vũ Tiến Hùng) và 01 thành viên HĐQT chuyên trách (Ông Phạm Anh Tuấn - TGĐ).

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2016-2020).

Trong suốt nhiệm kỳ 2016-2020, hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp, tình hình dịch bệnh Covid-19 lan rộng và diễn biến nguy hiểm phức tạp trên khắp toàn cầu. Tuy nhiên, HĐQT Công ty đã có sự nỗ lực phấn đấu, đóng góp tích cực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phát huy những thế mạnh liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty từ đó giúp hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến lược đã được đề ra. Các chỉ tiêu trọng yếu của Công ty luôn hoàn thành đạt hoặc vượt mức hàng năm theo kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã thông qua bao gồm chỉ tiêu doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận trước/sau thuế, tỷ lệ Cổ tức chi trả cho cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phần.

Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phù hợp với quy định của pháp luật, luật doanh nghiệp, chế độ kế toán, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành khác.

Thực hiện chế độ chi tiêu minh bạch phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của Nhà nước.

Thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua.

Xây dựng bộ máy phù hợp với nhu cầu và lĩnh vực hoạt động của Công ty hiện tại và có chuẩn bị nguồn lực cho phát triển.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỶ IV (2016-2020).

1. Chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xét duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, chuẩn bị và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua.

Trong nhiệm kỳ IV vừa qua, trước nhiều ảnh hưởng biến động khó khăn của nền kinh tế cộng thêm tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, với sự nỗ lực của các thành viên HĐQT, Công ty vẫn duy trì ổn định và sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Các chỉ tiêu tài chính sau đây cho thấy Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu từng năm vẫn có sự tăng trưởng. Chỉ tiêu doanh thu tăng trưởng ổn định qua các năm. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm do không còn khoản lợi nhuận từ bán nhà xưởng đang cho thuê; năm 2019 giảm do Công ty hết thời gian được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tỷ lệ chi trả cổ tức luôn duy trì ổn định đảm bảo chi trả cho các cổ đông. Các chỉ tiêu chi tiết về hoạt động kinh doanh trong nhiệm kỳ IV như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
		Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	200	200	200	200	200
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.508	1.516	1.599	1.637	1.653
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	520	528	579	707	553
Doanh thu	Tỷ đồng	333	366	417	424	405
Tổng chi phí	Tỷ đồng	211	260	288	297	284
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	121	106	129	127	124
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	103	89	109	103	102
Lợi nhuận trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	4.662	4.191	4.898	4.879	4.487
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	36,08%	30,33%	35,96%	32%	30,47%
Cổ tức	%	25%	25%	25%	30%	30%
Tỷ lệ tăng trưởng Doanh thu	%	50,47%	10%	14%	2%	-5%
Tỷ lệ tăng trưởng LN sau thuế	%	124%	-14%	22%	-6%	-1%

2. Chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác xây dựng cơ bản đối với các dự án của công ty và đạt được kết quả sau:

- Đối với KCN Long Thành: Đền bù giải tỏa đạt 99,6%, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đạt 95%.

- KDC Tam An I: Đền bù giải tỏa đạt 91%, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đạt 75%.

Đánh giá:

Công tác xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Long Thành được triển khai theo đúng kế hoạch xây dựng cơ bản hàng năm và đáp ứng được kế hoạch kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang triển khai xây dựng hoàn thiện dự án Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 4 để phục vụ nhu cầu thuê xưởng của khách hàng. Dự kiến trong năm 2021 sẽ xây dựng hoàn chỉnh dự án này. Bên cạnh đó, được sự hỗ trợ của các cơ

quan ban ngành hữu quan, Công ty đã từng bước xây dựng hoàn thiện hạ tầng dự án KCN Long Thành và dự án Khu dân cư Tam An 1.

Nhận định cơ hội kinh doanh mảng nhà xưởng cho thuê trong thời gian tới sẽ gặp khó khăn do thị trường đã phát triển thêm nhiều đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên với kinh nghiệm quản trị cùng với nguồn quỹ đất hiện hữu có nhiều ưu thế, Công ty tiếp tục phát triển thêm sản phẩm nhà xưởng cho thuê trong thời gian tới, cụ thể sẽ đầu tư xây dựng Cụm xưởng cho thuê Giai đoạn 5 – KCN Long Thành với quy mô 08 nhà xưởng kích thước 30x80m, tổng mức đầu tư 131 tỷ đồng; Cụm nhà xưởng cho thuê giai đoạn 2 - KCN Châu Đức với quy mô 5 nhà xưởng, tổng mức đầu tư 79 tỷ đồng. Dự kiến khởi công trong năm 2021.

Bên cạnh đó, với mục đích gia tăng quỹ đất công nghiệp cho thuê, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, tạo thêm sản phẩm phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty trong tương lai, Công ty đã tiếp tục thuê thêm khoảng 20 ha đất tại KCN Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu với kế hoạch triển khai xây dựng nhà xưởng cho thuê.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, bên cạnh những thuận lợi công ty vẫn còn gặp một số khó khăn như sau:

- Tình hình giá cả vật tư thị trường liên tục biến động gây trở ngại cho công tác đấu thầu và thi công công trình, dẫn đến tiến độ triển khai thi công một số công trình bị kéo dài so với kế hoạch đã đề ra.

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn gặp một số trở ngại do một số hộ dân không chấp thuận chính sách đền bù, chưa bàn giao mặt bằng, đồng thời việc tranh chấp đất đai của một số hộ dân nằm giáp ranh của KCN và Khu dân cư cũng gây ảnh hưởng đến quá trình xây dựng hoàn thiện dự án cũng như tình hình an ninh trật tự.

- Khi lập dự án đầu tư cần phải chứng minh được nguồn vốn khả dụng phải đáp ứng được quy định định về tỷ lệ vốn đối ứng của doanh nghiệp, việc triển khai đồng thời nhiều dự án như hiện nay khiến Công ty sẽ gặp khó khăn khi chứng minh năng lực tài chính.

3. Công tác phát triển, triển khai các dự án:

a. Dự án xây dựng trạm kinh doanh xăng, dầu:

Công ty đã hoàn tất xây dựng Giai đoạn 1 bao gồm khu vực trụ bơm xăng dầu (6 trụ bơm), nhà bán hàng và thành lập chi nhánh kinh doanh xăng dầu trong KCN.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, dự án đã và đang đi vào hoạt động ổn định, là dịch vụ hỗ trợ đi kèm trong KCN Long Thành, bên cạnh đó, dự án cũng góp phần nhỏ vào doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.

b. Dự án Khu đô thị Sona Riverview

Dự án Khu đô thị Sona Riverview là dự án công ty đang triển khai thực hiện tại xã Tam An, huyện Long Thành với quy mô 195ha, nhằm mục tiêu xây dựng và hình

thành một khu dân cư dọc sông Đồng Nai hiện đại, với hạ tầng hoàn chỉnh, phù hợp với định hướng phát triển của huyện Long Thành.

Theo Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu phức hợp công nghiệp, đô thị - dịch vụ Long Thành tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2035, ngày 02/3/2020, liên doanh gồm 03 nhà đầu tư: Tổng công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp, Công ty CP Sonadezi Long Thành và Công ty CP Sonadezi Long Bình đã lập hồ sơ gửi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai về việc xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Sona Riverview. Khu đô thị Sona Riverview có diện tích khoảng 95,5 ha, liên doanh dự kiến đầu tư xây dựng khu nhà ở có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ để kinh doanh.

Sau khi tiếp nhận và xem xét hồ sơ, ngày 06/07/2020, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai có văn bản số 2393/SKHĐT-KTĐN gửi nhà đầu tư thông báo kết quả xử lý hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Sona Riverview, theo đó, hồ sơ thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư nên chưa có cơ sở xem xét, xử lý.

Đến tháng 9 năm 2020, Công ty CP Sonadezi Long Thành tiếp tục lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Sona Riverview với quy mô điều chỉnh còn lại khoảng 79,08 ha, sơ bộ tổng mức đầu tư 3.300 tỷ đồng.

c. Dự án Khu dân cư 03ha.

** Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và xin giao đất:*

Dự án Khu dân cư 3 ha được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương cho đổi đất giữa Sonadezi Long Thành và Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

Ngày 14/11/2017, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 4085/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư tại xã An Phước, huyện Long Thành do Sonadezi Long Thành làm chủ đầu tư và Quyết định số 4084/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Khu dân cư 03 ha tại xã An Phước, huyện Long Thành với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 96.115.000 đồng/29.953,9 m².

Ngày 30/11/2020, UBND huyện Long Thành đã có Công văn số 12207/UBND-KT xác nhận hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư 03 ha.

Hiện nay, Công ty đang lập thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất và xin giao đất của dự án. Dự kiến trong năm 2021 sẽ hoàn thành công tác thẩm định nhu cầu sử dụng đất và được Nhà nước giao đất để triển khai xây dựng dự án.

** Công tác lập quy hoạch dự án:*

Ngày 06/01/2017, UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 145/UBND-CNN về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khu nhà ở Sonadezi Long Thành tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Công ty đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công dự án Khu dân cư.

Ngày 04/7/2019, UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 2094/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng khu dân cư theo quy hoạch tại xã An Phước quy mô 572 người, diện tích 30.000m²” tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

d. Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1

Dự án cụm công nghiệp Long Phước 1 được triển khai thực hiện với diện tích dự án: 750.002 m² (75ha). Trong đó: 13.319,4 m² là đất sông, suối, đường giao thông không thực hiện bồi thường. Diện tích thực hiện công tác thu hồi đất là 736.682,6 m²/73 trường hợp.

** Về công tác lập quy hoạch:*

Ngày 16/10/2019, dự án đã được thẩm định thiết kế cơ sở tại văn bản số 4548/SXD-QLHTĐT của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở hạ tầng kỹ thuật dự án Đầu tư xây dựng công trình Cụm công nghiệp Long Phước 1, xã Long Phước, huyện Long Thành

Ngày 07/01/2021, Dự án đã được điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 68/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai.

Hiện nay, Công ty đang lập thủ tục thực hiện phê duyệt dự án đồng thời hoàn thiện các thủ tục đầu tư khác. Mục tiêu có thể khởi công xây dựng trong năm 2021.

** Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng*

- Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: 72/73 trường hợp với tổng diện tích thu hồi 729.540,6 m², tổng số tiền bồi thường là 224.773.726.454 đồng. Trong đó:

- Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 1: Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của UBND huyện Long Thành với diện tích đất thu hồi là 338.396,8 m² với tổng số tiền 35.908.313.535 đồng.
- Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 2. Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND huyện Long Thành với diện tích đất thu hồi là 90.517,9 m² với tổng số tiền bồi thường là 1.538.960.718 đồng.
- Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 3: Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND huyện Long Thành với diện tích đất thu hồi là 300.625,9 m² với tổng số tiền bồi thường là 187.326.452.201 đồng.

Hiện nay đã có 49 trường hợp đã đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng với diện tích 616.591,7 m²/729.540,6 m², tổng số tiền bồi thường là

166.805.734.492,0 đồng. Còn lại 23 trường hợp chưa đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng với diện tích 112.948,9 m² với tổng số tiền bồi thường là 57.967.991.92 đồng.

- Chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: 01 trường hợp với diện tích thu hồi 17.710,0 m² của Công ty TNHH SX-ĐT Vạn Thịnh Phát: Không thực hiện thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ theo Công văn số 1756/UBND-CNN của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 19/02/2019.

Hiện nay, Công ty đang phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp tục thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho các hộ dân. Đồng thời, Công ty đang lập thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất (đợt 1) với diện tích 38,73 ha.

4. Công tác quản lý môi trường:

Công tác quản lý môi trường của Công ty trong giai đoạn từ 2016 – 2020 đã thực hiện được một số công việc chính, cụ thể như sau:

- Hoàn thành việc xin cấp Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Long Thành” đối với các hạng mục công trình về bảo vệ môi trường đã đầu tư.

- Hoàn thành việc cải tạo Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Long Thành công suất thiết kế 15.000 m³/ngày đêm để nâng chất lượng nước thải sau xử lý từ cột B lên cột A của QCVN 40:2011/BTNMT.

- Vận hành ổn định nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Long Thành theo đúng quy trình, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả vào nguồn tiếp nhận rạch Bà Chèo – sông Đồng Nai.

- Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án điều chỉnh “Xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Long Thành” tại Quyết định số 427/QĐ-BTNMT ngày 17/2/2020 để nâng tổng công suất của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Long Thành từ 20.000 m³/ngày đêm lên 25.000 m³/ngày đêm. Ngày 19/11/2020, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành đã khởi công xây dựng giai đoạn 4 của nhà máy với công suất 10.000 m³/ngày đêm, nâng tổng công suất xử lý của nhà máy XLNTTT KCN lên 25.000 m³/ngày đêm để phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của toàn bộ KCN.

- Thực hiện các phương án phòng ngừa sự cố môi trường đối với nhà máy xử lý nước thải tập trung và toàn KCN. Hoàn thiện, đưa vào sử dụng hồ sự cố có thể tích 5.319,5 m³, được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt phương án hồ sự cố có tổng thể tích 54.380 m³ và không để xảy ra sự cố môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường KCN Long Thành định kỳ theo quy định với tần suất giám sát 02 lần/năm.

- Thực hiện việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của NMXLNTTT của KCN Long Thành cho Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Lập Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo yêu cầu của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và Luật tài nguyên nước.

- Thực hiện việc thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải theo Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã cơ quan chức năng cấp cho Công ty. Chất thải phát sinh đã được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định và lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ gửi đến cơ quan chức năng đúng theo quy định.

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường vận hành Trạm quan trắc tự động tại cửa xả hồ sinh thái của KCN Long Thành trước khi xả vào nguồn nước để quan trắc liên tục các thông số COD, độ màu, pH, DO, TSS và lưu lượng nước thải. Thực hiện truyền dữ liệu quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước có chức năng trong lĩnh vực môi trường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của KCN và các doanh nghiệp trong KCN.

- Thực hiện đầy đủ công tác giám sát môi trường toàn KCN và các dự án khác của Công ty theo quy định. Đồng thời tăng cường tuần tra, kiểm tra việc xả thải của các doanh nghiệp trong KCN, kịp thời phát hiện, xử lý một số trường hợp vi phạm không để ảnh hưởng đến môi trường và khu dân cư xung quanh.

- Tham gia, hưởng ứng và thực hiện tuyên truyền các phong trào, sự kiện liên quan đến bảo vệ môi trường (Ngày môi trường thế giới, Giờ trái đất, Ngày đa dạng sinh học, ...)

5. Công tác nhân sự phát triển nguồn nhân lực:

Hàng năm Công ty đã rà soát, quy hoạch nguồn nhân lực thông qua việc hoạch định và phê duyệt tổ chức bộ máy, nhân sự cán bộ quản lý cấp cao và định hướng quy hoạch cán bộ quản lý các cấp cho giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025 của Công ty.

Các sự thay đổi quan trọng của Cán bộ quản lý cấp cao:

+ *Thay đổi Ban Tổng Giám đốc*

Ngày 01/11/2020, Bà Huỳnh Hoàng Oanh – Phó TGD thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. Lý do: Nghi theo chế độ hưu trí

+ *Định hướng phát triển nguồn nhân lực:*

Công ty định hướng phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua chính sách tuyển dụng và đào tạo cụ thể:

- Tuyển dụng: Trong nhiệm kỳ IV, Công ty đã tuyển dụng 27 CB.CNV nhằm mục đích bổ sung và thay thế nhân sự đã nghỉ việc do điều chuyển công tác, đáp ứng

yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong đó, số lượng nhân sự tháng 01/2016 là 103 CB.CNV và đến tháng 12/2020 là 112 CB.CNV.

- Về chính sách đào tạo: Đào tạo là nội dung luôn được Công ty chú trọng và đẩy mạnh với nhiều hình thức khác nhau, dựa trên nhu cầu đào tạo về chuyên môn của CB.CNV từng bộ phận và nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ quản lý, công ty đã triển khai các chương trình đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao kỹ năng cũng như bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho CB. CNV. Tổng kinh phí đào tạo từ năm 2016 đến 2020 là: **1.641.964.456** đồng.

6. Các hoạt động xã hội, cộng đồng của Công ty trong giai đoạn 2016-2020:

Trong nhiệm kỳ qua, hưởng ứng lời kêu gọi, vận động của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, Công ty đã đóng góp, ủng hộ với tổng số tiền là **9.095.290.540** đồng qua các hoạt động xã hội, từ thiện và đền ơn đáp nghĩa như: ủng hộ xây dựng nhà tình thương, nhà đồng đội, chương trình “vạn tấm lòng vàng”...; Ủng hộ công tác xã hội hóa giáo dục (như chương trình tiếp sức đến trường, hỗ trợ học phí cho sinh viên nghèo, sửa chữa trường học,...); Ủng hộ đồng bào thiên tai, bão lụt, hạn hán; Đóng góp Quỹ "Nạn nhân chất độc màu da cam/Dioxin"; Đóng góp Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa"; Ủng hộ gia đình chính sách (gia đình thương binh, liệt sỹ, thăm bà mẹ VNAH...); Đóng góp quỹ "Vì người nghèo"; Ủng hộ đồng bào nghèo; Ủng hộ Quỹ Doanh nhân; Ủng hộ khác cơ quan, đơn vị, đoàn thể tổ chức Hội nghị, hội thảo, văn nghệ, hội thao... nhân các ngày lễ, kỷ niệm.

Đặc biệt trong năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã đóng góp hỗ trợ chi phí trang bị hệ thống xét nghiệm PCR Real-time phòng chống dịch Covid-19.

7. Tình hình quản trị Công ty

HĐQT nhiệm kỳ IV đã tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản trị Công ty, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành, Điều lệ, và thực tiễn hoạt động kinh doanh, chiến lược đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết về đầu tư, về nhân sự, các quy chế quản trị, tổ chức bộ máy công ty. Các nội dung chủ yếu về công tác quản trị công ty như sau:

Cập nhật và duy trì các quy chế quản trị Công ty:

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty: Đã ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán trong đó quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty, định kỳ 06 tháng và năm Công ty thực hiện báo cáo quản trị cho Sở GDCK TP.HCM, Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Quy định về phân công nhiệm vụ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc: Đã ban hành các quy định về phân công nhiệm vụ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong đó quy định cụ thể về phân cấp quản lý, chế độ giám sát, chế độ làm việc của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

- Ban hành các Quy định về công bố thông tin và ủy quyền công bố thông tin cho các cán bộ quản lý công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ.

Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ và đăng ký doanh nghiệp:

Trong nhiệm kỳ IV, HĐQT đã thực hiện việc sửa đổi bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty theo Điều lệ mẫu đối với các Công ty niêm yết:

- Ngày 26/4/2016, thông qua ĐHĐCĐ việc chỉnh sửa Điều lệ công ty
- Ngày 24/4/2018, thông qua ĐHĐCĐ về việc thay đổi nội dung Điều lệ công ty theo mẫu Điều lệ của Thông tư 95/2017-BTC.
- Ngày 24/4/2019, thông qua ĐHĐCĐ việc chỉnh sửa nội dung Điều lệ công ty
- Ngày 14/4/2020, thông qua ĐHĐCĐ việc chỉnh sửa nội dung Điều lệ công ty, bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh

Về cơ cấu vốn cổ đông tính đến 31/12/2020

	Cổ đông	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ
	<i>Cổ đông pháp nhân (19 tổ chức)</i>	<i>139.701.200.000</i>	<i>76,80%</i>
1.	Trong nước (06 tổ chức)	114.942.500.000	63,19%
2.	Nước ngoài (13 tổ chức)	24.758.700.000	13,61%
	<i>Cổ đông cá nhân (1.361 người)</i>	<i>42.207.800.000</i>	<i>23,20%</i>
	Tổng cộng	181.909.000.000	100%

(Ghi chú: Cổ phiếu quỹ công ty đang nắm giữ là: 1.809.100 CP)

8. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT:

Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng thù lao	Triệu đồng	477	1.050	1.160	1.353	1.411
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	6			7,6	11,6

Trong năm 2020, tổng thu nhập của năm (bao gồm lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác, chi phí cho từng TV.HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý) cụ thể:

- Thù lao Hội đồng Quản trị: (ĐVT: đồng)

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2020	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	159.000.000	
2	Phạm Anh Tuấn	TV.HĐQT	159.000.000	
3	Đình Ngọc Thuận	TV. HĐQT	159.000.000	

4	Lê Tiên Bộ	TV. HĐQT	159.000.000	
5	Vũ Tiến Hùng	TV. HĐQT	159.000.000	
6	Nguyễn Thị Thu Vân	TV. HĐQT	159.000.000	
7	Huỳnh Hoàng Oanh	TV. HĐQT	159.000.000	

- Thù lao/lương Ban Kiểm soát: (ĐVT: đồng)

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2020	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Trưởng BKS	609.740.000	
2	Lê Thị Quỳnh Thu	TV.BKS	80.000.000	
3	Trịnh Thị Hoa	TV.BKS	80.000.000	

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự chủ chốt: (ĐVT: đồng)

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2020	Ghi chú
1	Phạm Anh Tuấn	TV.HĐQT, Tổng Giám đốc	981.637.000	
2	Huỳnh Hoàng Oanh	TV. HĐQT, nguyên Phó TGD	1.011.706.000	
3	Lê Xuân Sâm	Phó TGD	917.417.563	
4	Phạm Trần Hưng Thịnh	Giám đốc Tài chính - KTT	607.440.000	

9. Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các Nghị quyết HĐQT:

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức qua các năm:

- Năm 2016: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 06 buổi họp định kỳ và 06 buổi họp thông qua việc lấy ý kiến HĐQT

- Năm 2017: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 buổi họp định kỳ và 05 buổi họp thông qua việc lấy ý kiến HĐQT

- Năm 2018: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 05 buổi họp định kỳ và 15 buổi họp thông qua việc lấy ý kiến HĐQT

- Năm 2019: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 buổi họp định kỳ và 11 buổi họp thông qua việc lấy ý kiến HĐQT

- Năm 2020: Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 buổi họp định kỳ và 14 buổi họp thông qua việc lấy ý kiến HĐQT

Ngoài các phiên họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản, khi xét thấy cần thiết, HĐQT cũng thường xuyên họp thảo luận, thống nhất một số nội dung cần triển khai thực hiện nhanh trong nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao thông qua điện thoại, họp trực tuyến ...

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT

Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT công ty đã ban hành 41 Nghị quyết liên quan đến triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức, bộ máy, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, ...

10. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện việc giám sát Ban điều hành thông qua việc kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong nhiệm kỳ qua, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, triển khai hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngay cả trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế và xã hội năm 2020 khi dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, nguy hiểm.

11. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập:

Trong nhiệm kỳ IV, Hội đồng quản trị có 02 thành viên HĐQT độc lập bao gồm Ông Lê Tiến Bộ và Ông Vũ Tiến Hùng. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên HĐQT độc lập như sau:

Ông Lê Tiến Bộ – TV HĐQT

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT.
- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT trong công tác xây dựng cơ bản, hạ tầng kỹ thuật của Công ty.

- Tham mưu, theo dõi công tác phát triển Dự án của Công ty.

Ông Vũ Tiến Hùng – TV HĐQT

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT.
- Tham mưu công tác tổ chức, chế độ lương, thưởng, nhân sự quản lý của Công ty.

- Tham mưu về công tác xây dựng, phát triển thương hiệu và các giải pháp phát triển thị trường của Công ty.

Trong các kỳ họp HĐQT qua các năm, các thành viên HĐQT đều thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ cụ thể đã được phân công, tham gia trực tiếp các phiên họp Hội đồng quản trị và đưa ra các nhận xét, ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược hoạt động và phát triển của công ty cũng như chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp.

Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, quản trị nên đã đóng góp vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty trong suốt nhiệm kỳ vừa qua.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ V (2021-2026)

HĐQT định hướng hoạt động trong nhiệm kỳ V (2021-2026) như sau:

1. Định hướng hoạt động cho giai đoạn 2021-2026.

- Tiếp tục liên tục cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý Công ty, hoàn thiện các quy chế quản trị Công ty, bảo đảm năng lực và hiệu quả quản lý phù hợp với Điều lệ, luật định và thực tiễn hoạt động của công ty.

- Tập trung quản trị chiến lược phát triển công ty, soát xét lại hiệu quả của vốn đầu tư, hợp tác toàn diện với các đối tác chiến lược, các Công ty liên kết.

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo giám sát và đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý/hàng năm của Công ty, bảo đảm chất lượng tăng trưởng theo mục tiêu đã đề ra.

- Đẩy mạnh khai thác, phát triển, tối ưu hóa các sản phẩm, dịch vụ ngoài các sản phẩm hiện hữu, tận dụng triệt để các nguồn lực vốn có tại công ty. Lựa chọn khách hàng mục tiêu để đưa ra các chính sách tiếp thị, thu hút đầu tư cũng như chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng cho các dự án đang triển khai của công ty.

- Xây dựng và kiện toàn công tác quan hệ cổ đông. Thực hiện công bố thông tin kịp thời, minh bạch, công khai về tình hình quản trị công ty cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm lợi ích cao nhất cho cổ đông.

- Tăng cường công tác nghiên cứu và phê duyệt triển khai các dự án bất động sản và dịch vụ phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

- Đẩy mạnh chính sách đào tạo và tuyển dụng phù hợp để xây dựng đội ngũ lao động có chất lượng cao phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Duy trì các chế độ chính sách phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý kế thừa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển thương hiệu của Công ty.

- Chú trọng phát triển kinh doanh bền vững đi đôi với chính sách thân thiện với môi trường, trách nhiệm xã hội, cộng đồng và bình đẳng giới.

2. Các dự án đầu tư trong giai đoạn 2021-2026

Công tác xây dựng hạ tầng: Trong nhiệm kỳ tới, HĐQT sẽ tiếp tục triển khai thi công xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN và KDC, duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng hiện hữu KCN và KDC, tăng cường công tác bảo vệ môi trường và nghiên cứu phát triển dự án mới,

Các dự án trong giai đoạn triển khai: Công ty tiếp tục tập trung triển khai cho những dự án sau:

❖ Các dự án đang trong giai đoạn thực hiện:

- Dự án Khu Công Nghiệp Long Thành.

- Dự án Cụm xưởng cho thuê Giai đoạn 4 - KCN Long Thành (hoàn thành 20/24 xưởng)

- Dự án Cụm xưởng cho thuê Giai đoạn 5 - KCN Long Thành (8 xưởng).

- Dự án Nhà máy XLNTTT KCN Long Thành giai đoạn 4 nâng công suất xử lý 25.000 m³/ngày đêm.

- Dự án Khu nhà ở Sonadezi Long Thành (03ha)
- Dự án Cụm công nghiệp Long Phước 1 (75ha)
- Dự án Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 2,3 – KCN Châu Đức (8 xưởng)

❖ **Các dự án chuẩn bị đầu tư:**

- Dự án Khu đô thị Sona Riverview
- Dự án thuê đất xây dựng nhà xưởng cho thuê (50ha) tại KCN Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Dự án Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 6,7,8 – KCN Long Thành (27 xưởng)
- Dự án Cụm xưởng cho thuê giai đoạn 4,5 – KCN Châu Đức (8 xưởng)
- Dự án 28 căn liên kế LK1 - KDC Tam An 1.
- Dự án chung cư thương mại cao tầng Tam An 1.
- Dự án Văn phòng cho thuê – KCN Long Thành.

3. Dự kiến các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản cho giai đoạn 2021-2026:

Hội đồng Quản trị công ty dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh cho nhiệm kỳ V (2021-2026) cụ thể như sau:

(ĐVT: đồng)

TT	Diễn giải	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	405.081.321.899	409.490.000.000	468.671.000.000	553.807.000.000	599.136.000.000	609.411.000.000
2	Doanh thu	359.308.945.514	391.347.000.000	450.528.000.000	535.664.000.000	580.993.000.000	591.268.000.000
3	Doanh thu tài chính	45.772.376.385	18.143.000.000	18.143.000.000	18.143.000.000	18.143.000.000	18.143.000.000
4	Tổng chi phí	280.795.121.000	305.320.000.000	355.806.000.000	430.527.000.000	466.760.000.000	458.169.000.000
5	Chi phí giá vốn, bán hàng, quản lý	280.231.901.521	304.420.000.000	349.872.000.000	418.691.000.000	438.571.000.000	434.974.000.000
6	Chi phí tài chính	563.219.479	900.000.000	5.934.000.000	11.836.000.000	28.189.000.000	23.195.000.000
7	Lợi nhuận trước thuế	124.286.200.899	104.170.000.000	112.865.000.000	123.280.000.000	132.376.000.000	151.242.000.000
8	Thuế TNDN	22.255.011.194	17.000.000.000	18.944.000.000	21.027.000.000	22.847.000.000	26.620.000.000
9	Lợi nhuận sau thuế	102.031.189.705	87.170.000.000	93.921.000.000	102.253.000.000	109.529.000.000	124.622.000.000

4. Công tác quản trị công ty:

- Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và ban hành mới về hệ thống khung pháp lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế tại công ty như các quy chế, quy trình, cơ chế phân cấp, phân quyền để rút ngắn thời gian ra quyết định, tạo sự chủ động, tính chịu trách nhiệm đi kèm tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ và hiệu quả công việc.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện và kiện toàn bộ máy phù hợp với tình hình thực tế.

5. Về nguồn lao động:

- Thực hiện sắp xếp công tác tổ chức, bộ máy đảm bảo tinh gọn, hợp lý và hiệu quả.

- Chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của công ty trong nhiệm kỳ mới.

- Xây dựng và hoàn thiện, áp dụng hệ thống quy trình, quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, cử Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp.

- Hoàn thiện việc áp dụng hệ thống đánh giá năng lực KPIs đi kèm với hiệu quả công việc, từ đó có cơ chế đánh giá, chính sách đãi ngộ, lương, thưởng, tạo động lực và khai thác tối đa hiệu suất làm việc của người lao động công ty.

Với những định hướng cụ thể trên, trong giai đoạn 2021-2026, HĐQT sẽ tăng cường việc chỉ đạo, giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT Nhiệm kỳ IV (2016-2020) và định hướng hoạt động của HĐQT Nhiệm kỳ V (2021-2026) của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành như trên.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HS.ĐHĐCĐ.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn